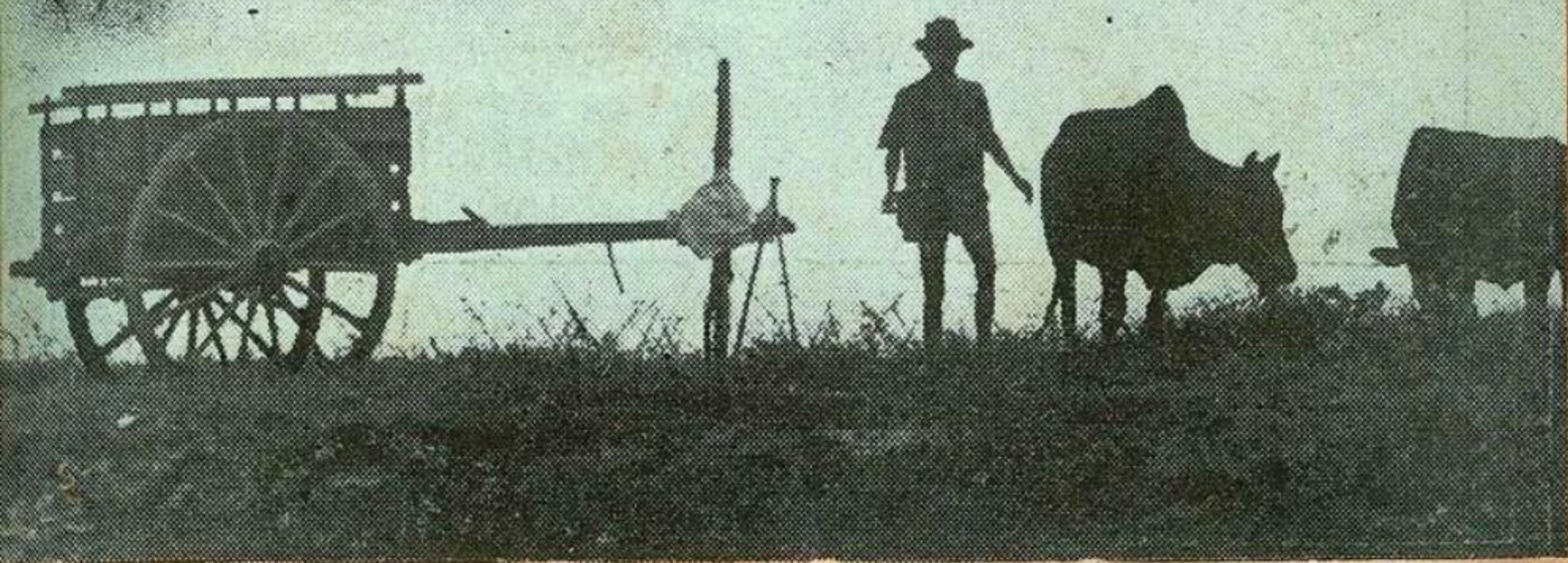




*Chypre, một nguồn
tranh chấp quốc tế triển
miên * Nghệ thuật và*



*thời đại chúng ta * Văn học Hán
Nôm đất Đồng Nai * Những khám
phá mới về Gia Định báo * Huyền-
thoại-học và Huyền-thoại lí-học
với nguồn gốc dân tộc * Giáo dục
thường trực và phát triển văn hóa*

BACH KHOA

BÁCH KHOA

413 M*:

ĐỖ TRỌNG HUỆ <i>nghệ thuật và thời đại chúng ta</i>	05
TỪ MINH <i>đảo Chypre, nguồn tranh chấp quốc tế triển miên</i>	15 -
NGUYỄN VĂN HẦU <i>văn học Hán Nôm đất Đồng Nai từ Gia Long đến đầu Tây thuộc</i>	21 ✓
PHẠM LONG ĐIỀN <i>những khám phá mới về Gia-Định báo</i>	33 ,
TRẦN NGỌC NINH <i>huyền-thoại-học và huyền-thoại lí-học trong sự đi tìm nguồn gốc dân-tộc</i>	39 -
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>giáo dục thường trực và phát triển văn hóa</i>	49 ,
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55 -
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>tình chúng mình sẽ được vẽ lên tranh — kỷ niệm, kỷ niệm — gỗ đá (thơ)</i>	60 -
VÕ PHIẾN <i>người lảng diềng phía sau (truyện ngắn)</i>	63 -
NGUYỄN HUY NHƯỢNG <i>nghe hòa bình ; chiều thu ngồi lại nơi hiên nhà xưa ; chống nạng trở lại vườn xưa (thơ)</i>	70 -
TƯỜNG LINH <i>sương ngọc (thơ)</i>	71 -
GỈ KHÁNH <i>anh không phải là thi sĩ (thơ)</i>	72 -
TA TÝ <i>tôi về thăm (thơ)</i>	73 ✓
SINH HOẠT	
TRẦN NGỌC NINH <i>Y khoa và văn chương</i>	73 ✓
TỬ DIỆP <i>những khám phá mới về sao chổi Kohoutek</i>	77 -
NGUYỄN KINH CHÂU <i>Duy Lam nói chuyện về Nhất Linh tại Huế</i>	79 .
THẾ NHÂN <i>sinh hoạt văn học tại Qui nhơn — Giáo sư William Maxwell nói về Truyền thông — Hồ Hữu Tường nói về Trương Vĩnh Ký</i>	83
VĂN THANH <i>trình bày bìa (Hình ảnh của Nguyễn Ngọc Lương chụp tại Bình Dương, ven Quốc lộ 13, khi chiều xuống)</i>	

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-8-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ăn cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Tự học tiếng phổ-thông Trung-hoa do Dương Hồng biên soạn, Dục-Kỳ hiệu đính và soạn giả gửi tặng. Sách dày 242 trang nhằm thỏa mãn một số độc giả muốn học tiếng Quan Thoại, chú trọng vào 3 điểm: Phát âm, Văn phạm và Đàm thoại, soạn theo một phương pháp mới và thực dụng. Giá 890đ.

— Cô gái Xà Niêng truyện dài của Vũ Hạnh do Anh Vũ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang nội dung rất lôi cuốn với khung cảnh rừng sâu cùng Mã Voi và chủng loại Xà-Niêng, mỗi tình gian nan của người trai cùng cô gái rừng « cổ » hoạt loài thú để làm người ». Giá 540đ.

— Yamamoto và trận đánh quyết định vận mạng Thái Bình Dương, nguyên tác « Get Yamamoto » của Burke Davis, bản dịch của Tuyết Sinh, do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành và gửi tặng. Ấn phẩm thứ 40 của nhà xuất bản

dày 123 trang, bla Nguyễn Đồng. Giá 400đ.

— Các khuynh hướng mới của hội họa Việt nam hiện đại của Tạ Tỵ do Con Đường xuất bản và tác giả gửi tặng. Ấn bản thứ 16 của nhà xuất bản, in ronéo, phổ biến trong thân hữu.

— Áo mơ phai truyện dài của Nguyễn Đình Toàn, Nhà xuất bản Văn-học ấn hành và gửi tặng. Sách được giải thưởng Văn học Nghệ thuật 1973, in lần thứ nhì, trình bày trang nhã. Giá 950đ.

— Đi qua đời tôi tập thơ của Xuân Hữu do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng. Sách tái bản, dày 20 trang, gồm 21 bài thơ. Giá 100đ.

Tin Sách số 15 (6-1974) và số 16 (7-1974) do Thư viện Đại học Vạn-Hạnh ấn hành: Mục lục phân tích tạp chí Việt ngữ hàng tháng, được chia làm 8 bộ môn : Chính trị, Giáo dục, Kinh tế, Khoa học Y học, Nhân lực, Phong tục, Xã hội, Sử địa, Văn học Nghệ thuật. 13 tạp chí đã được sử dụng gồm : Bách khoa, Kinh tế Tài chính, Em, Phổ thông, Phương đông, Thời nay, Thời tập Văn w... Mỗi số in ronéo, dày trên 30 trang rất tiện lợi cho việc tra cứu. Lê văn Anh và Phạm văn Xuân phụ trách.

CÁO LỖI

Trên Bách Khoa số trước (L * — 412), các bài « Mạnh tử, Đời sống và hoạt động chính trị » của Ô. Nguyễn Hiến Lê, trang 23 và Chữa mắt bằng tia Laser của Ô. Trần Nhật Bảo, trang 33, không kịp ghi vào Mục lục ở phía trước nên phải ghi vào cuối trang chót.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và các tác giả của hai bài trên đây.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Nghệ thuật *và thời đại chúng ta*^(*)

Nếu ngồi kiểm điểm những giấc mơ chung của nhân loại, chúng ta phải thành thật nhận rằng mặc dù đã cố gắng vĩ-dại và liên-tục ít nhất cũng trên 500.000 năm, loài người vẫn thất-bại một cách chua cay và hầu hết những giấc mơ đó đến nay vẫn còn là những giấc mơ không tưởng. Giấc mơ thứ nhất là giấc mơ hạnh-phúc. Từ thượng-cổ đến nay, nhân loại không lúc nào không đuổi theo hạnh-phúc, nhưng có ai dám cả quyết là con người văn-minh của thế-kỷ thứ XX này sung sướng hơn con người dã man của thời đại đồ đá cũ? Có thể là chúng ta ăn ngon hơn, mặc ấm hơn, hiểu biết nhiều hơn, nhưng ăn ngon, mặc ấm, hiểu biết nhiều là một chuyện mà hạnh-phúc lại là một chuyện khác. Chả thế mà các thi-nhân đã tốn nhiều giấy mực đề ca tụng, đề tiếc thương cái thiên-đường của buổi hồng hoang — cái thiên-đường vĩnh viễn mất đi trong đó, con người tuyệt đối tự-do, đầu đội trần, chân đạp đất, ngủ không cần giấc, ăn không cần giờ, không có của cải để mà tranh giành, không có thù địch để mà giết chóc.

Giấc mơ thứ hai là giấc mơ trường-sinh bất tử. So sánh với trăng, sao, sông, núi, kiếp sống 100 năm của con người quả thật là phù du và thân phận con người quả thật là thân phận của một cây sậy như lời một triết-gia Pháp. Dù có biết tư duy chẳng nữa thì cây sậy vẫn chỉ

là cây sậy. Cho nên không lúc nào loài người không hăm hở tìm kiếm sự trường-sinh bất tử. Hết dùng ma-thuật lại thì nhiệm tiên-đan; hết nấp sau tín-ngưỡng tôn-giáo lại mãi mê lý-luận siêu hình. Rốt cuộc, ma-thuật và tiên đan đều là huyền hoặc: các thầy phù thủy, các đạo-sĩ luyện đan cũng chết như mọi người, có khi còn chết trước mọi người. Còn tôn-giáo và triết-học chỉ dạy chúng ta giải thích sự chết, dạy cho chúng ta cách chấp-nhận sự chết chứ không thực sự che chở cho chúng ta thoát khỏi bàn tay của tử-thần. Chỉ còn hy vọng vào khoa học. Nhưng khoa học càng phát-minh nhiều phương-tiện tối tân để trị liệu bệnh tật thì hình như càng xuất hiện nhiều chứng bệnh quái ác, và nhất là những vũ khí giết người lại càng hữu hiệu hơn. Xưa kia người của thời đại đồ đá đánh nhau tay không, để được địch thủ ra, nhặt một lưỡi rìu bằng đá để cửa cổ, phải cửa nửa ngày mới đứt. Ngày nay, một trái bom nguyên tử có thể giết 100.000 người trong nháy mắt. Một cuộc cách-mạng như cách-mạng 1917 ở Nga làm chết hàng triệu người. Một trận chiến-tranh như đệ-nhị thế chiến vừa qua chết 5.000.000 người. Nhân-loại đã làm đủ thứ cách-mạng: Cách-mạng thể tục

(*) Nguyên văn bài diễn thuyết đọc ngày 11-7-1971 tại trường Quốc gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ. Saigon do Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên tổ chức.

đề lật đổ thần-quyền, cách-mạng dân-chủ đề lật đổ vương quyền, cách-mạng nông-nghiệp để chấm dứt chế-độ du-mục, cách mạng kỹ nghệ để chấm dứt chế độ thủ công nhưng chưa có một cuộc cách-mạng nào lật đổ được thần chết. Và trên cái vũ-trụ đã được tôn-giáo cùng triết-học trao cho những ý nghĩa thâm trầm nhất, đã được khoa-học soi sáng đến tận những chỗ sâu kín nhất, trên cái vũ-trụ đó, bóng của tử-thần vẫn bừng bừng y nguyên, bao trùm và khủng khiếp.

Chúng ta có thể kể thêm nhiều thí-dụ nữa về sự thất-bại của loài người. Nhưng giữa thời buổi gạo châu củi quế này, giữa lúc mọi người đều tối tăm mặt mũi với sinh-kế hàng ngày, thiết tưởng không ai rảnh rỗi để ngồi ghi thêm những thành-tích bi quan cho một cuộc sống vốn dĩ đã không có gì lạc quan. Vì vậy điều cần biết ngay là bên cạnh những thất bại chua cay, loài người cũng đã thành công rực rỡ trong nhiều lãnh vực. Và một trong những giấc mơ diễm tuyệt nhất của nhân-loại đã trở thành sự thực trong hậu bán thế-kỷ XX sự chinh phục tốc-độ.

Tốc độ là giấc mơ thiết-tha bậc nhất, xưa cũ bậc nhất của loài người, có lẽ còn thiết-tha hơn, xưa cũ hơn cả giấc mơ hạnh-phúc và giấc mơ trường-sinh bất tử. Bởi vì trước hết phải sống đã, nhiều hậu mới có thể ngồi tới chuyện sống lâu và sống sung sướng. Trong giai đoạn khởi thủy của thời kỳ tiền-sử, thức ăn chính của con người là muông thú và khí-giói độc nhất để giết muông

thú là sức mạnh của đôi tay. Nhưng đôi tay dù mạnh đến đâu chẳng nữa mà đôi chân chậm chạp thì cũng có nhiều hy-vọng chết, nếu không chết đói thì cũng chết vì nanh vuốt của muông thú. Thế mà phương diện tốc-độ, con người thời ấy có lẽ chỉ hơn được loài rùa! Phải nhanh, nhanh hơn, nhanh nhiều hơn nữa thì mới sống được. Cho nên những chuyện đề khí, phi thân, đằng vân, độn thổ, vụt biến, vụt hiện không phải chỉ là sản-phẩm của óc tưởng tượng bệnh hoạn của mấy chú ba Tàu nằm bên khay đèn á-phiện. Những cách di chuyển mau lẹ và hoang đường như vậy chúng ta thấy bàng bạc trong những thần-thoại của hầu hết các dân tộc trên thế giới và nhằm thỏa mãn phần nào cái nhu-cầu dai dẳng về tốc-độ đã trở thành ám ảnh truyền kiếp đối với loài người.

Tốc-độ của con người sơ khai hoàn toàn tùy thuộc đôi chân cho nên thuật tiên con người dùng bước chân mình để đo không gian: bộ là đơn-vị đo lường khi mà tốc-độ trung-bình của chúng ta khoảng 4 km/giờ. Vài trăm ngàn năm sau, con người chinh-phục được ngựa để tăng tốc-độ lên gấp 6, 7 lần. Đơn vị đo lường không gian bây giờ không còn là bước chân người nữa mà là bước chân ngựa, là "mã". Cho đến tận cuối thế-kỷ XVIII, tốc-độ ấy hầu như không nhúc nhích. Nhưng chưa đầy 150 năm sau, nó đã vọt lên gấp 500 lần, vượt qua tốc-độ của âm thanh với những phi-cơ phản lực bay nhanh trên 2.000 km/giờ. Và gần đây, nghĩa là 10 năm sau, nó lại

Tăng lên gấp 10.000 lần với những phi-thuyền không gian : chúng ta đều biết rằng muốn thoát khỏi hấp lực của trái đất, các phi-thuyền không gian phải bay với tốc-độ 39.260 km/giờ. Đó là một thành công vẻ vang của trí tuệ, một biến cố vô cùng trọng đại mà nếu suy ngẫm cho kỹ, chúng ta không khỏi giật mình kinh sợ. Bởi vì biến cố trọng đại đó không thể không ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống con người. Chúng ta đã tạo ra một thế-giới mới : thế-giới của tốc-độ, và chúng ta lại là những người sống trong cái thế-giới mới đó. Dù chúng ta muốn hay không muốn nó cũng sẽ nhào nặn chúng ta.

Tốc-độ là đặc-điểm then chốt, phân-biệt thời đại chúng ta với những thời đại trước. Các thế-hệ đã qua theo đuổi một trình độ lý tưởng ở đó những giá trị tinh-thần của con người coi như đạt tới sự toàn thiện, toàn mỹ. Cái trình độ lý tưởng ấy mang nhiều tên khác nhau : Phật-giáo gọi là Niết-bàn, Nho-giáo gọi là Thái-hòa, Lão-giáo gọi là Đạo, Bà-la-môn gọi là Atman, Platon gọi là Thế-giới Ý-tưởng, nhưng tựu chung các hệ-thống tư-tưởng lớn từ Đông sang Tây đều cố gắng tìm cách đưa chúng ta tới đó, tới cái điểm tối cao mà mỗi người tự thể hiện được mình và có thể nghỉ ngơi sau khi đã đạt được cứu cánh.

Ngày nay không thế nữa. Giấc mơ một sự hoàn-bị tối hậu đã tan vỡ. Từ đầu thế kỷ XX chúng ta bị ném vào một cuộc chạy đua càng lúc càng mau, càng ngày càng

vội. Cuộc sống giờ đây lôi cuốn chúng ta theo một nhịp độ hối hả, làm cho chúng ta thiếu điều hụt hơi. Chúng ta chạy rồi chính chúng ta lại đuổi. Vấn đề duy nhất của thế-hệ này hình như là làm sao càng nhanh càng tốt. Không những chúng ta muốn đi nhanh, viết nhanh, sản xuất nhanh, đòi một nhanh, bầu cử nhanh, thảo luận nhanh, đảo chính nhanh, mà còn đòi hỏi sự nhanh chóng cả trong những lãnh vực mà cách đây chưa tới vài chục năm ông cha chúng ta còn nhất thiết đòi hỏi sự chậm rãi, sự từ tốn. Đọc sách chẳng hạn ông cha chúng ta phải khoan thai, nghiền ngẫm, không những đọc những chữ đã viết ra, đã in ra, mà phải cố gắng đọc cả những chữ không được viết ra, không được in ra vì lẽ thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý. Ngày nay có những trường mở ra chuyên dạy đọc cho thật nhanh, mỗi phút làm sao phải đọc được hàng trăm chữ. Trước kia ông cha chúng ta đuổi theo sự quân bình ; ngày nay chúng ta chỉ nghĩ cách làm đổ vỡ thế quân bình bởi vì thế quân-bình làm cho chúng ta trở thành bất động. Tượng trưng cho các thế hệ đã qua là hình ảnh một người đứng dạng hai chân một cách vững vàng. Tượng trưng cho thế hệ hôm nay là hình ảnh một chiếc máy bay : càng bay nhanh càng vững ; ngừng lại là rơi, là chết.

Như đã trình bày ở trên, loài người hoàn toàn thất bại trong công cuộc tìm kiếm sự trường sinh bất tử. Đời sống của con người trải qua bao nhiêu, thế hệ vẫn nằm trong

giới hạn trên dưới 100 năm, không sao nổi dài hơn được. Đã không có thể sống lâu hơn thì phải tìm cách sống nhiều hơn. Mà muốn sống nhiều hơn thì phải rút ngắn các hành vi trong thời gian: mỗi hành vi phải càng nhanh càng hay, càng chứa đựng nhiều càng tốt, càng hữu hiệu càng quý. Từ xưa tới nay con người không bao giờ quên theo đuổi mục tiêu đó. Và tất cả những dụng cụ, những máy móc mà kỹ thuật cùng với khoa học đã chế tạo từ xưa tới nay cũng chỉ cốt làm cho hành động của chúng ta vừa nhanh chóng lại vừa hữu hiệu. Hãy so sánh tốc độ 4 km/giờ của người tiền-sử với tốc độ 40.000 km/giờ của phi thuyền không gian; hãy so sánh cái lưỡi rìu bằng đá giết được 1 người trong nửa ngày—và giết một cách sơ sài—với trái bom nguyên tử giết được 100.000 người trong nháy mắt—và giết một cách chu đáo, tận tình—; chỉ cần so sánh như vậy là chúng ta đủ ý thức được sự thành công ghê gớm của loài người. Để thấu ngắn các hành-vi của mình, con người thoát tiên chỉ có sức mạnh của bắp thịt. Rồi con người chế ngự được lửa và nước: đó là cuộc cách-mạng nông-nghệp. Rồi phát-mình ra hơi nước, máy móc và điện-khí: đó là cuộc cách-mạng kỹ-nghệ. Rồi phá vỡ một hạt nhân nguyên-tử từ năm 1945: đó là cuộc cách-mạng kỹ-thuật. Máy móc cùng với năng-lượng nguyên-tử đang đẩy thời đại chúng ta bay vùn vụt trong không gian và đưa lên tới một độ cao chưa từng thấy trong lịch-sử cái ước-vọng tự-nhiên của

con người là mở rộng quyền-lực của mình đối với vũ-trụ bên ngoài.

Trong cái thế-giới của tốc-độ do chính chúng ta tạo ra đó, cái gì xảy đến cho tâm hồn con người? Con người phát minh ra máy móc cốt để máy móc giúp đỡ mình, phục-vụ mình trong công cuộc chinh phục tốc độ. Thoạt đầu máy móc là nô-lệ của con người, nhưng rồi máy móc ảnh hưởng ngược lại con người chế-tạo ra nó. Lấy một thí-dụ đơn giản. Chúng ta phát-mình ra đồng-hồ để đo lường thời-gian, nhưng dần dần đồng-hồ ảnh hưởng ngược lại chúng ta một cách nặng-nề. Chúng ta chỉ thấy đối vào những giờ nhất định, chỉ buồn ngủ vào những giờ nhất định. Chúng ta không thể ăn cơm chiều vào lúc 3 giờ, cũng chẳng thể buồn ngủ đi ngủ vào lúc 9 giờ sáng. Trong các vị hán nam-tử, đại trượng-phu, ai mà chẳng từng ném cái mùi vị bực mình mỗi khi vì những lý-do quân quốc hệ trọng về trễ giờ cơm vài ba tiếng đồng-hồ mà phu-nhân cứ ý ỏi lục vấn tại sao không tôn trọng giờ giấc? Bực mình đến nỗi nhiều lúc chúng ta muốn quăng quách cái đồng-hồ đi cho rảnh nợ. Nhưng nếu một ngày đẹp trời nào đó chẳng may cái đồng-hồ của chúng ta bị một thiếu-niên anh tuấn phóng xe Honda ra tay nghĩa hiệp giựt mất thì chúng ta lại sẽ bực mình hơn: thiếu cái đồng-hồ chúng ta tưởng chừng như không còn làm được việc gì nữa.

Nói chung, máy móc bò-túc cho những gì con người không có và

như vậy máy móc không thể giống con người. Nhưng muốn xử-dụng máy móc chúng ta phải thích nghi với nó. Máy móc cũng tỏ ra khó tính và con người nhượng bộ dần dần để đi tới chỗ tự chối bỏ mình và chỉ còn biết tuân-lệnh của máy móc. Bị hy sinh nhiều nhất là đời sống nội tâm bởi đời sống nội tâm cản trở tốc-độ: thương nhớ, vui buồn, cảm xúc, nghĩ ngợi, phán đoán, suy luận, những thứ đó tạo nên những giây phút ngập ngừng mà máy móc không chấp nhận.

Ngày xưa người cỡi ngựa là một sinh-vật điều khiển một sinh vật khác. Con ngựa tuy thấp kém, đần độn hơn con người nhưng chắc chắn cũng có những cảm giác, những phản ứng tương-tự như con người. Vì vậy muốn trở nên một kỵ-mã giỏi, phải hiểu tâm-lý thú vật, phải biết vỗ về ve vuốt, phải tiên liệu những phản ứng tự nhiên của ngựa mới dễ bề điều động. Ngày nay đối với bác tài-xế xe hơi, những khả-năng đó trở thành thừa thãi, vô ích nếu không muốn nói là nguy hiểm. Muốn lái xe hơi giỏi, chúng ta chỉ cần có những xung động mau lẹ và chính xác. Người tài xế giỏi phải luyện tập những cử chỉ tự động, phải thắng được sự chặm trễ của suy nghĩ, phải bóp chết tiếng nói của tự-do tâm lý cũng như toán học đã loại trừ những cái mà con người gọi là bất ngờ. Ngay từ năm 1949 một tờ báo ở Hoa-kỳ đã nhận xét: "Những tài-xế nguy hiểm nhất chính là những người thông-minh, những nhà trí

thức". Tại sao? Xe đang chạy trên 100 km/giờ, bỗng một bóng đen lao vụt tới, nếu tài-xế tự hỏi: "Đó là cái gì? Nên thắng gấp hay không nên thắng gấp? Nếu thắng gấp thì mình sẽ ra sao, xe sẽ ra sao, và cái bóng đen kia sẽ ra sao? Nếu không thắng gấp thì mình sẽ ra sao, xe sẽ ra sao và cái bóng đen kia sẽ ra sao?" Chưa trả lời được một phần mười những câu hỏi đó thì tai nạn đã xảy ra rồi. Lái xe hơi còn như thế nói chi đến lái phi-thuyền với tốc độ 40.000 km/giờ. Chỉ 1/4 giây bắn khoắn, 1/5 giây xúc động, không điều chỉnh độ nghiêng hay đường bay đúng lúc là phi-thuyền sẽ cháy thành tro bụi, hoặc bay thẳng vào không gian, không bao giờ trở về trái đất được nữa.

Vậy thì máy móc đòi hỏi nơi người xử-dụng nó những xung động tức khắc. Người xử-dụng máy dần dần cũng trở thành tự động, thân nhiên như chính cái máy. Máy móc lại có một đặc điểm thiết-yếu là tẻ nhất. Mỗi người chúng ta là một cá-nhân riêng biệt: không ai giống ai. Hai anh em dù sinh đôi vẫn là hai người khác nhau vì yêu ghét khác nhau, giỏi dốt khác nhau, chăm lười khác nhau, cao thượng bần tiện khác nhau. Máy móc không thế. Một ngàn cái máy xe hơi thuộc cùng một đợt chế-tạo, mang cùng một nhãn hiệu, của cùng một nhà máy: một ngàn cái máy xe hơi ấy tẻ-nhất nghĩa là giống hệt nhau. Trong 1.000 cái máy đó, sự lên xuống của các piston cũng lại tẻ-nhất, không mảy may khác biệt. Sự tẻ-nhất của máy móc đưa tới sự tẻ-nhất của chủ nó là con người.

Trước những máy móc giống hết nhau, nếu ta cảm nghĩ một cách khác, quan niệm một cách khác thì chỉ khiến cho ta xử-dụng sai lầm hay chậm trễ. Con người hiện đại chấp nhận định luật của máy móc: đó là sự định chuẩn (standardisation). Mỗi cái máy gồm nhiều bộ phận và mỗi bộ-phận có thể thay thế bất cứ lúc nào. Cũng vậy mỗi cá-nhân trở thành một bộ phận cấu thành xã-hội và có thể thay thế bất cứ lúc nào. Tình trạng này càng ngày càng rõ rệt tại các quốc-gia mệnh-danh là tiên tiến như Hoa-kỳ, Nga-sô, Tây-Âu, Nhật-bản. Dưới những chiêu bài ý thức hệ khác nhau, đôi khi kinh chống nhau, các quốc-gia đó thực ra đều bị thúc đẩy bởi cùng một động-lực: đào tạo những con người tề-nhất mà đời sống tâm linh hoàn toàn bị hóa giải, huấn-luyện những công-dân lý-tưởng nghĩa là những công-dân mà các xung động có thể tiên liệu và điều-khiển như máy. Những công dân lý tưởng ấy sẽ góp phần hữu hiệu vào công cuộc sản-xuất kinh-tế tại các quốc gia tư bản, sẽ góp phần hữu hiệu vào công cuộc đấu tranh chánh-trị tại các quốc gia Cộng-sản. Trong cả hai trường hợp, con người đều trở thành cái máy để thực hiện tốc-độ. còn sinh-hoạt tâm-linh cá-nhân càng ngày càng thu hẹp, nhất là tình-cảm thì càng ngày càng khô cạn, nghèo nàn. Kẻ nào còn đề cho tình-cảm ngự-trị, không biết tôn thờ tốc-độ,

không biết vâng lệnh máy móc, kẻ đó coi như lạc-hậu, lỗi thời rồi sẽ bị xã hội vượt qua hay nghiền nát. Tình cảm chỉ còn sót lại trong nghệ-thuật. Xã-hội chấp nhận nghệ-sĩ, nuông chiều họ, quý trọng họ bởi vì xã-hội nhờ nghệ-sĩ thay mình sống bằng tình cảm rồi thông báo kết-quả cho mình, cũng như người ta nuôi ong để ong thay mình hút nhụy làm mật. Nghệ-sĩ không phải chỉ « cảm thấy » hơn người khác mà còn « cảm thấy » thay cho người khác. Người khác hoan-ngheh nghệ-sĩ nhưng đồng thời lại cho nghệ-sĩ là hạng người vô dụng, không ích-lợi thiết thực cho xã-hội. Nghệ-thuật trở thành những trò chơi sang trọng, đắt giá nhưng hầu như phù phiếm. Xã-hội quý trọng nghệ-sĩ cũng như người lớn nuông chiều trẻ thơ: quý trọng, nuông chiều vì những thiên-tư mà chính mình không có nhưng trong thâm tâm lại lấy làm bài lòng vì mình đã không có những thiên-tư ấy. Đó là lý-do thâm kín khiến cho các bậc phụ-huynh mỗi khi thấy con em ngỗ ý muốn theo học trường Y-khoa hay trường Kỹ-sư thì vui mừng tán thưởng, còn nếu con em ngỗ ý muốn trở thành họa-sĩ, nhạc-sĩ hay điêu-khắc gia thì lắc đầu thờ dãi nếu không tìm cách ngăn cản.

ĐỖ TRỌNG HUỀ

Kỳ tới: Hậu quả của Văn minh tốc độ và vai trò của Nghệ-thuật.

Đảo Chypre, một nguồn tranh chấp quốc tế triền miên

Với một diện-tích nhỏ bé 9144 cây số vuông, với những bãi biển cát vàng mịn màng, với những đồi cây xanh mát dưới ánh nắng mặt trời ấm áp trên mặt biển Địa-trung-hải, đảo Chypre có thể trở thành một trung-tâm giải trí được nhiều người mơ ước. Nhưng chỉ vì vị trí địa lý của đảo, cũng như lòng hận thù của dân chúng địa phương mà đảo này đã luôn luôn chìm trong máu lửa. Lịch sử của đảo Chypre là lịch sử

của một nền đô hộ ngoại bang giải đặc, nên đầy rẫy những hận thù chinh chiến. Ngày nay độc lập, nhưng đảo Chypre vẫn luôn luôn là một mối ngon mà các quốc gia bên ngoài dòm ngó. Các biến chuyển vừa qua trên hòn đảo nhỏ bé này lại một lần nữa nói lên sự đau khổ của người dân trên đảo trước các tham vọng chính trị của một số quốc gia trên thế giới.

I. LỊCH SỬ MỘT HÒN ĐẢO BỊ TRỊ

Đảo Chypre nằm trên biển Địa-trung-hải, một biển cả yên tĩnh, ít sóng gió. Nhưng đảo này lại thiếu may mắn là nằm trên con đường từ Âu sang Á hay đúng hơn từ Âu-châu kỹ-nghệ sang Trung Đông giàu tài-nguyên. Cách Thổ-nhĩ-kỳ có 64 cây số, cách Hy-lạp 840 cây số và cách Liban 160 cây số, Chypre nếu tọa lạc ở một vùng được coi là "cái nôi" của nền văn minh Tây-phương, thì đảo này suốt trong lịch sử cũng đã từng bị cuốn hút vào các biến chuyển chính trị của các nước Tây-phương. Mỗi khi một quốc gia nào muốn bành trướng về phía Trung Đông, người ta đều nghĩ tới việc chiếm hữu đảo Chypre để làm trạm đóng quân hay làm đồn kiểm soát con đường thương mại Đông-Tây.

Năm 1.500 trước Tây-lịch kỷ-

nguyên, khi Đế-quốc Ai-cập đang ở vào hồi cực thịnh, đảo Chypre đã bị Đế quốc này chiếm đóng để dùng làm một căn cứ phòng thủ. Sau cuộc đô hộ của Ai-cập thì Chypre lại rơi vào ách thống-trị của Đế-quốc La-mã

Vào thế-kỷ thứ 4 trước Tây lịch lại đến lượt Hy-lạp ngự trị đảo này vì Chypre trở thành một lãnh-thổ của Đế-quốc Byzance. Byzance đã làm chủ đảo Chypre trong vòng 8 thế-kỷ liên tiếp. Trong khoảng thời gian này người Hy-lạp đã đánh dấu ảnh hưởng của họ trên đảo bằng cách xây các thánh đường và du nhập Thiên-Chúa-giáo chính thống (Orthodoxe) vào đảo. Sau Hy-lạp lại tới phiên Pháp. Trong các cuộc Thập-tự Viễn-chinh (Croisades), Richard Coeur-de-lion, khi đem quân sang Trung-Đông để chinh phạt các

dân tộc man-dí (Les barbares) và bành trướng đạo Thiên-Chúa tại Trung Đông, đã chiếm hòn đảo này. Sau Pháp lại tới Cộng-hòa Venise làm chủ Chypre.

Đến năm 1570 thì Chypre bước vào một giai đoạn lịch-sử mới với sự chiếm đóng của người Thổ-nhĩ-kỳ. Ngay khi mới tới, người Thổ đã có một chính sách rất là hung bạo. Họ bắt viên tướng chỉ huy đảo lột da nhồi rơm rồi đem đi trưng bày khắp nơi trong đảo. Khoảng 30.000 lính Thổ được cấp đất để lập nghiệp trên đảo. Chính phủ Thổ còn khuyến khích những người này đem gia-đình sang định-cư lâu dài trên đảo. |Nền thống trị của Thổ-nhĩ-kỳ trên đảo Chypre đã kéo dài tới năm 1878 thì chấm dứt với sự can thiệp quân sự của Anh. Để bảo vệ con đường sang Ấn-độ (Route des Indes) Anh quốc đã buộc chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ phải đặt đảo Chypre dưới quyền kiểm soát của Anh.

Cho tới khi cuộc Đệ-nhất Thế-chiến bùng nổ, đảo Chypre tuy thuộc quyền kiểm soát của Anh nhưng trên lý-thuyết vẫn thuộc quyền Thổ. Tuy nhiên trong cuộc chiến này, Thổ-nhĩ-kỳ đã liên-minh với Đức nên Anh liền lợi dụng thời cơ để sát nhập Chypre vào lãnh thổ Anh quốc. Và đảo này đã trở thành một căn cứ quân sự rất lợi hại của Anh để vừa bảo vệ con đường sang thuộc-địa Ấn-độ vừa là một bàn đạp cho các cuộc hành quân của Anh tại Trung Đông.

Dưới quyền cai-trị của Anh, dân

chúng Chypre đã sống một cuộc đời tương đối tốt đẹp. Dân trên đảo thuộc về hai cộng đồng khác nhau: Một cộng đồng Hy-lạp gồm các con cháu những người Hy tới lập nghiệp từ thời đế-quốc Byzance và một cộng đồng Thổ giống với những người lính Thổ tới lập nghiệp trên đảo từ thế-kỷ thứ 16. Tuy hai quốc-gia Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-Lạp luôn luôn đánh nhau nhưng các thổ dân đảo Chypre gốc Hy cũng như gốc Thổ đều chấp nhận cuộc sống chung hòa bình với nhau. Trên phương-diện kinh-tế, người ta còn thấy có sự cộng tác chặt chẽ và phân công hữu hiệu giữa hai cộng đồng. Địa-chủ gốc Hy thường cho người gốc Thổ mượn đất để nuôi cừu. Tại các quán nước, những người Hy và Thổ tuy không ngồi cùng bàn với nhau nhưng vẫn nói chuyện với nhau bằng tiếng Hy-lạp.

Nhưng đến năm 1945, khi cuộc Đệ nhị thế chiến chấm dứt thì cuộc sống chung hòa bình này bắt đầu tan vỡ với các mưu toan đuổi người Anh dành độc lập của Giáo chủ Makarios và Tướng George Grivas. Vì cả hai nhân vật này đều là người Hy-lạp và lại chủ trương giải phóng Chypre để sát nhập đảo này vào Hy-lạp nên những người gốc Thổ hoảng sợ. Trong khi tổ-chức giải-phóng EOKA của Makarios và Grivas mở cuộc chiến tranh du kích để đánh đuổi Anh và thực hiện thống nhất với « mẫu quốc » Hy-lạp thì các người gốc Thổ cũng tổ chức một lực lượng du-kích để bảo-vệ cộng-đồng Thổ trước các mưu toan sát nhập đảo

Chypre vào Hy-lạp. Trong khi các người gốc Hy đòi «enosis» tức là sát nhập Chypre vào Hy-lạp thì các người gốc Thổ đòi «taskim» tức là sát nhập phần đất của cộng-đồng Hy vào Hy-lạp và phần đất của cộng-đồng Thổ vào Thổ-nhĩ-kỳ. Cộng-đồng Hy không chịu vì người gốc Hy đông hơn người gốc Thổ tới 5 lần. Do đó những cuộc đụng độ đổ máu giữa hai cộng-đồng đã bùng nổ vào năm 1955 và những người thuộc hai cộng-đồng đã dành những khu vực riêng rẽ để cư ngụ. Ngay tại thủ đô Nicosie của đảo người ta cũng thấy những hàng rào ngăn cách giữa hai cộng-đồng.

Không những các người Thổ và Hy đánh nhau mà họ còn xúm lại đánh chính quyền Anh nên một cuộc chiến tranh du kích tay ba đã diễn ra từ năm 1955 tới năm 1960. Chán nản trước tình trạng hỗn loạn nan giải này Chính-phủ Luân-đôn tuyên bố ý định trả lại độc-lập cho đảo vào tháng 7-1960. Nhưng Hy-lạp lại đưa vấn-đề ra trước Liên-Hiệp-Quốc. Tổ chức này cũng đành phải bó tay trước các quan-điểm trái ngược của Anh, Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-lạp.

Một hội-ng nghị tay ba được tổ chức tại Zurich (Thụy-sĩ) giữa đại diện 3 quốc-gia Anh, Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-lạp. Sau nhiều thời-gian thương-thuyết trả giá gắt gao, hội-ng nghị đã đạt được một thỏa-hiệp là ban hành một bản hiến-pháp dung hòa quan-điểm của các phe liên-hệ. Theo hiến-pháp thì Tổng-Thống Chypre sẽ là người gốc Hy, nhưng Phó Tổng-Thống thì phải

là người gốc Thổ. 3 Tổng-trưởng trên 10, 30% dân biểu, 40% quân đội, 30% cảnh sát, và 30% công chức phải thuộc gốc Thổ. Giáo-chủ Makarios được bầu làm Tổng-Thống và ông Kutchuk người gốc Thổ được bầu làm Phó-Tổng-Thống.

Nhưng biện pháp dung-hòa này vẫn không hòa giải nổi hai cộng-đồng Hy - Thổ. Bị áp chế, các người Thổ quyết định rút khỏi chính quyền vào năm 1963 và các cuộc đụng độ lại tái diễn giữa hai cộng-đồng. Sau nhiều tháng trời các cuộc đụng độ này càng ngày càng trở nên trầm trọng khiến Liên-Hiệp-Quốc phải gửi một lực lượng quân-sự 2.000 người tới trấn đóng trên đảo Chypre để ngăn chặn cuộc chiến tranh bất tận của hai cộng-đồng Hy-Thổ.

Mặc dầu có sự hiện diện của lực lượng Liên-Hiệp-Quốc, hai cộng-đồng vẫn tiếp tục các cuộc tranh chấp đổ máu. Và vào tháng 8-1964 chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ đã cho phi cơ sang oanh tạc vùng các người Hy cư ngụ. Năm 1967 chiến tranh giữa hai quốc gia Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ đã sắp bùng nổ về đảo Chypre.

Nhưng bắt đầu vào năm 1967 tình hình đảo Chypre được ổn định hơn trước vì Giáo-chủ Makarios nhận định rằng một quốc-gia Chypre độc-lập và trung-lập có lợi hơn là một đảo Chypre thuộc quyền một nước Hy-lạp quân phiệt đang bị thế-giới lên án. Vì vậy mà ông đã từ bỏ chủ trương «enosis», sát nhập Chypre vào Hy-lạp. Với lập trường mới này Makarios không những tại quốc nội

được các người Thổ chấp nhận mà tại quốc ngoại còn được các cường quốc Nga Mỹ ve vãn. Nga muốn liên kết với đảo Chypre để bảo vệ con đường đi vào Hắc Hải và đồng thời củng cố thế lực của mình ở vùng Đông Địa-trung-hải. Mỹ cũng muốn có một căn cứ tại một điểm then chốt chi phối Âu châu, Trung Đông và đồng thời mở một cửa sổ nhìn về phía Nga xô.

Lợi dụng ưu thế mới, Makarios đã áp dụng chính sách trung lập để thu hút viện trợ của cả Nga lẫn Mỹ. Nhưng nếu cả Nga lẫn Mỹ đều muốn duy trì một quốc gia Chypre độc lập thì Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-lạp, nhất là Hy-lạp, vẫn không từ bỏ mộng nuốt trôi đảo này và luôn luôn tìm cách dùng đảo Chypre để thực hiện những tham vọng của riêng họ.

II. ĐỐI TƯỢNG TRANH CHẤP GIỮA CÁC QUỐC GIA

Dù được độc lập, dù áp dụng chính sách trung lập và được các đại cường quốc che chở, Chypre vẫn không tránh khỏi số mạng cổ hũu của mình là làm mồi cho các cuộc tranh chấp quốc tế. Chiều thỏa ước năm 1960 giữa quốc-gia Chypre mới độc lập và Anh quốc, chính phủ Luân-đôn luôn luôn duy trì các căn cứ quân sự trên đảo Chypre. Sự hiện diện của các lực lượng Anh tại đây được cả Thổ-nhĩ-kỳ, Hy-lạp và Hoa-kỳ chấp nhận vì cùng với Anh, 3 quốc gia này đều là hội viên của Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Vì vậy mà trong chiến-lược của Minh-ước đảo Chypre được coi như tiền đồn của khối Bắc Đại-tây-dương trước sức bành-trướng của Nga-sô cộng-sản.

Hiền rõ ý định của 4 quốc-gia Anh, Mỹ, Thổ và Hy, Nga đã cố gắng phá tiền đồn Chypre bằng cách lôi cuốn quốc gia này vào ảnh hưởng của phe Cộng-sản. Để cho Chypre thoát khỏi sự kiểm soát của khối Bắc Đại-tây-dương, Nga một

mặt thúc đẩy Giáo chủ Makarios áp dụng chính sách đối lập với Hy-lạp nhưng một mặt vẫn tìm cách khuyến khích Thổ-nhĩ-kỳ đòi lại đảo Chypre.

Đối với Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-lạp vẫn đề Chypre còn là một đối tượng tranh chấp phức tạp hơn nữa. Từ năm 1967 tới tháng 7-1974, Hy-lạp sống dưới chế độ độc tài quân phiệt. Vì là một chế độ quân phiệt, Hy-lạp của Đại tá Papadopoulos cũng như của tướng Gizikis cố gắng thu lượm được những thành tích quân sự tại Chypre để được dân chúng trong nước ủng hộ. Do đó chính phủ Hy-lạp đã phái tướng Ioannides sang Chypre để chỉ huy đoàn dân vệ của cộng đồng Hy-lạp ở đảo này. Vì tướng Ioannides tìm đủ mọi cách xúi bẩy các sĩ quan Chypre và các người gốc Hy-lạp chống đối Makarios nên Tổng Thống Chypre đã phải chính thức yêu cầu Athènes triệu hồi ông Tướng này về. Thay vì gọi Ioannides và các sĩ quan Hy-lạp về, chính phủ Athènes đã bắt

dền xanh cho các sĩ quan Hy-lạp làm đảo chính quân sự để lật đổ Makarios và đưa Nikos Sampson lên làm Tổng-Thống.

Sampson năm nay 39 tuổi là trùm một tổ chức khủng bố đã từng dính líu tới 26 vụ án mạng. Sampson lại còn là một người cuồng tín, chủ trương « enosis », vì vậy mà khi được tín Sampson lên làm Tổng-Thống, cộng-đồng Thổ tại đảo Chypre đã hết sức lo ngại và chuẩn bị kháng chiến.

Về phần Giáo-chủ Makarios, ông đã trốn ra công sau định đi tới vùng rừng núi Paphos, nơi ông đã làm nghề chăn cừu lúc thiếu thời. Nhưng sau đó Makarios lại cho rằng trốn ra ngoại quốc để kêu gọi dư-luận quốc-tế chống lại chính thể quân sự Athènes sẽ có lợi cho đảo Chypre hơn. Vì vậy mà ông đã nhờ Tướng Dewan Prem Chand, Chỉ huy lực lượng Liên-Hiệp-Quốc đưa trực thăng tới một căn cứ quân sự của Anh, và từ đó đáp máy bay của Không-quân Hoàng-gia Anh sang Luân-đôn.

Trong khi đó, tại Nicosie, người ta loan tin Makarios đã chết và Sampson tuyên thệ nhận chức vụ Tổng-Thống. Để trấn an cộng - đồng Thổ, Tân Tổng-Thống Sampson tuyên bố rằng cuộc đảo chính thay đổi lãnh-tự tại đảo Chypre không có một nguy hiểm nào cho cộng-đồng Thổ ở Chypre. Nhưng những hứa hẹn này không được cộng-đồng Thổ tin tưởng. Lãnh-tự của các người gốc Thổ là Rauf

Denktas từ chối không thừa nhận tân chính-thể và lên tiếng kêu gọi Thổ-nhĩ-kỳ và Anh can thiệp để lật đổ Sampson.

Từ nhiều tháng qua bang giao giữa Thổ-nhĩ-kỳ và Hy-lạp đã ở trong một tình trạng căng thẳng vì vấn đề dầu hỏa dưới đáy biển Egée. Gần đây người ta đã khám phá được các mỏ dầu hỏa ở gần Thasos, trong vùng biển này. Nhưng nơi có dầu hỏa lại là nơi mà cả hai quốc gia cùng coi là thêm lục-địa của mình. Và trên thực tế thì Hy-lạp lại đang kiểm soát vùng này. Vì vậy mà Thổ-nhĩ-kỳ đã vội vàng lợi dụng các biến chuyển tại Chypre để can thiệp quân sự. Thủ-tướng Thổ Ecevit đáp máy bay sang Luân-đôn gặp Thủ-tướng Anh Harold Wilson. Ông ra điều-kiện là các sĩ quan Hy-lạp phải rút ngay khỏi Chypre nếu không Thổ-nhĩ-kỳ sẽ sử dụng quyền do thỏa-ước Zurich trao cho để gửi quân sang can thiệp ở Chypre. Tại Luân-đôn người ta tưởng rằng ông Ecevit chỉ dọa thôi, không ngờ Thổ-nhĩ-kỳ đã can thiệp thật sự. Lính Thổ được lệnh ào ạt nhảy dù xuống Chypre và một cuộc chiến tranh đã bùng nổ giữa các người gốc Hy và Thổ. Hy-lạp cũng ban hành lệnh tổng-động-viên và đưa quân tới biên giới Thổ-Hy. Cuộc tranh chấp tại đảo Chypre đã lan rộng thành một cuộc chiến tranh giữa Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ và đe dọa bùng nổ ngay trên lãnh thổ hai quốc-gia này.

Ngoại trưởng Hoa-kỳ Henry Kissinger lại một phen điên đầu trong

các hoạt-động bảo-vệ hòa-bình. Ông đã phái ngay Thứ-trưởng Sisco tới Ankara và Athènes để dàn xếp. Nhưng người ta đặc biệt chú ý tới thái độ mập mờ của Hoa-kỳ. Từ trước tới nay Hoa-kỳ vẫn bị tố cáo là ủng hộ chế-độ quân-phiệt Athènes. Nay người ta lại thấy ông Kissinger chỉ nói tới «Giáo-chủ» Makarios thay vì là Tổng Thống Makarios. Do đó người ta có cảm tưởng rằng chính Hoa-kỳ đã khuyến khích các phần tử Hy-lạp ở Chypre lật đổ Makarios để toan tính làm chủ đảo này. Khi Hoa-thịnh-đốn cử ông Sisco tới hòa giải, thì chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ tỏ vẻ bức bối vì tại sao vùng Trung-Đông đã được ông Kissinger đích thân sang tận nơi, ở đó cả tháng trời mà vụ Chypre chỉ được ông Sisco tới trong có một tuần !

Trước các biến chuyển tại đảo Chypre, chính phủ Nga-sô rất vui mừng vì một lúc cả 4 đồng-minh Mỹ, Anh, Hy, Thổ của Minh-ước Đại-tây-dương đều bị lúng túng. Nhưng cùng một lúc Mạc-tư-khoa cũng tỏ ra lo lắng vì nếu Chypre rơi vào tay Hy-lạp thì các hoạt động của Nga tại đảo này sẽ bị chấm dứt. Thật vậy, từ nhiều năm nay Nga đã dùng Sứ-quán của họ tại Nicosie để hoạt động gián điệp trong vùng Đông Địa-trung-hải. Nếu Sứ-quán này bị đóng cửa thì Nga sẽ mất hết phương-tiện để do thám tại vùng này. Do đó Không lực Nga đã được lệnh biểu dương lực lượng trên trời trong khi trên mặt biển các tàu chiến của Nga và của Mỹ cũng tiến về đảo Chypre.

Các quốc gia Trung-Đông cũng theo sát tình hình ở Chypre. Syrie và Ai-cập đặt quân đội của họ vào tình trạng ứng chiến để phòng ngừa chiến tranh lan rộng tới vùng Trung Đông.

Tại New York, Giáo-chủ Makarios đã ra trước Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc để xin cứu cấp. Hội-đồng đã đồng thanh biểu quyết cho cả Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ phải lập tức ngưng chiến. Sau khi cả hai bên bằng lòng ngưng chiến, Tổng Thống Sampson đã từ chức ra đi nhường cho Chủ-tịch Quốc-hội Gladfos Clerides làm quyền Tổng-Thống cho tới khi Makarios trở về. Nhưng cùng một lúc chính thề quân sự tại Hy-lạp bỗng sụp đổ. Một cuộc đảo chính hòa hoãn đã khiến Nội-các Hy-lạp từ chức và Tổng-Thống Hy-Lạp Gizikis đã triệu cựu Thủ-tướng Karamanlis từ Paris về để lập một nội-các dân sự.

oOo

Các biến chuyển mới nhất tại Chypre lại một lần nữa chứng minh cho người ta thấy rằng dù dưới thời đại nào chăng nữa thì vị trí địa lý của đảo cũng không cho phép Chypre có một sinh mệnh bình thường. Là một thuộc địa, Chypre đã là mồi ngon cho người ta luôn luôn tranh-cướp. Là một quốc-gia độc lập Chypre cũng không tránh khỏi bị các ngoại bang lôi cuốn, chi phối. Ngày nào trên thế giới các quốc gia còn có những tham vọng bành trướng và thống trị thì người dân đảo Chypre còn phải điêu linh vì chính trị quốc-tế.

TỪ MINH

Văn-học Hán Nôm đất Đồng Nai từ Gia Long đến đầu Tây thuộc

● NGUYỄN VAN HAU

Nhìn lại sinh hoạt văn học miền Nam từ bước khai phá đất mới cho đến thời xây dựng những vùng đất vừa chiếm được (đầu thế kỉ 17 tới cuối thế kỉ 18), chúng ta mới thấy, trên đại thể, còn là những bước đi chập chững. Có nhiều nguyên nhân cộng lại để giải thích sự trì trệ của những bước đi lẻ tẻ hằng hai thế kỉ đó sẽ nói đến sau. Nhưng cũng chính ở sự trì trệ đó càng cho ta thấy rõ thêm tính chất cô đơn, cách bức đưa dẫn đến một sắc thái đặc thù của một thứ văn học tuy là chung trên căn bản, nhưng bị bắt buộc phải xây dựng riêng để được sanh tồn trên một mảnh đất riêng.

Cùng với những con trâu, những lưỡi cày, người ta dắt díu nhau theo những con đường rừng đồ vào Nam. Khung cảnh quanh hiu. Mọi tai họa như đe dọa, chực chờ. Phong thổ, khí hậu, thú dữ, thổ dân, thiên tai! Tất cả là những ngõ ngàng hồi hộp. Bước đi có tới mà không đường tháo lui. Nhìn về đất mẹ, người lưu dân tự thấy mình là đứa con hoang vĩnh viễn rời mái nhà tổ ra đi. Sự thế bắt buộc phải làm lại cuộc sống. Và họ đã nhất quyết dẫn thân. Từ nhen nhúm gây dựng đến xây dựng tạo lập, họ mất nhiều thì giờ như vậy là phải.

Thêm còn chiến tranh liên miên. Trong hai thế kỉ 17 và 18, người lưu dân chịu đủ thứ tai họa mà nặng nề nhất là chiến họa. Đại khái có mấy

cuộc đánh lớn. Chiến cuộc 1658 với Phó tướng Nguyễn Phước Yến đem binh từ Phú Yên đánh Mồ Xuy, bắt Nặc Ông Chân. Chiến cuộc năm 1672 do Cai cơ Nguyễn Dương Lâm làm Thống binh, mang quân từ Dinh Thái Khương vào đánh Nặc ông Đài, đuổi giặc từ Biên Hòa đến Nam Vang, lập ông Thu và ông Nộn làm Chánh vương và Nhị vương. Chiến cuộc 1689 và kế tiếp 1690 do Mai Vạn Long và Nguyễn Hữu Hào tiếp nối chỉ huy, đưa tới việc bắt buộc Nặc Thu phải phải thần phục chúa Nguyễn. Rồi chiến cuộc 1700 với Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh, 1705 với Nguyễn Cửu Vân, 1714 với Nguyễn Cửu Phú, 1732 với Trương Phước Vĩnh, 1748 với Nguyễn Hữu Doãn, 1754 với Nguyễn Cư Trinh mà tất cả đều không ngoài chủ trương bảo vệ lưu dân và mở mang bờ cõi (1). Từ 1777 trở đi, Nguyễn Ánh chạy vào Gia Định, bị Tây Sơn đuổi theo. Chiến cuộc tràn lan khắp miền từ Biên Hòa tới Hà Tiên. Nào đánh nhau giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn, giữa chúa Nguyễn và Cao Miên, giữa Tây Sơn và Xiêm La. Rồi tới cướp bóc, giặc chòm. Có lúc tất cả nổi dậy như ong. Người lưu dân phải gánh chịu tai họa nặng nề nhất kéo dài suốt 24 năm trời kể từ Nguyễn Ánh tẩu quốc cho đến ngày

(1) Quốc triều tiền biên toát yếu, quyển 1, tờ 20b, 27b. Xem thêm Phủ biên tạp lục quyển 1/41 a, b/42 a, b.

ông phục nghiệp (1777-1801).

Hai thế kỉ, một bước tiến nhỏ của văn học Hán Nôm miền Nam. Tuy vậy nó là những cố gắng phi thường, những gây dựng cực kì gian khổ của người lưu dân để mới có cơ hội trưởng thành cho thời đại văn học từ Gia Long về sau.

Sinh hoạt văn học trong dân gian

Chúa Nguyễn Ánh đuổi được Tây Sơn, về Huế vào tháng 6 năm 1801. Một năm sau, ông xưng đế. Cải Gia-định phủ làm Gia-định trấn. Rước Quốc mẫu về kinh. Từ ấy đất Gia-định không còn là nơi dụng võ của Nguyễn Vương như xưa nữa. Thành Bát-quái được đắp tại tổng Bình-dương từ năm 1790, gọi là Gia-định Kịch, mà Nguyễn Vương dùng làm triều ngự lâm thời khi xưa, bấy giờ cũng được trao lại cho trấn quan thống lãnh. Tuy nhiên, để tỏ ra là người có ân hậu, vua Gia Long ra lệnh giảm thuế cho dân chúng miền Nam với tiêu chuẩn ba phần bớt một (1). Từ ấy toàn cõi Gia Định yên bình. Sinh hoạt văn hóa của dân chúng nhờ vậy mà dễ gặp cơ hội phát triển.

Trịnh Hoài Đức có thuật lại sinh hoạt văn học thời này khi viết về phong tục miền Nam. Như sau :

« Nhân dân trong nước đều học kinh sách của Trung quốc. Có quốc âm, thổ ngữ, cũng dùng theo chữ nghĩa trong sách, nhưng tùy loại âm thanh gần nhau mà gia thêm ở một bên. Như chữ dùng

chỉ đồ vật thuộc loại kim thì thêm chữ *kim*, thuộc loại mộc thì thêm chữ *mộc*, thuộc loại thốt ra bằng lời thì thêm chữ *khẩu*. Đó là phỏng theo phép tắc *lục thư* : hoặc *giả tá*, hoặc *hội ý*, hoặc *hài thanh*... (2) để mà biết nhau. Bởi vì nước ta không có một thứ văn tự nào riêng.

Lúc viết chữ cũng trải giấy trên bàn. Người viết tùy nghi theo bốn cách *chân, thảo, triện, lệ* mà phóng bút. Cũng hoặc có người tay trái cầm giấy, tay mặt cầm viết, viết chữ rất nhanh, cổ tay không rời chiếu.

Lại còn có cách chấm, ngang, phẩy, sỏ xoay chuyển, biến hóa không đồng trong cách viết, miễn làm sao cho thuận tiện mà thôi, cũng như trong cách viết của bách gia chữ từ ở Trung quốc đều khác, không ai muốn giống ai » (3).

Đó là sự học và cách viết. Người ta dùng sách giáo khoa của Tàu để học và tùy nghi mà lượng định cách viết, cách Nôm. Đặc biệt là tác giả họ Trịnh cho ta biết khá rõ về sinh hoạt chữ Nôm của đương thời mà năng tài đã tiến đến một mức độ thông suốt trôi chảy. Bản Nôm truyện *Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào truyền vào Nam khoảng giữa thế kỉ

(1) *Quốc triều chánh biên toát yếu*, quyển 1, mục Nhâm Tuất.

(2) Ngoài ba phép trên, còn có : *chỉ sự*, *tượng hình*, *chuyển chú*, mới đủ *lục thư*.

(3) *Gia Định thành thông chí*, quyển 4, tờ 9b, 10a.

18, có một bản được sao lại trong niên hiệu Gia Long nguyên niên tại Hà tiên (1), đã xác nhận thêm về sinh khí của nền văn học Đồng Nai.

Về phần văn chương truyền khẩu thì tất nhiên sinh lực rất mạnh. Những câu hát hò, những bài vè vẫn luôn luôn sống động theo thời gian. Nhất là trên đồng, trong rạch. Người miền Nam làm sao mà thiếu được câu hát điệu hò bởi tính cách đặc biệt do địa-lí thủy-trình của nó!

Dù bị mai một nhiều, chúng ta vẫn thấy được biết bao vết tích thời đại trong thứ văn chương bình dân ấy được rọi truyền đến ngày nay. Đây là vài câu tiêu biểu:

Tục ngữ:

*Lê trào Nguyễn chúa,
Ăn hết lúa cũng dành.*

Câu hò:

*Thăng qua oán trở về Quang Hóa,
Bạn hiền ta đi đến Hà Tiên (2)
Chừng nào rõ dặng căn duyên,
Dầu sông dầu biển cũng liền tới nơi.*

Câu hát:

*Chừng nào đẹp được thằng Khôi,
Thì bình hết mộ, dân thôi ở trường.*

Thành ngữ:

Ngang quá ông Hoàn, ông Trăm.

Trong bốn câu trên, câu tục ngữ lặp lại lòng trung thành với các chúa Nguyễn của dân chúng miền Nam. Ý nói dầu phải đóng góp lương thực đến hết cho chúa để chúa giữ yên bờ cõi đất nước, họ cũng không từ. Câu hò thì có danh xưng Hà Tiên và

Quang Hóa; Hà Tiên có từ lâu, nay vẫn còn, do đó không phân biệt được thời gian tính của câu, nhưng nhờ có địa danh Quang Hóa mà ta biết được xuất phát của nó từ rất xa xưa. Theo *Quốc triều chánh biên* (3) thì vào Minh Mạng nguyên niên, Quang Hóa là một đạo, thuộc trấn Phiên An. *Đại nam nhất thống chí* (4) còn cho biết thêm: Năm Minh Mạng thứ 17, Quang Hóa đổi thành một huyện, thuộc phủ Tây Ninh, tỉnh Gia Định. Giờ đây, Quang Hóa không còn là một đạo hay một huyện nào trên bản đồ miền Nam như xưa nữa.

Còn câu hát và câu thành ngữ thì chỉ danh ba nhân vật oanh liệt, ngang tàng, dám chiếm thành Phiên An, chống lại vua Minh Mạng từ năm 1833 là Lê Văn Khôi và hai thuộc hạ của Khôi là Hoàn và Trăm. Khôi là con nuôi Lê Văn Duyệt, tức mình vì bản án của cha và sự bức hiếp của Bạch Xuân Nguyên, nên nổi loạn chiếm thành. Sau chết vì bệnh phù thủng (5). Hoàn, Trăm còn lại, rất dữ dằn, quyết tử với thành. Hoàn

(1) Nguyễn Hữu Hào: *Truyện Song Tinh** Đông Hồ khảo cứu và sao lục, *Bốn Phương* xuất bản, 1962, trang XXII.

(2) Xin chú ý đến những tiếng *Qua Oán. Hiền Ta*, nói lái ra thành *Quang : 1000 Hà Tiên*.

(3) Sđd, bản lưu trữ tại Viện Khảo Cổ, quyền 3, tờ 4b.

(4) Sđd, quyền *Gia Định tỉnh*, tờ 3a.

(5) *Bản triều bạn nghịch liệt truyện*, tờ 16a. 16b. Xem thêm trong *Định tập quốc sử di biên*, mục *Quý tị*, trang 225 (Bản in tại Hồng Kông bằng Hán văn — *Historia: Material Series* N° 1).

tên thật Nguyễn Văn Hàm còn Trầm tức Nguyễn Văn Trầm, đều là thồ mụ ở Bắc Kỳ, bộ hạ Khôi, rất ngang tàng. Khi thành hạ, cả hai bị bắt sống bỏ cũi giải về Kinh. Trầm bị xử lóc thịt bá đao. Hoàng chắc cũng cùng chết chung cách đó (1).

Đến kịch nghệ hát bội thời này cũng được phát triển. Chúng ta thiếu tài liệu để thấy rõ hiện trạng của nó. Nhưng có điều suy đoán mà không sợ lầm là chắc chắn đã có những gánh hát bội với những tuồng tích đề cao trung hiếu tiết nghĩa được diễn xuất tại ít nhất là các đình thần vào những khi đáo lệ kỳ yên và tại các đình quan.

Ở đây làng nào cũng có đình (2), giàu thì xây bằng gạch đá, nghèo cũng cột sắn rui tre. Có dân có ấp mà không có đình là « đồ du hoang đẳng tử ». Không biết có « trên đầu trên cổ » thì không làm gì cho ra của mà ăn. Bởi quan niệm ấy mà thà dân trong thôn ấp không có nhà rường cột sắn chớ đình thần thì không thể để cho chời tranh trại lá. Xuân ki thu tế, người ta giết trâu heo không biết tiếc để trước cúng sau ăn. Kèm theo các đồ tế là hát bội một châu. Trước khi châu hát khởi diễn, một cuộc lễ xây châu thật trang nghiêm diễn ra do một kỳ lão đức vọng trong làng thủ xướng với trai giới lễ phục hết sức chỉnh tề, với những bài nguyện, câu thiệu, với những cử chỉ bộ điệu đều được học hành tập luyện trước. Chứng tích còn rành rành trong những câu xướng niệm lúc xây châu hoặc đứng

đại bội được chép lại truyền thế từ đời thuở nào :

*Hoàng đồ củng cố,
Đế đạo hà xương.
Nhật nguyệt tăng huy,
Pháp luân thường chuyển...*

Cứ hàng năm vào lúc cày bừa gieo giống xong, từ tháng 3 đến tháng 8, là đáo lệ kỳ yên. Tiếng trống châu vang vội làm nồn nả lòng người. Những tuồng tích được các « con hát » đem ra ca diễn suốt cả ngày đêm, gọi là hát châu. Người dân mê hát đến quên ăn bỏ ngủ, dầu ai cũng biết rằng « hát bội hành tội người ta ».

Cúng đình đã có hát, trong đình quan có tiệc mừng cũng có hát mà cúng chùa làm chay cũng không thiếu gánh hát bội góp phần, gọi là « trong chay ngoài bội ». Còn có câu ca dao :

*Có chõng say như trong chay
ngoài bội,
Ngó vô nhà như hội Tần Vương.*

Có hai gánh hát nổi danh và có chươn đứng vững vàng nhất thời Minh Mạng tại miền Đồng Nai này là một của Lê Văn Duyệt và một của Nguyễn Văn Thoại sai thành lập. Đội Nhứt Chiêu đã là bầu gánh của gánh hát mà Lê Tả quân chủ trương, đã quý tụ nhiều diễn viên, xuất sắc từ các nơi, đóng góp lớn cho ngành nghệ thuật sân khấu mà thời này coi là mới mẻ và đặc sắc vì nó không

(1) Thượng Tân Thị Hoàng, Trầm. Đại Việt tập chí số 16-17, 1943.

(2) Gia Định Thành thông chí, mục Phong tục chí, quyển 4, tờ 6b.

hề xuất phát từ miền Bắc ruột thịt của đất nước (1). Còn Thoại Ngọc Hầu thì giao cho Trùm Cả về tận Quảng Nam, nơi quê hương của ông đề tuyển mộ những nhân tài xuất sắc trong giới kịch nghệ đón vào. Gánh hát bội được lập lên tại dinh quan Bảo hộ ở Châu Đốc mà trong số đào kép đó nhiều đến viên được sung ai đến đôi khi họ chết, được cho chôn cùng trong sơn lăng mà Thoại Ngọc Hầu đã xây trước đề an táng hai vợ và làm sanh phần cho mình (2).

Tuồng hát được coi nổi danh nhất trong thời này là tuồng San-Hậu. Không biết chắc được tác giả của vở tuồng này là ai. Nhưng «thăng Đình», «thăng Nhượng», ông Đồng Kim Lân và bà «chị ba» Nguyệt Kiều thì bất cứ già trẻ bé lớn nào từ xứ Biên Hòa đá ong đất đỏ cho tới miền Rạch Giá nước mặn đồng chua, thấy đều quen tên biết mặt. Tuồng *Ô thước* của Tổng đốc An Giang Cao Hữu Dực cũng được hoan nghênh nhiều ở miệt Hậu Giang. Rồi *Phong ba* đình của Chánh Nhị Vệ và nhiều tuồng tích khác lần lượt được soạn ra: *Tiểu san hậu*, *Thần nữ đứng ngũ linh kì*, *Phó hội Giang Đông*, *Kim Thạch kì duyên*, *Lưu Khánh thám Trường an v.v...*

Tôi không tin chắc như Nguyễn Đồng Chi đã tin rằng các vở tuồng từ đời Trần đã biết diễn theo truyện Tam quốc của Tào đê rồi về sau tự đặt chuyện như tuồng San Hậu (3), mà tôi đồng ý với Nguyễn văn Xuân về điều ông nói sự phát triển lớn lao của ngành hát bội đáng kể là thời Lê Tả

quân (4). Chính thời này, song song với các tiến bộ quan trọng khác, kịch nghệ hát bội (có tuồng tích) đã phát triển mạnh ở đây.

Ngoài việc tổ chức hát bội tại các đình quan, các đình đám, các trai đàn, miền Nam còn có tục hể người dân có cầu đảo được việc gì tốt đẹp, thì cũng tổ chức hát xướng đề ăn mừng. Chúng ta hãy nghe Trịnh Hoài Đức kể:

«Phong tục phàm có cầu đảo được chuyện vui thì đều bày cuộc xướng hát. Như nhà anh Giáp sửa soạn bày cuộc chơi xướng hát thì làm thịt heo chia ra cho những người thân thuộc đề họ hay biết, đồng thời định ngày mời đến xem chơi. Làm như vậy gọi là «phiêu lễ». Đến tưng ngày, người ta tùy theo tình nghĩa hậu bạc mà mang tiền đến đề dự lễ. Xem hát, ăn uống no say mới về.

Về sau, khi người quen biết ấy có bày cuộc hát xướng như vậy, thì cũng đưa «phiêu lễ» đến mời

(1) Ban hát danh tiếng này có. Nhưng Sắt và các diễn viên: Chương, Thử, Thao Cu, Việt, Cầm, Chim, Trắc Cựt (vì cụt một cẳng), Cầm (trong lăng Tả quân ở Bà Chiểu có thờ ông này và hát bội cử tên, không dám hát *Cầm Khôn* mà chỉ hát *Cờn Khôn*). Theo Thân Văn Nguyễn Văn Quý — Đồng Nai quyền 12, 1967.

(2) Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang, Hương Sen x.b.1973, trang 273

(3) Việt Nam cổ văn học sử, Hàn Thuyên, 1942, trang 366.

(4) Khi những lưu dân trở lại, Thời mới, 1969, trang 71, 72.

anh Giáp và Giáp tất phải đi trả lại. Như anh Ất trước kia đi mừng sang anh Giáp một quan tiền, thì bây giờ Giáp phải đi trả lại bằng hai, tức hai quan. Sau Giáp có việc mừng nữa, thì Ất phải đi với sự gia tăng lên ba quan. Cứ đi qua rồi đi lại, có khi nhiều đến cả trăm quan, khiến có người phải vay nợ để đáp trả «phiêu lể». Có khi nhắm người nghèo khó không thể thù tạc đủ số được, phải bị sách vắn lời thối và lắm lúc đưa tới kiện cáo» (1).

Tài liệu cũ không nói rõ đó là lối hát gì, có tưởng tích như hát bội đã nói trên hay như lối ca múa từng chập, như vũ khúc hái sen chẳng hạn, mà Thích Đại Sán đã kể lại trong *Hải Ngoại ký sự* thời chúa Nguyễn Phúc Chu? (2). Nhưng bấy nhiêu đó cũng tạm đủ để chúng ta biết được sinh hoạt văn học dân gian của một thời.

Cơ sở học vấn của chánh quyền

Vua Gia Long tuy xưng đế, nhưng công việc binh định còn phải tiếp tục bằng những công tác võ bị. Kể đó, ông phải vận động ngoại giao với Tàu. Nhà vua thường lui tới Thăng Long trong mấy năm đầu để công tác. Công việc đặt nặng bây giờ là thu phục nhân tâm: giảm tha sưu thuế, thăng thưởng các công thần, truy tặng các anh liệt đã xả thân vì nhà Nguyễn. Việc truy nã và trừng trị anh em Nguyễn Quang Toản và bọn Diệu, Dũng cùng những người theo

Tây Sơn trước kia cũng được quan tâm hơn. Bởi vậy mà việc học hành thi cử dường như không được chú ý mấy. Từ 1802 đến 1806, không thấy đâu nói đến việc mở khoa thi.

Năm 1802, tháng 7, có chỉ dụ khuyến các hương cống, sinh đồ bấy lâu còn ăn dật vì bất phục Tây Sơn, hãy ra mặt yết kiến vua để vua sẽ tùy tài bổ dụng. Cùng năm ấy, cho tha thuế tự điền của văn miếu Hải Dương và đặt chức Đốc-học tại các trấn thuộc Bắc Thành (Bắc Kỳ). Ngày tế Thượng đĩnh, vua bôn thân đến văn miếu lạy trước bàn thờ Khổng Tử. Lại truyền cho các quan Đốc học, Trợ giáo trong nước mỗi năm lấy bốn tháng đầu mùa làm hạn kì khảo khóa các sĩ nhân. Những người trúng tuyển trong các khảo khóa đó đều được miễn trừ sưu dịch một năm hay nửa năm tùy theo khả năng của họ (3). Năm 1803, tháng Giêng, sắc dạy các trấn trong nước lập Văn miếu. Rồi dựng nhà Quốc học ở Huế. Năm 1804, tháng 12, đặt chức Đốc học ở Qui Nhơn còn khuyết.

Riêng tại miền Nam, từ xưa (1715) vốn có văn miếu ở thôn Tân Lại thuộc dinh Trấn Biên mà trước khi về Huế phục lại nghiệp cũ, Nguyễn Vương năm thứ 15 (1794) đã có cho tu bổ khang trang. Tại Long Hồ cũng có một ngôi văn miếu cũ, không rõ dựng tự bao giờ. Vào tháng 12

(1) *Gia Định Thành thông chí*, quyển 4, tờ 7b, 8a.

(2) *Sách do Đại học Huế xuất bản.*

(3) Phan Dương Hạo: *Quốc sử di biên*, thượng tập 17.

năm 1808, miếu này được làm lại. Ngôi miếu xưa ở thôn Long Hồ chật hẹp, nên dời về xã An Ninh; còn miếu cũ thì dùng làm Khải khánh từ (1).

Từ ấy các học hiệu được lần lượt mở ra tại các tỉnh. Trước nhất hình như ở Biên Hòa, thôn Tân Lại. Rồi năm 1805, mở thêm ở Gia Định, thôn Phú Mỹ. Sau đó, tại các Phủ huyện xa xôi hơn cũng được dựng lên, đặc biệt là dưới thời Minh Mạng:

Năm 1826, Tỉnh học Định Tường và Học xá Vĩnh Long. Năm 1832, Phủ học Tân Thành (An Giang), Phủ học Kiến An (Định Tường). Năm 1835, Huyện học Kiến Hòa (Định Tường). Năm 1836, Phủ học Tân Bình (Gia Định). Năm 1837, Phủ học Phước Tuy, Phước Long (Biên Hòa) và Huyện học Đông Xuyên (An Giang). Năm 1838, Phủ học Kiến Tường (Định Tường). Năm 1839, Huyện học An Xuyên (An Giang).

Tiếp nối sau đó, thời Thiệu Trị, có Huyện học Phước Lộc (Gia Định — 1841), Tỉnh học An Giang (Châu Đốc — 1842), Phủ học Tân An (Gia Định — 1846) v.v...

Nhìn lại việc mở mang trường ốc tại Gia Định Thành thời Gia Long, chúng ta thấy vẫn còn trong vòng eo hẹp. Tình trạng chậm tiến này là bởi nhà vua còn bận khá nhiều trong việc củng cố uy quyền chứ chắc không phải vì ông có ý lãng quên văn học. Bằng chứng là còn có lời nói

sau đây của ông trước các thị thần năm 1814: “Nhà học hiệu là chỗ chứa người anh tài. Ta muốn theo phép xưa, lập trường học dạy học trò, để sau này dùng giúp việc nhà nước” (2). Rồi một hành động khác cũng đáng được coi là khích lệ cho đường học vấn là trong năm 1819, vua Gia Long truyền tha thuế thân cho Võ Tài Đồng, cháu của xử sĩ Võ Trường Toản, vì lí do Võ tiên sinh là một nhà mô phạm trứ danh.

Theo sau vua Gia Long, vua Minh Mạng có điều kiện dễ dàng hơn nên trường sở được mọc lên từ tỉnh đến các phủ huyện. Và cũng theo các điều kiện thuận lợi đó mà mọi tác động văn học khác từ ấy cũng được thăng tiến.

Năm 1821, Nguyễn Đăng Sở đang ở chức Hàn lâm tu soạn, được cử vào làm Đốc học Gia Định cùng với Nguyễn Trọng Võ lãnh nhiệm vụ Phó Đốc học (3). Để khuyến khích con em cố gắng học hành, triều đình một mặt cho lĩnh miễn thuế thân và cấp áo mào cho những cống cử học sanh, một mặt sai quan Tổng trấn Gia Định tuyển lựa sanh đồ trong xứ xem ai có thể ra giúp việc thơ lại được thì tùy tiện mà bổ sung, không bắt buộc phải có đỗ đạt khoa bằng gì (4).

(1) Quốc triều chánh biên toát yếu, bản dịch đã dẫn, trang 68.

(2) Sđd, quyền 2, trang 86. Xem thêm Minh Mạng chánh yếu, mục Cầu hiền, từ 4 a.

(3) Sđd, quyền 3, trang 114.

(4) Sđd, quyền 3, trang 122, 123.

Thời bấy giờ không những người Việt, người Minh hương được học, mà cả đến người Miên cũng được dạy cho chữ Nho và học tiếng Việt nữa. Xem một thỉnh nguyện và một sớ tấu sau đây để chúng ta hiểu rõ tình trạng học vấn đương thời.

Đây là sớ tấu của Trấn Tây Thành (1) tâu lên năm 1836 :

« Bọn Võ Toàn Thức cả thầy tám người mấy lâu tùy phái ở Trấn Tây, chúng tôi đã từng phái đi dạy các con em bọn dân Thổ trong các phủ Nam Vang, Sơn Phủ, Hải Đông, Hải Tây, Kha Lâm, Quảng Biên, Chơn Thành, Ba Nam. Nay xét dân đã hơi biết chữ mình và tiếng mình, xin lượng bỏ giáo chức cho tám người ấy thụ hàm Huấn đạo, cứ ở lại đó dạy vẽ cho dân » (2).

Và đây là thỉnh nguyện của Vĩnh Long An sát Hà Thúc Văn dâng lên năm 1838 :

« Bốn huyện trong thuộc hạt đều có dân Thổ, chữ viết và tiếng nói khác mình. Nay xin cho dân Hán học chữ Thổ, lại khiến con em dân Thổ tới trường Huấn, Giáo học chữ Hán, để cho tập nhẫm thói mình » (3).

Thời Thiệu Trị và Tự Đức, không thấy có cải cách gì mới lạ cho văn học miền Nam.

Việc thi cử trên đất Gia Định

Lúc còn ở Gia Định Kinh, lấy các trấn miền Nam làm hồi sinh căn cứ

để chờ ngày thống nhất đất nước. Nguyễn Vương Ánh vì nhu cầu ăn học, đã có cho mở một khoa thi năm 1791. Kể từ ấy cho đến năm 1806, vì bận đánh dẹp, xếp đặt ngoại giao nội trị, nên việc thi cử ngừng hẳn. Cho đến năm 1807, vấn đề mới được nêu lên : Định lệ cho việc thi Hương và thi Hội. Cứ hễ năm nay thi Hương thì năm sau thi Hội.

Phép thi Hương, trúng được bốn trường thì đỗ Hương cống, trúng được ba trường thì đỗ Sanh đồ. Người đỗ Hương cống được cấp ban áo mào, cho ăn yến, gọi là *Lộc minh yến* và được đóng thuế thân. Người đỗ Sanh đồ không được lãnh hai ân huệ trên mà chỉ được hưởng quyền lợi dưới, tức chỉ được miễn thuế.

Trong năm ấy, 1807, tháng 10, mở khoa thi Hương. Từ Nghệ An ra Bắc lấy đỗ Hương cống được 62 người. Những người được bổ này, qua năm sau (1808), được tuyên đồ và cho đi nhiệm chức Tri huyện ở các nơi.

(1) từ 1835, vua Minh Mạng đổi Lục Chân Lạp làm Trấn Tân Thành (cũng như ta đã thôn thuộc và đổi Thủy Chân Lạp thành gia Định Thành vậy), chia ra 32 phủ và 2 huyện để cai trị. Sách *Cao Miên Nam Kỳ sự kí*, mục *Trấn Tây kí lược*, có chép : « Trấn Tây gốc là đất của Chân Lạp. Có Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp, nên gọi là *Lạp Man*. Đất liền với Tiêm La... Từ buổi đầu quốc triều, liệt thánh lấy nó làm đất Phiên, tiến cống chằng dứt » (Sđđ, do An Hà Tông đốc mưu lược tướng Tuy Tĩnh Từ Doãn Uân soạn, bản chép tay tại Viện Khảo Cò, đánh số VH 16, tờ 1a).

(2) QTCBTY, trang 209.

(3) Sđđ, quyển 3, trang 244.

Trở lại việc định lệ thi cử nói trên triều đình mới đầu (1807) có ý mở các khoa thi Hương, Hội luân chuyển hằng năm, nhưng vì thiếu sinh viên dự thi, cho nên chưa thi hành được việc thi Hội. Về thi Hương, có lúc sáu năm mở một khoa, Cho đến năm 1825, khi thi sinh đông đảo hơn, thì cứ ba năm lại mở (1). Năm 1828, vua Minh Mạng đổi *Hương* cống thành *Cử nhân* và *Sanh* đồ ra *Tú* tài cho thí sinh trúng tuyển các kì thi *Hương*.

Về thi *Hội*, thời Gia Long tuy có dự định nhưng chưa tổ chức được. Đến đời Minh Mạng, năm 1822, khoa thi *Hội* đầu tiên mới được mở ra. Thí sinh trúng tuyển gọi là Tiến sĩ. Đến 1829, thi *Hội* được lấy thêm một bậc dưới hàng Tiến sĩ, gọi là Phó bảng. Từ ấy có lệ theo các năm tí, ngọ, mẹo, dậu thì thi *Hương*; thìn, tuất, sửu, mùi thì thi *Hội*. Ngoài định lệ, lại còn có những khoa thi bất thường, được tổ chức nhân việc trong nước có đại khánh, như các lễ đăng quang, vạn thọ, gọi là ân khoa.

Nhìn qua các khoa thi được tổ chức dưới triều Nguyễn, chúng ta thấy rõ thế này: Có hai khoa thi chính thức được mở luân chuyển tám kì theo nhất kỉ 12 năm, gọi là thi *Hương* và thi *Hội*. Thi *Hương* được tổ chức tại nhiều địa phương; còn thi *Hội* thì gom về một chỗ, tại kinh đô.

Theo *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục (Thượng tập/84) thì vào ngày 10 tháng 10 năm Quí Dậu (1813) chính quyền mở năm trường thi

Hương cho toàn quốc: Thừa Thiên Gia Định, Nghệ An, Sơn Nam và Thăng Long. Những trấn chưa được mở, thì thí sinh được tùy tiện phụ thi. Mỗi trường được chia thành bốn vi: Giáp, Ất, Tả, Hữu. Mỗi vi có hai khu. Mỗi trường thi có tám cửa cho thí sinh ra vào.

Dĩ nhiên là tại miền Nam không có thi *Hội* mà chỉ được mở các cuộc thi *Hương*. Thi trường lập ra tại hai nơi: Gia Định và (có lúc) An Giang. Tại An Giang dấu vết trường thi không còn và cũng không được sách sử cũ diễn tả. Riêng tại Gia Định, trong năm đầu thời Tự Đức (1848), trường thi được xây lên bằng gạch, nằm vào phía tây tỉnh thành, thôn Hòa Nghĩa, chu vi 193 trượng 6 thước, cao 4 thước 5 tấc (2).

Miền Nam vốn là mảnh đất hồi sinh của nhà Nguyễn, cho nên các vua từ Gia Long trở xuống thường nhắc nhở, săn sóc đến sinh hoạt của nhân dân ở đó, đặc biệt là việc thi cử học hành. Chẳng hạn, tục lệ cử hễ học trò ở miền nào, thì phải xin thi *Hương* ở miền đó, không được đi thi chỗ khác. Năm 1821 Gia Định Thành dâng sớ tâu xin cho các sĩ tử ở các trấn ngoài vào ngụ tại miền Nam, được phụ thi ở đây. Vua Minh Mạng cho ngay. Nhà vua có lúc còn nói với Nguyễn Hữu Thận: “Người Gia Định tánh vốn trung

(1) Chính năm này (Ất dậu: 1825) Phan Thanh Giản đồ *Cử nhân* tại trường thi Gia Định.

(2) *Nhất thống chí, Gia Định tỉnh*, tờ 11 a, 11b.

nghĩa, nhưng ít học, nên hay khích khi. Nếu được kẻ học giỏi làm thầy, đem lễ nhượng mà dạy, thì dễ hóa làm thiện mà thành tài được nhiều» (1).

Một lần, vào năm 1823, nhân có Đốc học gia Định là Nguyễn Đăng Sở được rút về triều làm tư nghiệp ở Quốc tử giám, vào ra mắt, vua Minh Mạng hỏi :

— Sĩ tử trấn Gia Định ra sao ?

Nguyễn Đăng Sở tâu :

— Học trò xứ ấy nhiều người tuấn tú, dễ dạy.

— Năm ngoái có chiếu truyền cho tiến cử học sinh mà không thấy cống cử tên nào, là tại sao ?

— Tờ chiếu gọi xuống không thấy hỏi tới kẻ học thần nầy, cho nên học thần tuy có biết mà không dám vượt giới hạn quyền hành mà tiến cử.

Vua Minh Mạng liền truyền cho quan Tổng trấn Gia Định hỏi lại quan Đốc học sở tại đề bảo lựa người nào đáng tiến cử thì tâu lên (2)

Một lần khác, năm 1826, Phan Thanh Giản ra Huế thi Hội. Lúc vào đình thí, số người đậu Tiến sĩ chỉ được lấy có đến chín. Khi trình quyền lên cho vua Minh Mạng xem, nhà vua không vui khi thấy từ Thừa Thiên trở vào Nam không có ai đỗ. Nhân đó, dạy lấy thêm một người đề cử lệ sĩ phong. Nhờ vậy mà người được lấy thêm là Phan Thanh Giản và cũng chính ông Giản là người đỗ Tiến sĩ đầu tiên của miền Lục tỉnh (1).

Lại còn một lần khác, năm 1832, nhân định lại phép học ở đất Gia Định, vua Minh Mạng nghĩ vì dân chúng ở đây có nhiều người anh tú, nhưng làm biếng học, nên có kẻ đã hạch đậu tám lần mà chưa đủ văn thề bốn trường. Nhà vua sai triều thần bàn định điều lệ, coi số học trò nhiều hay ít mà liệu lượng việc nên lấy hay bỏ (2).

Thực trạng văn học khoảng đầu thế kỉ 19

Xét lại đoạn đường văn học từ đầu thế kỉ 19 đến lúc Pháp chiếm Nam Kỳ, tức từ 1802 đến 1867, ta thấy có sự tiến bộ rất nhanh. Văn miếu được chỉnh trang hoặc xây cất, học hiệu được dựng lên nhiều nơi, các viên chức học chánh được bổ nhiệm và các cuộc thi Hương cũng được liên tiếp mở ra cho nhân dân miền Nam.

Trịnh Hoài Đức trong năm 1820, khi dâng sách *Gia Định Thành thông chí*, trong mục *Phong tục chí*, đã ca ngợi cái mức tiến khả quan của người dân tại đây. Ông viết :

« Nước Việt ta, miền Gia Định đất rộng, vật thực dồi dào, không

(1) CBTY, Sđd, trang 114.

(2) QTCBTY, quyển 2, mục *Qúi mùi* — *Minh Mạng chánh yếu*, quyển 4, mục *Cầu hiền*.

(3) Lê Thọ Xuân *Đôi chuyện về Phan Thanh Giản*, *Tri Tân* số 4, 1941. Theo *Quốc triều đăng khoa lục* của Lao Xuân Dục, BGD xuất bản 1962, thì Phan Thanh Giản đỗ Đề tam giáp Tiến sĩ.

(4) QTCBTY, trang 152.

lo gì cơ hàn. Chính thế mà dân chúng ít chịu dành dụm, quen thói xa hoa và sĩ khí rất hiên ngang.

Đất thuộc dương châu, gần mặt trời, thiên khí phần phát, trung chánh văn minh, con người ưa trọng tiết nghĩa. Họ học Tứ thư Ngũ Kinh, Thông giám hiểu suốt ý nghĩa. Lúc mới trung hưng (thời Nguyễn Vương phục nghiệp), đặt chức Đốc học, ban hành qui chế học đường, mở khoa thi, từ ấy lí học, văn học cùng lúc rực rỡ, càng khiến văn phong trỗi dậy" (1).

Nhân tài theo đà thuận lợi mà xuất hiện đông đảo hơn trước. Trừ Phạm Đăng Hưng hình như đã thi đỗ khoa 1791 với Nguyễn Đình Quát, còn các nhân vật tên tuổi sau đây đều được học và được thi đỗ vào thời khoảng này : Lê Văn Đức (Cử nhân khoa Quý dậu, 1813), Trương Minh Giảng (Cử nhân khoa Kỉ mao, 1819), Phan Thanh Giản (Cử nhân khoa Ất dậu, 1825), Huỳnh Mẫn Đạt (Cử nhân khoa Tân mao, 1831), Bùi Hữu Nghĩa (Giải nguyên khoa Ất mùi, 1835), Nguyễn Hữu Huân (Giải nguyên ?) Nguyễn Đình Chiểu (Tú tài khoa Quý mao, 1843), Phan Văn Trị (Cử nhân khoa Kỉ dậu, 1849), Nguyễn Thông (Cử nhân khoa Canh tuất, 1850), Trần Hữu Thường (Tú tài ?) v...v...

Một số nhân vật khác không xuất thân từ khoa cử, nhưng đã đóng góp nhiều công trình lớn cho thời đại, phải được kể ở đây và sẽ được trình bày đầy đủ hơn ở một dịp khác : Cấn Trai Trịnh Hoài Đức,

Nhữ Sơn Ngô Nhơn Tịnh, Tấn Trai Lê Quang Định và Tây An cư sĩ Đoàn Minh Huyền.

Nhắc lại thời văn học Hán Nôm, cực thịnh của miền Đồng Nai, ông Long Điền (Nguyễn Văn Minh) trên báo *Tri Tân*, đã có dành cho một đoạn :

« Nói đến Hán văn ở Nam Bộ (chỉ đất Lục tỉnh), có rất nhiều bài văn kiệt tác lưu truyền đến nay, người Trung Quốc cũng phải thán phục.

Năm Tự Đức thứ 1 (1848), vua Thanh sai Tổng đốc Lương Quang tên là Lao Sùng Quang sang ta. Vua sai Phan Thanh Giản xếp đặt nhà công quán để đón tiếp. Cụ có viết một câu đối treo giữa công quán :

Để thần từ Bắc nhi Nam, Vương thần từ Nam nhi Bắc qui lộ lai lộ.

Nhân giả dĩ đại sự tiểu, trí giả dĩ tiểu sự đại lạc thiên quý thiên.

Nghĩa là :

Để thần từ Bắc sang Nam, Vương thần từ Nam sang Bắc, đường về đường tới.

Người nhân lấy lớn thờ nhỏ, người trí lấy nhỏ thờ lớn, vui trời sợ trời.

Khi ông Lao Sùng Quang đến, đọc đôi câu đối, khen phục là tuyệt diệu, rồi phê vào bên 8 chữ :

Khán liễu bất giác hạn xuất

(1) GĐTTC, quyển 4, tờ 1b.

triêm thân (vén xong không ngờ mồ hôi ra đầy mình).

Nói về văn Nôm Nam Bộ cũng thịnh. Ngoài Bắc có truyện *Kiều* của Nguyễn Du là kiệt tác và phổ thông bất hủ thì ở trong Nam cũng có *Lục Vân Tiên* của Đồ Chiểu và vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên* của Thủ Khoa Nghĩa rất được dân chúng hoan nghênh » (1).

Nhưng có một điều mà chúng ta không thể quên là suốt cả một thời mà nền học được coi là phát triển rất mạnh này, việc khai mở trường học của chánh quyền cũng chỉ xuống đến cấp Tỉnh học, Phủ học hoặc Huyện học mà thôi. Các chức quan Huấn đạo, Đốc học, Phó Đốc học chỉ coi sóc việc giảng dạy với tính cách hướng dẫn cho lớp học trò lớn, có sẵn khả năng, để chuẩn bị cho các kì thi.

Về cách giảng huấn, người ta có một thời khắc biểu đề định kì cho ngày giờ « nghe sách » và « tập văn ». Kì nghe sách, học trò tề tựu tại trường rồi thì các quan Chánh hoặc Phó Đốc học đem kinh truyện ra giảng cho học trò. Học trò chấm câu và chua nghĩa Nôm vào sách tùy theo sức hiểu biết của mình. Biết nhiều thì chua ít mà biết ít phải cố gắng chua nhiều. Kì tập văn thì học trò nhận đề và nghe giải đề để làm bài hoặc tại lớp hoặc đem về nhà. Khi nộp quyền và bài tập được chấm xong, học trò còn được nghe đốc quan bình văn đề rút tỉa ưu khuyết điểm.

Về phần học văn cấp dưới, kể như bậc tiểu học ngày nay, thì chính quyền để cho nhân dân tự tổ chức trường ốc và lo liệu lấy thầy dạy chứ nhà nước không trực tiếp nhúng tay vào.

Thầy dạy bấy giờ hầu hết vẫn là các nhà nho khả kính. Họ là các viên chức chánh quyền về hưu, là tăng sư hoặc là những người học rộng mà chỉ ưa ăn dật. Uy thế tinh thần của họ vượt xa làng tòng, nhiều lúc được nhân dân kính phục hơn cả hàng phủ huyện trong vùng. Nhờ vậy mà một xã hội tốt được duy trì, một nếp sống yên lành được ổn cố và một học phong si khí vững vàng khả dĩ không chịu nhục khi phải đương đầu với thời thế điên đảo mà bọn ngoại chủng cướp nước đã gây ra.

NGUYỄN VĂN HẦU

(1) *Nam Bộ, đất Việt Nam, Tri Tân* số 1, năm thứ 6, loại mới, ngày 6. 6. 1946.

Sách mới

— Trang thơ màu hồng tập thơ của Lý Thiện Ngộ, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 36 trang gồm 19 bài thơ, trình bày trang nhã.

— Phượng, Đặc san giáo dục Hà, do G.S. Trần Minh Xuân Chủ biên và gửi tặng. Mỗi số dày 50 trang in offset với nhiều hình ảnh đẹp và bài hợp với mọi lứa tuổi học trò. Mỗi số 80đ.

Những khám phá mới về GIA ĐỊNH BÁO

Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên vừa ban hành nghị định đưa môn Quốc văn lên giảng dạy ở lớp 12. Nghị định này có đề cập tới lịch sử báo chí V.N. Như vậy, tờ *Gia định báo* phải được nghiên cứu tường tận ngõ hầu cung cấp thêm tài liệu làm sáng tỏ thời kỳ đầu văn học quốc ngữ.

Cho tới nay, nhiều sách báo đã giới thiệu tờ báo đầu tiên của làng báo nước nhà. Tạp chí Bách Khoa đã dành một số đặc biệt « kỷ niệm 100 năm báo chí » ra ngày 15-1-1966. Giáo sư Huỳnh Văn Tờ 12 trong *Lịch sử báo chí Việt-nam*, Trí-Đăng xuất bản, với các tài liệu thu thập tại Pháp, ông đã đưa ra một số dữ kiện khá chính xác liên hệ đến tờ « *Gia định báo* ». Ngoài ra còn một số tác giả khác giới thiệu qua tờ báo này. Tuy nhiên nếu đem so sánh các bài viết về « *Gia định báo* », ta nhận thấy một số điểm cần phải đính chánh.

Đây là tờ báo đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ nhưng Thư viện quốc gia Sài Gòn, chỉ còn lưu lại ấn bản năm 1880 tức 15 năm sau nó ra đời.

Gần đây, trong lúc tìm tài liệu nghiên cứu thời kỳ đầu văn học quốc ngữ tại miền Nam, chúng tôi phát hiện được hai tài liệu có thể soi sáng một số vấn đề liên hệ đến tờ « *Gia định báo* ».

— Tập tài liệu thứ nhất là tập

hồ sơ của ông Trương Vĩnh Ký. Trong tập tài liệu này toàn bản chép tay nghị định và thơ từ qua lại giữa ông Trương Vĩnh Ký và nhà cầm quyền Pháp liên hệ đến tờ « *Gia định báo* ». Tất cả gồm 52 văn kiện đều bằng chữ Pháp, viết tay với mực tím. Giấy đã vàng, rất dòn, đục tới có thể rách nhưng nét chữ còn đọc được.

— Tập tài liệu thứ hai là bộ « *Gia định báo* » năm 1870, ấn bản đặc biệt của Soái phủ Nam kỳ, thuộc loại giấy tốt. Do đó tập báo cho đến nay vẫn còn nguyên vẹn, không rách nát hoặc lu mờ như tờ *Courrier de Saigon* cùng năm 1870 hiện còn lưu trữ tại Thư viện quốc gia Sài Gòn. Năm 1870 rất hệ trọng đối với sự khởi sắc của tờ « *Gia Định báo* » vì từ ngày 16-9-1869 nhà cầm quyền Pháp giao việc quản xuyến tờ báo cho ông Trương Vĩnh Ký. Trước kia, từ năm 1865 đến 1869, ông Ernest Poiteau trông coi. Chúng tôi cũng tìm được 4 số « *Gia định báo* » của thời kỳ 1865—1869. Nhờ đó, chúng ta có thể so sánh tờ « *Gia định báo* » trong hai thời kỳ 1865-1869 và 1869-1897 từ hình thức tới nội dung.

Di vãng sống lại qua nét chữ của ngòi viết lá tre, màu mực tím

Tiêu sử của ông Trương Vĩnh Ký, nhiều sách báo đã nói tới. Trong thời gian 1866-1868, ông làm Giám đốc trường Thông ngôn. Năm 1863, ông đệ đơn xin từ chức. Ngày 3-9-1868,

ông Trương Vĩnh Ký viết thư cho ông Giám đốc Nội trị đề báo trước ý định ông muốn từ chức Giám đốc trường Thông ngôn để được an nhàn trong cuộc sống riêng tư. Cuối thư, ông có hứa lúc nào cũng phục vụ cho nhà nước Pháp với mục đích gắn liền hai nước Pháp Nam.

Qua ngày 2-11-1868, ông Trương Vĩnh Ký chánh thức gửi đến ông Giám đốc Nội trị đơn xin từ chức. Trên tờ đơn này cạnh bên có ghi bằng viết chì xanh chữ Pháp còn đọc được : « chấp thuận ».

Ngày 15-9-1869, ông Trương Vĩnh Ký viết thư cho ông Giám đốc Nội trị biết là ông đồng ý quán xuyến tờ « Gia định báo » một khi nhà nước giao phó. Nguyên văn bức thư như sau :

« Kính gửi ông Giám đốc Nội trị

« Thưa Ông Giám đốc,

« Tôi hân hạnh trả lời cho Quan lớn về những đề nghị mà Quan lớn cho biết đối với quan Thống soái.

« Nếu một chánh sách khác với chánh sách mà tôi hằng mong theo đuổi, chánh sách mà tôi tin tưởng tốt, chánh sách ấy đã làm cho tôi xa rời guồng máy hành chánh, Quan lớn cứ tin rằng tôi đã giữ niềm kính trọng thật lớn lao đối với những vị cầm giềng mối guồng máy hành chánh và lòng tin tưởng thật lớn lao đối với những thành quả thu đạt được.

« Một kỷ nguyên mới mở ra cho xứ sở, chẳng những tôi cảm thấy mà sự bình yên đến với dân chúng, lòng tin

tưởng của họ càng ngày càng vững chắc đối với một chánh quyền chân thành và liêm khiết. Tất cả những điều đó làm cho tôi có bốn phận nhận đề nghị mà Quan lớn cho tôi biết, tôi sung sướng thấy trách cứ hẹp hòi trước đây đã làm xa cách các sự việc, giờ đây tan biến trước một cuộc vận động khích lệ.

« Thưa ông Giám đốc,

« Tôi cầu mong ông Giám đốc quyết với quan Thống soái là tôi hoàn toàn đặt dưới quyền của ngài giữa lúc không có cái gì cản trở tôi hân hạnh chu toàn trách vụ mà quan Thống soái muốn cho tôi làm tròn.

Kính thư. »

Dưới thư có chữ ký của ông Trương Vĩnh Ký và hàng chữ : « Chợ quán ngày 15-9-1869. »

Qua ngày hôm sau tức 16-9-1869, Thống soái Nam kỳ là G. Ohier ban hành nghị định số 298 ủy thác cho ông Trương Vĩnh Ký làm Chủ bút tờ « Gia định báo » :

« Thống Soái Nam kỳ thuộc Pháp,

« Chiếu đề nghị của Giám đốc Nội trị,

« Định :

« Kể từ ngày hôm nay, việc biên tập tờ báo An nam Gia định báo được giao cho ông Pétrus Trương Vĩnh Ký ; với tư cách chánh tổng tài tờ báo này, ông sẽ lãnh một bổng cấp hàng năm 3.000 phật lạng.

« Tờ báo tiếp tục ra hàng tuần. Nó chia làm hai phần : phần công vụ gồm

các văn thư, quyết định của Quan Thống Soái và của nhà cầm quyền, nguyên văn bằng tiếng Pháp do Nha Nội trị cung cấp và ông Trương Vĩnh Ký dịch ra chữ An nam; phần tạp vụ gồm các bài có ích cho sự học và vui thích với các bài sử học, luân lý, thời sự để có thể đọc trong các trường bản xứ và làm cho dân chúng An-nam chú ý.

« Trước khi ấn hành, tờ báo chuyển đến Nha Nội trị.

« Giám đốc Nha Nội trị có nhiệm vụ thi hành nghị định này. Nghị định này sẽ ấn hành và đăng ở mọi nơi cần thiết.

Sàigòn, ngày 16 tháng 9 năm 1869

G. Ohier ký tên nhưng không có đóng dấu. »

Với nghị định trên có 3 điểm cần giải rõ :

— Từ trước tới nay, nhiều tác giả dịch Direction de l'Intérieur thời kỳ đầu Pháp thuộc là Nha Nội vụ. Trong « Gia định báo », danh từ đương thời là Nha Nội trị.

— Cũng dựa vào « Gia định báo », các nghị định cuối thế kỷ 19 đều ghi: Thống soái Nam kỳ định chứ không ghi Thống soái Nam kỳ quyết định như thể thức lập nghị định ngày hôm nay.

— Với nghị định ngày 16-9-1869, ông Trương Vĩnh Ký được ủy thác làm chánh tổng tài tức chủ bút tờ Gia định báo. Mỗi số báo ấn hành trong năm 1870, phần cuối trang 4 đều có ghi P. Trương Vĩnh Ký, Gia

định báo chánh tổng tài. Theo Đại nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của, chánh tổng tài là một tước quan lớn chủ trương việc gì như làm lịch, làm sách. Dictionnaire Vietnamien-Français của Génibrel dịch chánh tổng tài là rédacteur en chef. Theo Đào Duy Anh, rédacteur en chef là chủ bút.

Sở dĩ chúng tôi phải nói rõ như trên là vì một số tác giả cho rằng với nghị định ngày 16-9-1869, ông Trương Vĩnh Ký được ủy thác làm Giám đốc và ông Huỳnh Tịnh Của làm Chủ bút tờ « Gia định báo ». Chúng tôi đã đọc kỹ toàn tập « Gia định báo » năm 1870 chỉ thấy tên ông Trương Vĩnh Ký làm chánh tổng tài, ông Đỗ Hữu Phương, ông Trần Bá Lộc và một số thông ngôn, ký lục, giáo tập ký dưới các bài trong phần tạp vụ. Chúng tôi không tìm thấy tên ông Paulus Của (1).

Nghị định ký ngày 16-9-1869 nhưng vì không có các số Gia định báo 3 tháng cuối năm 1869, cho nên chúng ta không rõ ông Trương Vĩnh Ký nhậm chức vào ngày nào. Tuy nhiên dựa vào tập báo 1870, báo ra đều đặn 4 kỳ vào các ngày 1, 8, 16 và 24 mỗi tháng. Vậy ta có thể suy luận số báo do ông Trương Vĩnh Ký làm Chủ bút, phát hành ngày 24-9-1869.

Trong tập tài liệu hồ sơ Trương Vĩnh Ký có một lá thư nét chữ

(1) Xem Những phát giác mới về Huỳnh Tịnh Paulus Của, cùng tác giả, sắp đăng trên Bách Khoa.

nguyệt nguyệt, giấy đã vàng thẫm kim nên khó đọc. Chúng tôi chỉ đọc được câu đầu: « Tôi hân hạnh gửi đến Quan Thống soái một ấn bản theo lệnh của Ngài giao phó cho chúng tôi biên tập tờ Gia định báo. » Nhưng dọc sau quá lu mờ, ngày tháng cũng không được rõ. Có thể đây là bức thư ông Trương Vĩnh Ký gửi kèm theo tờ « Gia định báo » số ấn hành khi ông bắt đầu làm Chủ bút.

Gia-định báo, tấm gương sinh hoạt của người dân trong Nam, thời kỳ đầu bị trị

Như nghị định ngày 16-9-1869 đã ghi, « Gia định báo » gồm hai phần: phần công vụ dành để đăng các nghị định, thông tư, lời rao, biên bản các phiên tòa xử của nhà cầm quyền thực dân, và phần thứ hai là phần tạp vụ. Chính phần thứ hai này mới đáng cho chúng ta nghiên cứu và định được giá trị của tờ báo trong tiến trình phát triển chữ quốc ngữ. Phần này trở nên phong phú với tài điều khiển của ông Trương Vĩnh Ký.

Trong thời kỳ 1865-1869, « Gia định báo » đúng là một tờ báo hoàn toàn thuộc loại công báo tức chỉ có phần công vụ. Nói cách khác, nó là ấn bản quốc ngữ của tờ Courier de Saigon, tờ công báo của Soái phủ Nam kỳ ấn hành từ năm 1864 hiện còn lưu trữ tại Thư viện quốc gia Sài Gòn.

Đem so sánh nội dung « Gia định báo » 1865-1869 với tờ Courier de Saigon, chúng ta thấy không có gì khác biệt. Chúng chỉ khác về chữ

viết và khổ báo, Chủ trương của hai tờ là phổ biến các công văn của chánh quyền thuộc địa, một đăng cho Pháp kiều, một đăng cho dân bản xứ. Nhờ đó ta có thể suy luận thêm vì tờ « Gia định báo » là ấn bản quốc ngữ của tờ Courier de Saigon, việc điều hành cả hai tờ đều thuộc Soái phủ Nam kỳ cho nên nhà cầm quyền thời ấy chỉ cần cấp một giấy phép cho tờ « Gia định báo » mà không phải một nghị định. Giấy phép không có tính cách hệ trọng như nghị định cho nên giấy phép của tờ « Gia định báo » không đăng vào tờ công báo tiếng Pháp. Trái lại nghị định ủy thác ông Trương Vĩnh Ký làm chủ bút có đăng trong Courier de Saigon.

Ngoài ra, trong số 7 Courier de Saigon ra ngày 5-4-1865 có đăng tin rất hệ trọng báo kiểu sự ra đời của tờ « Gia định báo »

— « Trong tháng này sẽ ra số thứ nhất một tờ báo in bằng tiếng An-nam thông thường. Dưới một hình thức thu hẹp, ấn bản sẽ gồm các tin tức ở thuộc địa, giá cả nhiều loại hàng và một vài ý niệm hữu ích cho người bản xứ. Tờ báo sẽ ra hàng tháng và sẽ phát không trong các trường học để học sinh khá trong các làng mạc có thể đọc được... »

Đến năm 1869, tờ « Gia định báo » mới được độc lập phần nào khi giao cho ông Trương Vĩnh Ký. Do đó Soái phủ Nam-kỳ mới ký nghị định ngoài mục đích để thanh toán bằng cấp cho Chủ bút của « Gia định báo » mà còn nói lên ẩn ý chánh trị là một người tài giỏi như ông Trương chắc

chấn được sự ủng ái của nhà nước bảo hộ!

Với chủ bút Trương Vĩnh Ký, phần tạp vụ gồm tin tức các tỉnh, các bài sử ký, địa lý, các mẫu chuyện vui, các câu chuyện đời xưa. Chính phần tạp vụ này làm tăng giá trị tờ báo và đánh dấu sự chuyên môn của một tờ báo được khai sinh từ chủ đích chính trị thâm độc của chế độ thuộc địa.

Nhằm kêu gọi các thầy thông, thầy ký, giáo tập góp sức làm phong phú tờ báo bằng cách năng gửi bài và tin tức về, trong số 6 « Gia định báo » ra ngày 24-2-1870 phần tạp vụ có lời rao sau đây :

«— Từ nay sắp tới ta trông cậy sẽ có nhiều chuyện cho người ta coi: vì nhờ có tờ chạy cho các thầy giao tập quốc ngữ (1) và các thầy thông ngôn các nơi trong cả sáu tỉnh mỗi tuần hay là nửa tháng thì chạy về mà học lại những chuyện các nơi các tỉnh để làm vô « Gia định báo » cho thiên hạ hay.

« Những chuyện làm hay, nói xuôi, đủ đều có ý coi nhằm cách nhằm thức thì ta sẽ đề tên người làm kí (2), còn những cái nào khác hoặc nói không được xuôi lời nói, hay là nói lặp đi lặp lại khó nghe thì sẽ đoán (3) lại cho dễ nghe. Lại cũng có khi nhiều chuyện quá, nếu đề y theo tờ các thầy về, thì kể đọc nhứt trình coi không xiết, mà lại sinh nhàm lờn thì ta sẽ gộp lại làm một chuyện dài nối đuôi cho dễ coi.

« Đến khi mỗi tỉnh đều có tờ về làm vậy thì sẽ phân riêng ra từ tỉnh mà kể chuyện cho rõ, dễ coi dễ kiểm. Xin các thầy chú quên đề ngày để chỗ cho hân hoi. Phép làm chuyện

phải kể, tại chỗ nào? Ngày nào? Tháng nào? Như có làm sao? Ban đầu làm sao? Khúc giữa thế nào? Sau hết ra việc gì? Lợi hay hại? May hay là rủi vân vân...

« Như thầy nào có ý gửi đem vô nhứt trình mà đề tên mình kí lấy thì xin nói trong tờ chạy về cho rõ: Vì chuyện nào có người kí tên vô thì là của người ấy, sau có điều gì hay dở, người ta bắt lý hay là sinh điều cãi lầy kiện cáo thì phải chịu lấy.

« Nói rằng có chuyện chẳng được xuôi lời nói cho mấy, hay lặp đi lặp lại, chẳng phải có ý chê các thầy không biết nói cho hay cho rõ, song vốn là bởi có nhiều khi hoặc viết lật đặt hoặc chẵn, có giờ đề mà coi đi coi lại mà sửa, nên trong cả chuyện có chỗ có tiếng bất ý khó nghe, cái trước đề ra sau, còn cái sau đem ra trước hóa ra chẳng rõ mấy mà thôi». (Chép nguyên văn).

Với « Gia định báo » là báo đầu tiên viết bằng quốc ngữ, bài báo trên đây là bài dạy làm báo đầu tiên ở ta nước. Nó đặt nền tảng cho cách lấy tin, viết phóng sự, nói chung là tạo dựng một tờ báo với đầy đủ sắc thái của nếp sống sinh hoạt của người dân. Phần tạp vụ đã giúp cho tờ Gia định báo bước thêm bước nữa trên tiến trình phát triển chữ quốc ngữ và cải tiến nghề làm báo ở nước ta trong giai đoạn đầu Nam kỳ thuộc Pháp.

PHẠM LONG ĐIỀN

Kỳ sau: Một vài đặc điểm của Gia định báo năm 1870.

(1) Quốc ngữ viết ở chớ không phải a như Huỳnh Tịnh Paulus Của.

(2) Kí với i ngân trong khi tên ông Trương Vĩnh Ký trong Gia định báo viết y.

(3) Duyệt lại, sửa lại.

CHÚC MỪNG

Được tin lễ thành-hôn của :

VÕ TẤN KHANH — LƯƠNG THỊ TRINH

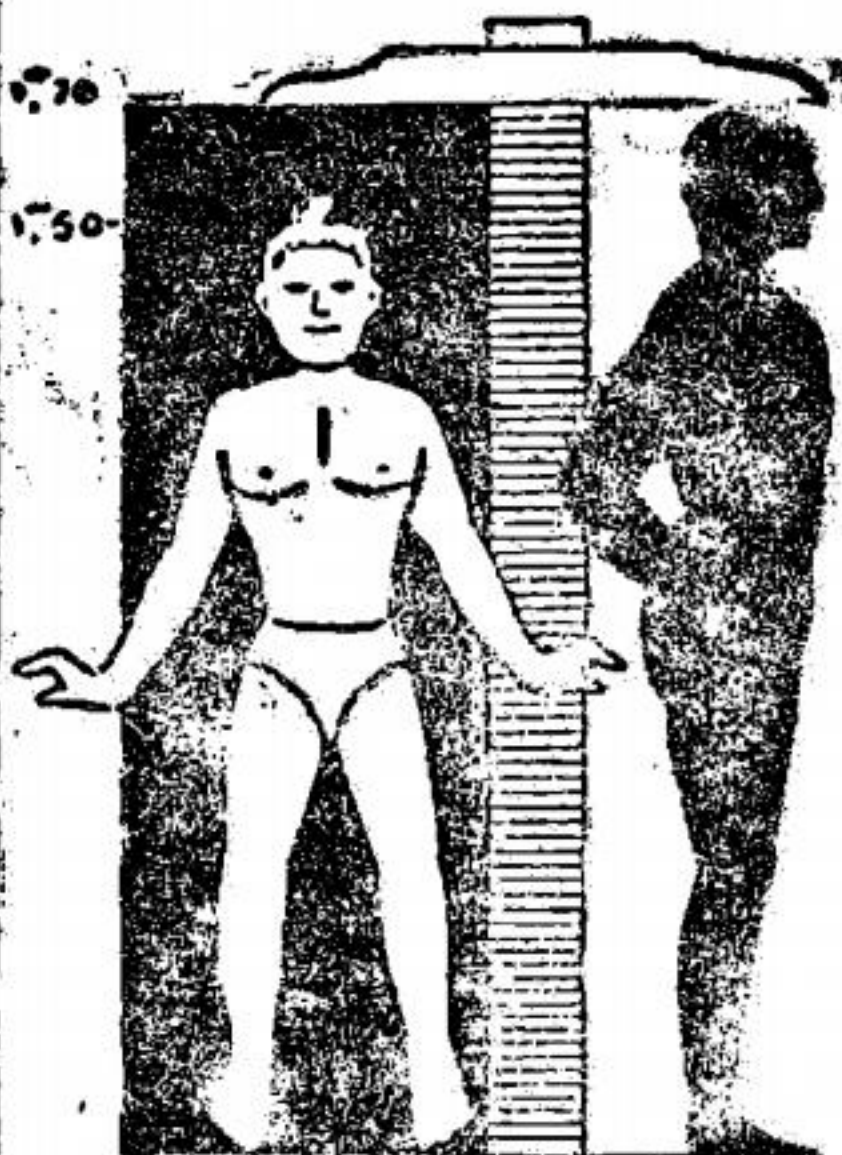
tổ-chức tại TUY-HÒA ngày 4 tháng Tám năm 1974 (17 tháng Sáu năm Giáp-Dần)

Chân-thành chúc **KHANH-TRINH** Trọn Đời Hạnh Phúc

VÕ - HỒNG, MINH - QUÂN, TRIỀU - HẠNH, NGUYỄN LỆ-
UYÊN, MANG - VIÊN LONG, PHẠM NGỌC LƯU, KHÁNH -
LINH, THƯƠNG-LINH, LỆ-DŨNG, ĐỖ CHU-THĂNG, LÊ
PHƯƠNG-NGUYỄN, PHẠM CAO-HOÀNG, TRẦN HUIỀN-ÂN.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHỎE .
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG .
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA ĐỎ

Huyền-thoại-học và huyền-thoại-lí-học trong sự đi tìm nguồn gốc dân tộc

○ Giáo sư Trần Ngọc Ninh trong một tác phẩm ông đang biên soạn mang nhan đề là : « Nguồn gốc dân tộc và văn hóa Việt-nam » có viết rằng : « Nguồn gốc của dân tộc cũng như của cái toàn-thể bao trùm và thấm nhuần nếp sống, nếp nghĩ mà ta gọi là văn-hóa của dân-tộc, là một vấn đề còn bị bao bọc gần như hoàn toàn bởi bóng tối của vô-minh. Sự hiểu biết khoa-học trong những năm gần đây, đã bắt đầu rọi được một chút ánh sáng vào cái buổi khai-nguyên u tối ấy.

Còn rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, chưa hiểu, và có lẽ không bao giờ có thể biết và hiểu được, về thời ban-sơ của chính dân-tộc Việt-nam. Tuy nhiên, những điều đã được phát kiến ra, mặc dầu còn nhỏ-nhoi và lẻ-tẻ, cũng đã khá quan trọng để cho phép dựng lên một vài ý-niệm, là những viên đá đầu-tiên lót nền cho một công-cuộc tổng-hợp mà các thế-hệ sau sẽ có thể kiến tạo và viên thành được. »

Bài sau đây chỉ là mở đầu của phần huyền-thoại-học và huyền-thoại-lí-học mà chúng tôi trích đăng để giới thiệu cùng bạn đọc. Phần tiếp là 4 « vòng » khai thiên lập địa, khai sinh con người, khai phá cõi sống, tạo dựng văn hóa, mới chính là phần khảo luận công phu của tác giả, nhưng tiếc vì khuôn khổ hạn hẹp của tờ giai phẩm hiện nay, chúng tôi chưa thể giới thiệu ngay cùng bạn đọc phần tiếp này được nên xin hẹn cùng quý bạn vào một dịp khác.

Nói đến huyền thoại, rất nhiều người, tiềm nhiệm cái chủ-ngiã thuần-lí đơn sơ của Tây-phương ở thế-kỉ trước, tỏ vẻ khinh thường và cho rằng đó chỉ là những chuyện bịa đặt và hoàn toàn huyền-hoặc của thời tiền-luận-lí trong loài người.

Cái thái-độ phán xét vội-vã và hời hợt tiên-định đó hàm chứa nhiều điều sai-lầm căn-bản mà ngày nay, chúng ta phải sửa lại. Trước hết là về tính-cách huyền-hoặc của huyền-thoại. Danh-từ huyền-thoại (mà tôi dùng ở đây, sau khi loại bỏ

danh-từ thần-thoại, vì huyền-thoại không chỉ nói về thần và không chỉ kể những chuyện của các thần, mà trong căn-bản là những chuyện về người, về những người ở một thời nguyên-thủy sơ-khởi) cũng như các danh-từ *mythos*, *mythe*, *myth*, của Tây-phương đều có khuê gọi lên cái ý-niệm huyền-hoặc thực. Nhưng trong thực-chất, « huyền » thì có huyền, nghĩa là có tính-chất sâu-kín ; hưng « hoặc », nghĩa là giả dối, mê muội thì không. Các huyền-thoại được tạo ra và lưu truyền bởi các dân-tộc không

phải là đề loạn tâm, đối chứng. Sở dĩ mà các tác-giả ngay từ thời Bắc-thuộc, sang đời Trần, tới đời Lê của ta, cũng gọi những chuyện ấy là dị (Lưu Tuân), là u (Trần Thế Pháp) là quái (Lí Tế Xuyên), là kì (Nguyễn Dữ) mặc dầu sự mê-tín trong những thời đó không phải là hơi-hot, thì chỉ vì rằng ý-thức-hệ nho-giáo khi đó đã thay thế hẳn ý-thức-hệ huyền-thông của đời thái-cổ, và trong nếp sống của dân-tộc khi đó không còn những lễ khai tâm để người nhiều-niên được giảng dạy về nghĩa-lí của các huyền-thoại nữa mà thôi. Sang đến đời của chúng ta, với những hiểu-biết đầu là còn nông-cạn về khoa-học, và với những sự kiện nặng-nề của nền văn-minh vật-chất, tất nhiên rằng ta càng thấy cái tính-cách bày đặt và phi-lí của các huyền-thoại, kể cả và nhất là các huyền-thoại dân-tộc. Sự phi-lí có nhưng đó chỉ là đối với cái «H» của ta mà thôi; và cái lí đó cho huyền-thoại là phi-lí chỉ là vì nó không hiểu được cái lí trong các huyền thoại.

Sang đến điểm thứ hai, là về cái mà người ta gọi là óc tiền-luận-lí. Danh-từ *tiền-luận-lí* (*prélogique*) đã được đặt ra bởi L. Levy-Bruhl trong cuốn «*Tâm-linh sơ-khai*» (*La Mentalité Primitive*) nổi danh của ông. Khi viết cuốn sách đó, Levy-Bruhl cho rằng các dân-tộc sơ-khai chưa biết lí-luận theo nguyên-lí bất-tương-phản, và chỉ biết liên tưởng một cách bao gồm, theo các huyền-thoại. Nhưng chính tư-tưởng của Levy-Bruhl cũng đã biến chuyển lần-lần theo sự nghiên

cứu của ông, và khi ông mất đi, các *Tập ghi chú* (*Carnets*, 1940) di-cảo của ông cho thấy rằng ông không còn nghĩ rằng trong thế-giới của loài người, có những tâm-linh khác-biệt; ông quan-niệm rằng tâm-linh của con người chỉ có một, với những hình-thức khác nhau tùy theo cái mẫu-hình của nền văn-hóa trong đó người ta được nuôi dưỡng; và ở các dân-tộc sơ-khai, thì những nét văn-hóa đặc-biệt là sự tham-gia, và tính-cách quan-trọng mà người ta đặt vào các huyền-thoại và các biểu-tượng trong đời sống văn-hóa của cộng-đồng.

Huyền-thoại và biểu-tượng không mất đi trong loài người gọi là văn-minh của đời nay. Con thuyền May-flower và các Sáng tổ (Founding Fathers) đều là thực có trong lịch-sử, nhưng đang thành những biểu-tượng và huyền-thoại để kết hợp nhân-tâm trong Hiệp-chủng-quốc. Ở Nhật-bản, là một nước đã đạt tới một trình-độ rất cao theo quan-niệm văn-minh của Âu-Mĩ, huyền-thoại Thái-dương thần-nữ và dòng-dõi Mặt trời của Thiên-hoàng vẫn được nuôi dưỡng và giảng dạy. Và ở những nước đã mất hoặc quên các huyền-thoại tối-cổ của mình như Pháp, Nga,... thì lại có những huyền-thoại mới hiện ra, mà ta có thể gọi là những huyền-thoại của thời-đại. Người ta tự hào với thuần-lí chủ-nghĩa, duy-thực chủ-nghĩa, khoa-học chủ-nghĩa, duy-vật chủ-nghĩa, và người ta tạo ra những huyền-thoại về một số «nhân-vật» toàn năng, có tên là Lí-trí, là

Lịch-sử, là Tự-do, là Công-lí với những vị thần phát-ngôn-viên mới là Lời sách, là Làn sóng điện, là Đảng, là Lá cờ, là Quyền sách. Một cuốn tạp-luận của R. Barthes (*Mythologies* 1964) mới phân tích cái hiện-tượng ấy trong xã-hội hiện-đại của nước Pháp; và những truyện của F. Kafka đã tả cái thân-phận khốn-nạn của con người trong cái thế-giới ác-mộng nhưng rất thực, làm thành bởi thiên-la địa-vọng của các huyền-thoại đương-thời.

Huyền-thoại không mất đi trong tinh-thần nhưng đã thay đổi trong hình-thức, tính-cách và cơ-cấu. Các huyền-thoại xưa nói về những sự việc xảy ra ở thời nguyên-thủy, nhưng vẫn còn chi phối cuộc đời hiện-đại một cách thâm-sâu, và có thể trở đi trở lại được mãi-mãi trong đời sống của bầy-đàn. Còn các huyền-thoại ngày nay thì nói về những sự việc sẽ đến ở lúc tận-cùng của mai-hậu, nhưng vẫn luôn-luôn chi phối và sẽ phán xử tất cả những gì đã xảy ra và đang xảy ra trong các bầy-đàn hiện tại của loài người. Một thí dụ điển-hình nhất về huyền-thoại của thời nay là về lịch-sử, mà người ta không cho là ở quá-khứ nữa và đặt ở vị-lai, để lập những bản án tối-hậu về các hành-động của mỗi cá-nhân cũng như của mỗi thế-hệ. Và đây không phải là một huyền-thoại của những bọn mán, bọn mường trong nhân-loại, mà là của những xã hội tự cho là "tiến-bộ" nhất trong cõi nhân-gian ngày nay.

Tôi đã đi hơi quá xa vấn-đề, nhưng

chỉ là để nói rằng không thể coi huyền-thoại chỉ là những sản-phẩm phi-lí của những nhân-loại hoàn-toàn khác biệt với các xã-hội đương thời của loài người. Thực sự ra, thì phải nói rằng chúng ta chỉ mới bắt đầu bắt đầu tìm về các huyền-thoại cổ-truyền của các dân-tộc, kể cả dân-tộc Việt-nam; và sự hiểu-biết về thực-chất của huyền-thoại thì có lẽ chỉ mới bắt đầu ie lời.

Huyền-thoại là những lời có cơ-cấu đặc-biệt được đề lại từ những thời rất xa-xưa để truyền dạy những điều quan-hệ đối với dòng sống của một cộng-đồng văn-hóa, và được chấp nhận như những sự thật vĩnh-cửu và tuyệt-đối bởi cộng-đồng văn-hóa đó, trong suốt thời-gian cộng-đồng văn-hóa đó còn tồn tại,

Định-nghĩa này, mà tôi đề nghị với học-giới, nhấn mạnh đến một vài điểm mà tôi nghĩ là rất quan trọng cho sự nghiên-cứu huyền-thoại học.

Thứ nhất, là sự bac-trùm của một nền văn-hóa đối với huyền-thoại và cái chức-vụ của huyền-thoại trong nền văn-hóa đó. Văn-hóa thế nào thì huyền-thoại như thế. Văn hóa mà mất đi, thì huyền-thoại cũng không còn ý-nghĩa. Ta gọi cái quá-trình đó, là sự phá-huyền: kết-quả là huyền-thoại nếu còn, thì cũng chỉ còn là một chuyện cổ đin-gian.

Có đó suy luận ra, thì thấy rằng: một hệ-thống huyền-thoại chỉ có thể giảng-giải được, là ở trong một nền văn-hóa mà ta phải biết và hiểu rõ.

Sự hiểu một huyền-thoại không thể ra ngoài được cái thời-gian và cái khung-cảnh của cái nền văn-hóa đặc-biệt đã cấu tạo, lưu truyền và tin tưởng huyền-thoại đó. Đó là lập-trường thứ nhất, mà tôi gọi là *lập-trường linh-giải* (herméneutique).

Điểm thứ hai, là tính-cách tuyệt-đối thực của huyền-thoại đối với một cộng-đồng văn-hóa. Đây là lập-trường hiện tượng-luận (phénoménologique), mà tôi nhận sau những khảo-cứu của Mircea Eliade và Van der Leeuw. Con người, trong các cộng-đồng huyền-thông, coi rằng huyền-thoại đã lập ra vũ-trụ và nền-nếp của cuộc sống. Họ sống trong huyền-thoại, họ sống các huyền-thoại, họ tự thực-hiện qua các huyền-thoại của họ. Huyền-thoại, đối với những người trong một nền văn-hóa, là cái gốc và cái lí-do của mỗi nét và của toàn-bộ văn-hóa.

Điểm thứ ba, là lập-trường cơ-cấu-luận (structuralist) về huyền-thoại. Trong lập-trường này huyền-thoại cũng được qui-chiếu vào cái toàn khối gọi là văn-hóa, như được đòi hỏi bởi lập-trường linh-giải. Nhưng trong sự giải-nghĩa huyền-thoại, thì mỗi huyền-thoại được coi là một xây dựng làm bằng một số những huyền thoại vi (mythème) liên-hệ với nhau theo những qui-ước, và móc nối với nhau để làm thành một tin-văn có nghĩa-lí. Trong một nền văn-hóa nào đó các huyền-thoại không phản-ngịch rai nhau, và có thể một phần nào được luận ra từ một huyền-thoại gốc khi các phạm-trù và

tương-quan trong: huyền-thoại này đã được phân tích. Các sự biến-cải hình-thức của huyền-thoại cho phép tháo gỡ vũ-trụ của sự sống thành những phần-tử biệt-lập và đối-ngịch theo hệ-thống căn hai, để diễn-tả các giá-trị được chấp nhận trong một nền văn-hóa.

Lập-trường phương-pháp của cơ-cấu-luận như vừa được trình bày đã được rút ra từ những khảo-sát của Cl. Lévi-Strauss, về nhân-chủng-học cơ-cấu của ông, và nhất là từ bộ *Mythologiques* (Huyền-thoại-lí-học) (1964-1971), là công-trình mới nhất của Lévi-Strauss.

Sự khảo-sát huyền-thoại-lí-học rất giống sự khảo-sát ngôn-ngữ theo phương-pháp cơ-cấu, nhưng với một sự khó-khăn đặc-biệt, là không ai dám nói rằng hiểu ý-nghĩa thực của một huyền-thoại một cách tiên-định cả. Tuy nhiên, nhờ sự so-sánh và đối-chiếu liên-tục, Lévi-Strauss đã soi sáng được rất nhiều vấn-đề thuộc về cơ-cấu tư-tưởng và những khả-năng tổ-hợp của con người ở những thời sơ-thuỷ; đồng-thời, ông cũng đạt được một vài khám phá, hay ít ra là đặt được một giả-thuyết có chứng-minh, về nơi phát xuất và những con đường truyền-bá của các huyền-thoại Mĩ-châu. Đó là những thành-quả rất lớn, trong một địa-hạt chưa được khai-phá.

oOo

Các huyền-thoại Việt-Nam, trong hiện-trạng của sự biến-khảo, có thể cho phép được một sự khảo-sát khoa-học không?

Việc biên chép các huyền-thoại Việt-Nam bắt đầu từ thời Bắc-thuộc bởi người Trung-Hoa và được nối tiếp cho đến ngày nay bởi người Việt-Nam và một số tác-giả Pháp (1).

Một số huyền-thoại của những dân-tộc lân cận với người Việt, cũng đã được ghi lại trong một thời gần đây.

Các sự biên-chép này, nói chung, còn rất thiếu sót, và hầu hết lại không trung-thực. Nhiều tác-giả để lộ ra cái ý-định muốn làm văn-chương, và thêu dệt hoặc phảm bình câu chuyện bằng những lời của mình. Riêng một điểm này, cũng đủ gọi lên sự ngờ vực (2). Lại có một số tác-giả, và những tác giả cò nhát cũng không thoát khỏi cái lăm lỏi này, lại còn xếp đặt, cắt xén, hay sửa lại các huyền-thoại để cho hợp với cái ý thức bề đương-thời của mình hơn đôi chút và bằng cách đó, tránh được những lời phê bình rằng đã kể lại những chuyện kém đường đạo-đức, khả dĩ hại đến thuần-phong.

Chúng ta chưa có một tập huyền thoại nào được ghi lại theo những phương-pháp của dân-tộc-học, nghĩa là đúng như được kể lại bởi các ông già bà cả giữ cái truyền thống dân-gian, với những chú thích rành-mạch về khu vực của mỗi huyền-thoại, và các biến thái của huyền-thoại khi chuyển sang một truyền thống khác. Đối với các huyền thoại theo tục truyền của Việt-nam thì có lẽ khó lòng còn có thể tái lập lại được ở đời nay; tuy nhiên, cũng có thể còn

một số làng xã vẫn giữ được gần nguyên vẹn một vài huyền-thoại của thời sáng lập, với những nghi-lễ tương-ứng. Nếu không có người ghi chép lại ngay thì, theo cái đà « tiến bộ » hiện tại, chắc chắn rằng những truyền thống đó cũng sẽ mai một hẳn đi, trong không bao lâu nữa. Còn các huyền-thoại của những dân-tộc nhỏ sống ở các vùng đồi núi thuộc nước Việt-nam và lân-cận, cũng phải được thu thập một cách cẩn-trọng để làm tài-liệu nghiên cứu về sau này (3). Hơn nữa, cái liên-lạc giữa các dân tộc nhỏ ấy và dân tộc Việt-nam có lẽ lớn hơn và chặt chẽ hơn là phần lớn chúng ta nghĩ.

oOo

(1) Xem Nguyễn thị Ngọc Thám. Công việc biên chép và sắp xếp truyện cổ dân-gian, Bách Khoa, 15 : 344, 1971.

(2) Không những là ở Việt-nam, từ Trần Thế Pháp cho đến Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Trọng Miên, và... Phạm Duy Khiêm đều muốn làm văn chương, mà ở Trung Hoa, Không tử (Kinh Thư), ở Hilar, Ovide (*Métamorphoses* : Đồi lốt) cũng muốn làm văn chương (và huan li) bằng huyền thoại.

(3) Trong công việc khảo luận này, những sách chính được dùng làm tài liệu là :

Trần Thế Pháp — *Lịch Nam Chính Quái*
Li Tế Xuyên — *Việt điện U linh tập*

Nguyễn Đồng Chi (1956) — *Lược khảo về Thần thoại Việt nam*

Hoàng Trọng Miên (1959) — *Việt nam Văn học Toàn thư*.

Khi nào dùng những sách khác, tôi sẽ ghi chú ngay trong bài văn.

Một vấn-đề quan-trọng và gần như tiền-quyết trong công việc khảo sát huyền-thoại-học, là làm cách nào để định được, trong tất cả những truyền-kì, dị-sử, đã được góp nhặt, cái gì là huyền-thoại, cái gì là cổ-tích, cái gì là dã-sử, và cái gì là giả-tưởng.

Ở đây, và trên phương-diện thuần-túy hình-thức, tôi sẽ nhận là huyền-thoại những chuyện tục truyền có những tính-cách sau :

1— Chuyện được nói rằng đã xảy ra thời nguyên-thủy, tức là một thời :

— chưa có thời-gian

— vũ-trụ còn hỗn mang và vô danh, hoặc vừa qua một biến-động xáo bô hết cái trật-tự cũ ;

— trời và đất còn liền nhau hoặc còn thông với nhau.

— mặt trăng và mặt trời chưa được phân biệt ; hoặc có mặt trời mà chưa có mặt trăng ; hoặc có nhiều mặt trăng và nhiều mặt trời với những qui-đạo tự-do ; vì lí-do này, ngày đêm cũng chưa có.

— vạn vật chưa hoặc còn đang được cấu thành và chưa có tên gọi, cũng chưa có những biểu-tượng hình-thức như ở thời nay.

— các vật sống có di chuyển đến người đều đi được, nói được, và khác các vật đó như hiện hữu.

— có những biến-hóa có ý-nghĩa tương-trung giữa các vật với nhau và giữa người với vật ;

2— Giống người huyền-thoại khác những người hiện đang sống trong

vóc hình, mặc dầu là có thể liên hệ dòng-dõi.

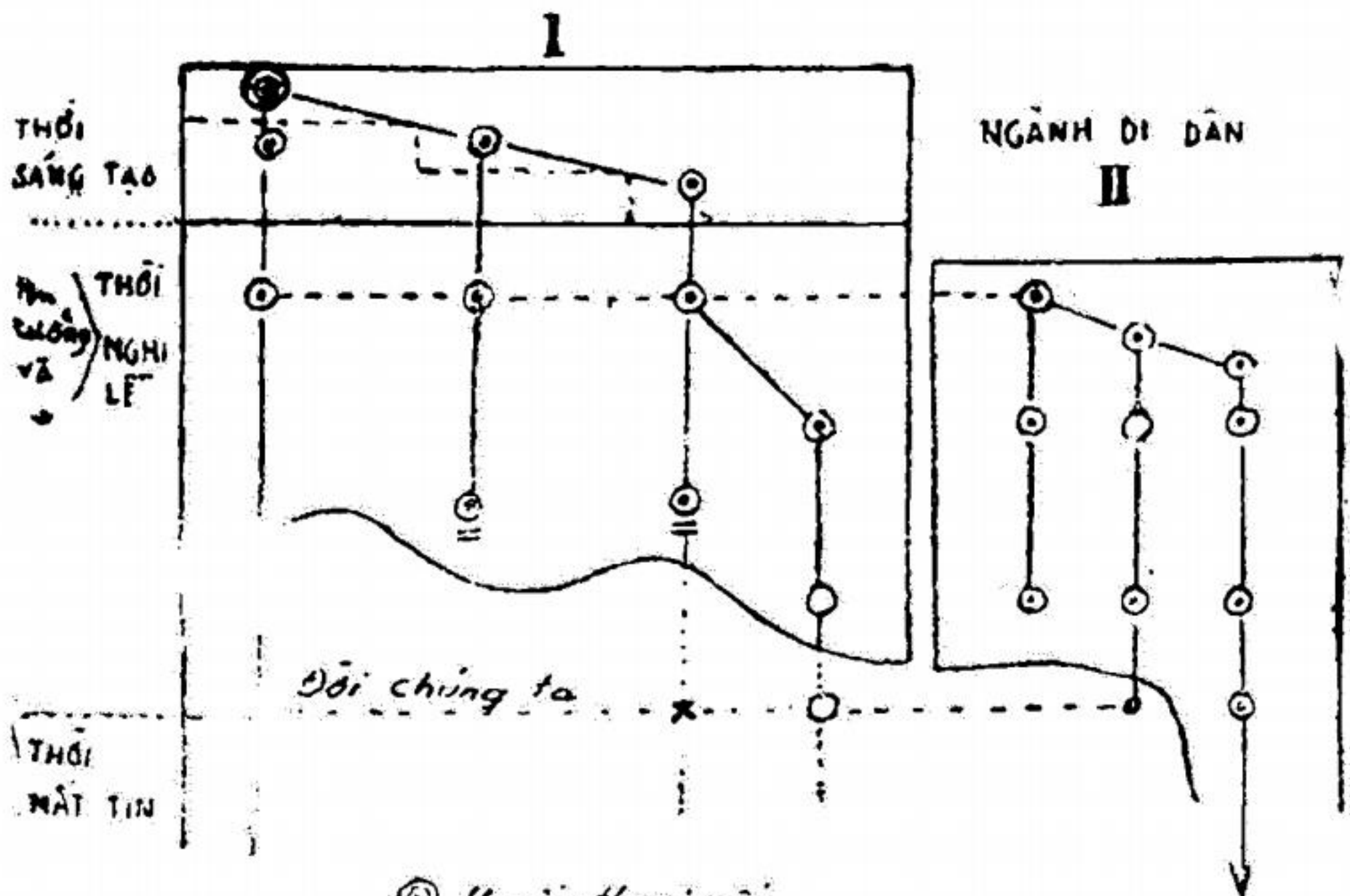
— Những người huyền-thoại không có hoặc chưa có một số những biểu-tượng của con người đời nay, đặc biệt nhất là tiếng nói, ngọn lửa, và tục-lệ.

— Những người huyền-thoại có những hành-động mà người đời nay cấm kị, và do những hành-động không thường đó, đã tạo lập ra những cái thiệt yếu cho đời sống hiện-tại. Đó là sự đối-ngịch căn-bản được phản chiếu bởi những cặp đối-ngịch khác trong cốt chuyện của huyền-thoại.

3 — Chuyện được truyền lại có một hình-thức văn-hóa tương ứng, là một lễ-nghi, một sự cấm-kị, hoặc nét văn-hóa đặc thù mà cộng-đồng vẫn theo một cách tôn-kính ; Hoặc chuyện còn để lại đến nay những di tích vật-chất trong thiên-nhiên mà tất cả mọi người trong cộng-đồng đều thấy rõ và công nhận một cách tuyệt đối.

Những hình-thức tương-ứng này là những bằng chứng về tính-cách vĩnh-cửu hoặc sự vô-tận tái-lai của huyền-thoại. Các tính-cách hình-thức của huyền-thoại như được kể ra ở trên không phải chỉ có trong huyền-thoại Việt-Nam, mà có chung trong huyền-thoại của mọi dân-tộc. Việt-Nam không ở ngoài cái đại-lệ đó.

Chúng ta không biết rõ các huyền-thoại của dân-tộc được cấu-tạo vào thời nào của tiền-sử. Tôi nêu ra một giả-thuyết, với tất cả sự dè-dặt tự



- ① Huyền-thoại gốc
- ② Huyền-thoại lên hệ
- ③ Huyền-thoại chết
- Thân-thoại thân họ ông ông
- Chuyên cò dân tộc
- x Hình thức thoái-hóa khác

Các biến cải của huyền-thoại

nhiên phải có trong lãnh-vực này: hầu hết các huyền-thoại Việt-Nam đều đã được lập ra trong lúc ban mai của thời nông-nghiệp, tức là, như các nhà tiền-sử-học gọi, ở thời tân-thạch, hoặc trước đó, ở thời trung-thạch, và nói cho rõ hơn nữa là, vào khoảng thời-gian từ nền văn-minh Hòa-bình đến nền văn-minh Bắc-sơn 1. Những huyền-thoại xưa nhất đã bị hạ bực lần-lần và thành những chuyện cổ-tích, mặc dầu hình thức này, cũng còn giữ được vài nét của huyền-thoại cũ. Một số lại được biến-cải, nguyên-nhân chính của sự biến-cải là sự biệt-lập và di-

chuyển của một nhóm người ra khỏi bầy đàn gốc của họ; cái ngành họ đã tách rời ra chỉ có những huyền-thoại trong những hình-thức dị-hóa và có khi băng-hoại, nhưng từ những hình thức đó có thể lại nở ra những dòng huyền-thoại mới (1). Sự băng-hoại đến chỗ cùng cực

(1) Cái diễn-trình này được thấy rõ nhất là ở các tổ huyền-thoại Mi-châu. Khi các điều-kiện lịch-sử và địa-lí đã bị xóa nhòa như với các huyền-thoại Hi-lạp, thì người ta chỉ còn có thể nói được là có những biến-thoại. Những khảo cứu của Vernant gần đây đã cho phép dựng lại vài huyền-thoại gốc của Cổ Hi-lạp và lập ra những giả-thuyết về tâm-lí-học lịch sử.

của một thoại có thể là sự hóa thân của huyền-thoại thành dã-truyện của một vị thần hoàng làng (1). Sau cùng, cũng còn có một vài huyền-thoại sống, vì còn được truyền tụng, được tin kính, và được tái diễn đều đặn với những nghi-thức cò-truyền, ở vài khu-vực; và một số huyền-thoại đã chết hẳn từ lâu, nhưng còn để lại vết-tích. trong một nghi-lễ, một trò chơi, một câu phong-dao, hay một tục-lệ.

Khu vực gốc-nguồn của huyền-thoại cũng chưa được biết rõ, trong hầu-hết các trường-hợp. Có một vài huyền-thoại có lẽ đã phát sinh từ đất nổi của dân-tộc, tại một chỗ nào đó ở chân núi Himalaya, và được truyền tụng lại không những bởi dân-tộc Việt, mà bởi cả những dân-tộc cùng gốc-gác, rải-rác từ miền Bắc Ấn sang tới bờ của biển Đông. Và cũng có nhiều huyền-thoại khác, nảy-nở ra ở một địa-hạt nhỏ của lãnh-vực Việt-Nam (Vĩnh-Phúc-Yên, Sơn-tây, Phú-lạng-thương), và được móc nối vào những huyền-thoại gốc-nguồn trong những truyền-thống địa-phương. Huyền-thoại Việt-Nam cũng như dân-tộc Việt, giống như một con sông lớn có một ngọn-nguồn ở một nơi xa nhất, cao nhất, và nhiều dòng sông nhỏ từ nhiều chiều-hướng đổ vào. Con sông càng ngày càng lớn và càng tràn đầy ; và nếu có những quãng thời-gian trong đó, như trên con sông Thương nước chảy đôi dòng, người ta thấy hai bộ huyền-thoại đi song-song, thì cũng chỉ là trong một khoảnh-khắc của lịch-sử.

Sự hòa-đồng của dân-tộc sẽ thống-nhất văn-hóa và dung hợp các huyền-thoại thành một khối thuần nhất sau một thời-gian ngắn.

Các huyền-thoại của dân-tộc như được truyền-tụng lại cho tới ngày nay, làm thành bốn sát-na, mà theo Tây-phương, ta có thể gọi là vòng (2). Bốn vòng là :

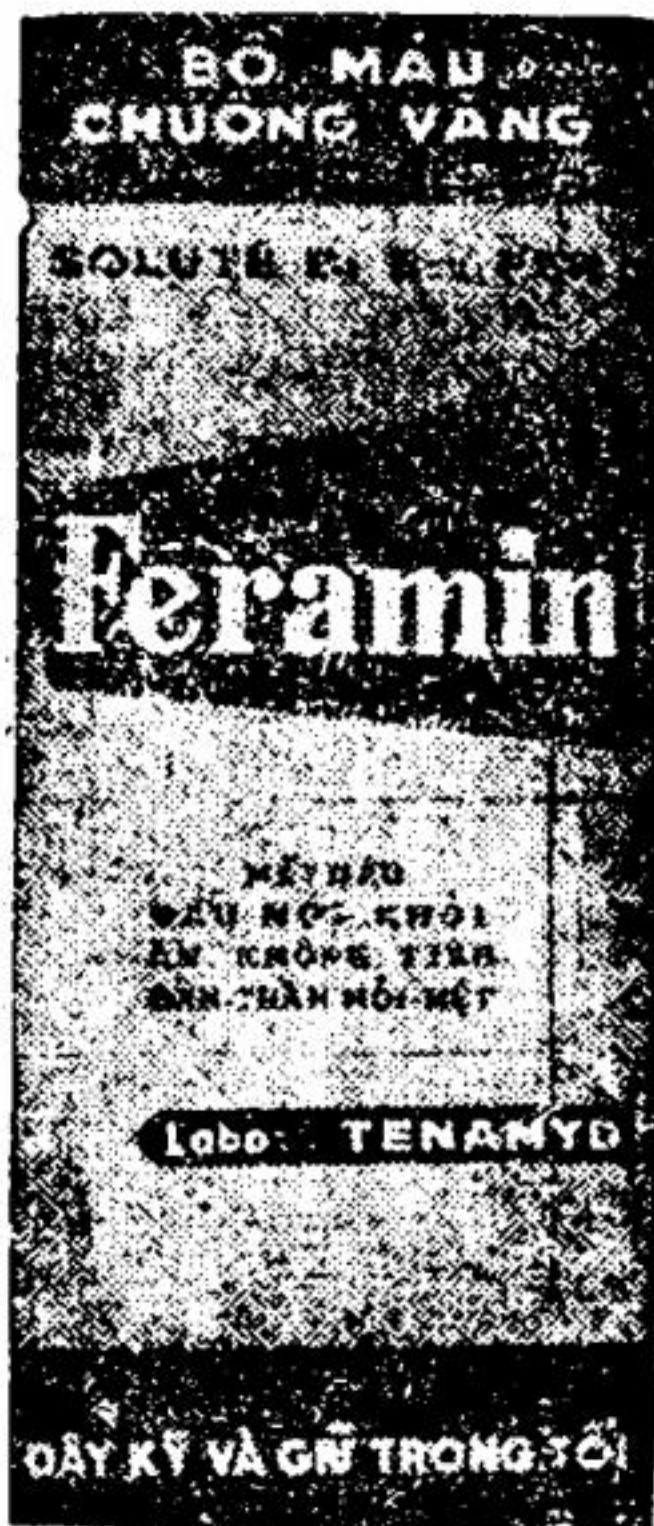
- 1- Vòng khai thiên lập địa
- 2- Vòng khai sinh con người
- 3- Vòng khai phá cõi sống
- 4- Vòng tạo dựng văn-hóa

TRẦN NGỌC NINH

(1) Dã-truyện của thần hoàng làng hầu hết là những mảnh đời được truyền-kí-hóa của những nhân vật có thực nhưng đã được thần-thánh-hóa bởi tín-ngưỡng dân-gian. Sự thần-thánh-hóa một người thành một vị thần hoàng làng là một diễn-trình xã-hội xảy ra trong vòng một cộng-đồng nông-nghiệp (làng) còn có tính-cách sơ-khai với những nét đặc biệt của văn-hóa Việt-nam ; diễn-trình này được khơi ngòi bởi một vài sự-kiện xảy ra như những sự hiên-linh, mà người ta thường gọi là « động làng ».

Trong bài này, những trường hợp trên không được nói tới, và chỉ kể đến những trường-hợp thoái-hóa của huyền-thoại thành một truyền-kí về những nhân vật được phong thần. Một phong-tục riêng của làng (mà làng khác, coi là xấu xa hay quái-dị) được găm bó với những huyền thoại thoái hóa.

(2) Trần Ngọc Ninh — Huyền-thoại Việt-nam, Tân Văn — 1969.



Bồ máu Chuông vàng

Soluté B1, B12, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mỏi khớp — Ăn không tiêu — Bần thần mỏi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đậy kỹ và giữ trong tối



thuốc ho viên

PECTAL FORT

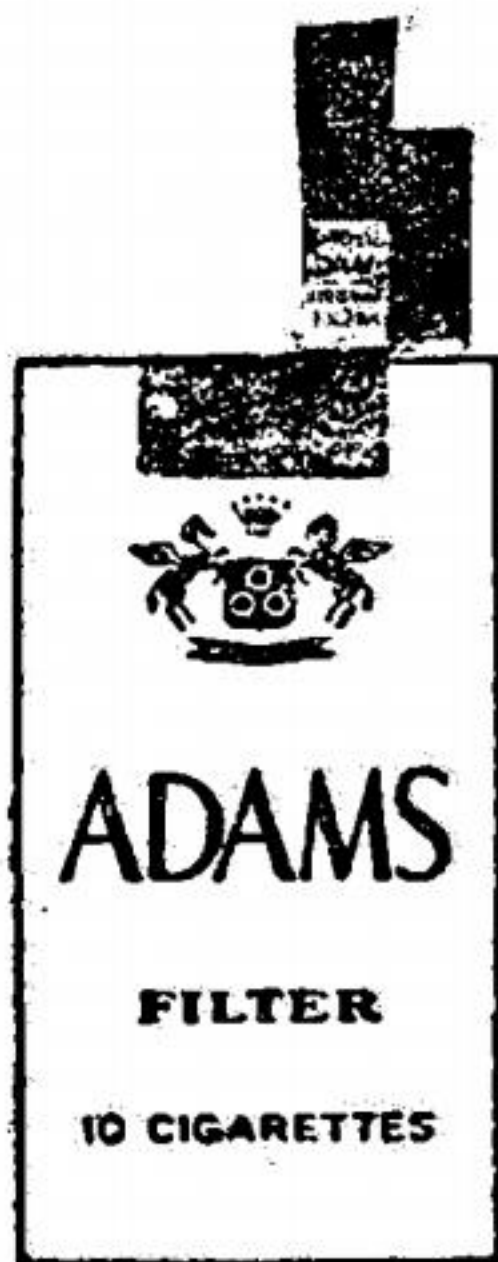
trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.



ADAMS
ADAMS
ADAMS
ADAMS
ADAMS



thuộc thơm đầu lọc
thích hợp
cho giới trẻ

Giáo-dục thường-trực và phát triển văn - hóa

Giáo-dục ngày nay đang trở thành một nhu-cầu đại-chúng. Nhưng không phải theo nghĩa của danh-từ đại-chúng trong diễn văn của một vị tổng-thống hay bộ-trưởng đọc trước một quốc-hội, vì dù sao các vị ấy cũng chỉ nói đến cái giáo-dục của các học-đường hay một hình-thức nào đó do chính-phủ tổ-chức. Nhu-cầu được giáo-dục đang đi xa hơn nữa trong quảng đại nhân dân đến độ đã thành vô-thức. Bạn cứ so sánh bất kỳ một tờ rao hàng nào ngày xưa với ngày nay thì rõ: xưa kia người bán thuốc chỉ phô bày công hiệu của thuốc, nào là thần dược, nào là trị bá chứng,... ngày nay, việc chính của quảng-cáo là «dạy» cho người ta hiểu chất gì, do ông nào chế ra năm nào, đã được thí nghiệm làm sao, hiệu-nghiệm làm sao, với bộ phận nào trong cơ thể, trị giống vi-trùng gì,... Cổ nhiên, còn có thực đã có chất ấy trong thuốc này hay không là một việc khác. Một hộp kem đánh răng cũng kèm theo một tờ giải-thích cặn kẽ chất fluor tác dụng vào men răng như thế nào; nhưng có chắc kem ấy đã chứa fluor hay không thì hình như chỉ là chuyện thứ yếu, không cần cho người mua lắm. Một xe nước trái cây được quảng cáo là xe «sinh tố», một ý-niệm mới mà người ta cần được biết và sẽ hãnh diện khi dùng. Dĩ nhiên, không phải là vì các nhà quảng cáo này có ý-thức giáo-dục ai, họ chỉ dựa vào thị-hiệu

quần-chúng đề ra hàng. Các báo hàng ngày cũng thường có mục *Tìm tòi*, dạy các thủ-thuật lật-vật trong nếp sống gia-đình. Các ông bói toán cũng không còn giáo-điều độc-đoán như xưa mà phải dựa vào một lẽ hung-cát âm-dương nào đó mà giảng giải cho có vẻ khoa-học để khách hàng tin-tưởng. Khi người dân đã đến trình-độ muốn biết thì truyền thanh, truyền hình của chính-phủ cũng phải có mục *Người dân muốn biết* để họ được biết theo một chiều hướng có lợi cho chính quyền, bằng không, rồi họ cũng sẽ tìm biết nó theo một chiều hướng khác.

Nhưng khi người ta đã muốn biết thì chỗ nào họ thấy có che đậy dấu-diểm, họ lại càng muốn biết hơn, đó là cái tâm-lý chung xưa nay của thiên-hạ: Những phim «cấm trẻ em dưới 16 tuổi» thường được khán-giả chiếu-cổ đông-đảo, những quyền sách cấm thường được người ta tìm đọc. Những chỗ «tự ý đọc bỏ» trên báo chí là những chỗ làm cho người đọc dừng lại đó và suy nghĩ nhiều hơn. Và có điều, mà người đọc bỏ không ngờ, là độc-giả thường đoán hiểu theo một ý-nghĩa còn tệ hại hơn là khi họ được đọc đầy đủ chỗ đọc bỏ ấy.

Hiện-tượng báo-chí song hành (presse parallèle) gồm những báo xuất-bản lén-lút bên dưới hay bên lề (presse underground, presse marginale), từng có ở các nước tiền

tiến, ở Nga cũng như ở Mỹ, ngày nay đang phát triển mạnh-mẽ. Như ở Pháp có tờ về loại này phát hành thường kỳ ngót 3.000 bản (theo tài liệu của Bernard Blanc ở Pháp, 1973).

Cho hay dân chúng đang muốn học nhiều hơn cả những gì mà những người có trách-nhiệm muốn dạy cho họ.

Nội-dung và hình-thức giáo-dục hiện đại

Các nhà giáo-dục ngày nay trên thế giới thấy rõ nhu-cầu này của con người hiện-đại nên đã đánh giá lại cái vốn giáo-dục cần cho mỗi người. Mỗi chúng ta sống trong xã-hội bây giờ phải có tối thiểu : Một là những ý-hướng tích-cực tham dự vào cuộc sống trên đời. Hai là một số cơ-năng học-vấn tối-thiểu (đọc, viết, tính-toán). Ba là một ý-niệm khoa-học về vũ-trụ và những hiểu biết đại-cương về quá-trình diễn tiến của các hiện-tượng thiên-nhiên. Bốn là những kiến-thức và kỹ-năng cần-thiết để quản-trị một gia-đình, chăm lo cho con cái, vợ hay chồng, để đủ mưu sinh và tham dự vào đời sống của cộng-đồng xã-hội. (Coombs, Philip Hand Roy Prosser)

Xã-hội ngày một biến đổi, khoa-học ngày một tiến bộ, người ta cũng ngày một khôn ngoan hơn, nên việc giáo-dục cũng ngày một đổi mới, không những từ thế-hệ này qua thế-hệ khác, mà trong đời một người cũng cần có *Giáo-dục thường trực* (éducation permanente) từ thơ ấu đến tuổi già, không những ở trường học mà ở khắp nơi. Giáo-

dục không còn giới hạn trong không-gian và thời-gian nào nữa. Tổ-chức giáo-dục được coi như có ba phần: Một là *giáo-dục có qui-thức* (éducation formelle), đó là giáo-dục trong nhà trường. Hai là *giáo-dục không qui-thức* (éducation non formelle) như ở nhà giữ trẻ, lớp mẫu-giáo, lớp bình dân, nơi dạy nghề ở xưởng thợ... Ba là *giáo-dục song hành* (éducation parallèle) trong những kinh nghiệm sống hàng ngày ở gia-đình, giữa thân-thuộc, qua quảng-cáo, báo-chí, truyền-thông, không nề tổ-chức, hệ-thống, mà dai dẳng suốt đời người, đây đó khắp nơi.

Mỗi hình-thức giáo-dục trên đây đều quan-trọng như nhau. Nhưng về mặt thực tế thì hai hình thức sau đáp ứng được nhu-cầu tự nhiên của dân chúng hơn nên đang được các nước tiên tiến đặc-biệt lưu ý. Trái lại, ở một số quốc-gia đang mở mang, người ta còn tưởng rằng hãy cứ mở cho thật nhiều *trường dạy chữ* là lo được việc giáo-dục cho dân, nên họ đang vấp phải một nguy cơ mà họ chưa từng có kinh nghiệm, là tạo ra quá nhiều trí thức vô dụng và thất nghiệp, khiến cho một sự phát triển giáo-dục có qui-thức như thế ở thế-hệ này, thường tạo ra một tai họa khôn lường cho thế-hệ sau. Bởi vì lớp người học chữ quá đông đảo ấy rồi đây ra đời sẽ làm gì ? Hay là « sau ta thì mặc cho hồng thủy » ? Do đó mà ngày nay đang có nhiều cố gắng ở các nước để điều hòa ba hình thức giáo-dục rên trong một kế-hoạch quốc-gia

rộng lớn hơn là chỉ biết có việc giáo-dục ở học đường: Giáo-dục phải duy nhất và toàn diện, nó hướng về mọi người và ở mọi lúc trong đời người.

Qua một cuộc đối thoại với tạp-chi L'Education số ra ngày 26-4-73, Francis Jeanson, tác giả quyển *L'action culturelle dans la cité* (Le Seuil), phát giác rằng: « Văn - hóa không phải là cái bánh nhồi không lỗ mà ai nấy đều muốn chia được một phần bằng nhau, vì chia được phần mình để mà làm gì khi mình đang đối một thứ khác? » Theo ông, đã có nhiều ảo giác về cái danh từ Văn-hóa. Khi người ta nói đến « nhu-cầu văn-hóa » thì đó chỉ là nhu-cầu giả tạo, bịa đặt ra bởi chế độ xã-hội của chúng ta và đáng lẽ phải thay thế bằng danh từ « tiêu thụ ». Sự thực thì người ta đã buôn bán Văn-hóa như một món hàng. Có người được ưu đãi, có người cần, có người không cần, không tham dự vào sinh hoạt văn-hóa nào cả; có người lại thích một thứ văn-hóa trái ngược với cái được phổ biến công khai, mà không có nhà trường nào dạy cả, cho nên trường học không còn có vai trò hân phát đồng đều cơ hội về văn-hóa nữa. Tóm lại, « Văn-hóa sống là cái Văn-hóa giúp chúng ta làm người, vượt mọi trở lực để tạo cho mình những phương tiện phát biểu và tự do hành-sử quyền công-dân của mình trong cộng-đồng xã-hội » (Francis Jeanson).

Những cố gắng hiện đại

Mà trong cộng-đồng xã-hội bây giờ, người thanh-niên ra khỏi trường không còn gặp được cái khung cảnh xã-hội được nhìn thấy qua sách vở hồi còn trên ghế nhà trường nữa, người thợ năm nay không còn phải sửa chữa những loại máy thông dụng các năm trước nữa, có khi họ lại phải đổi nghề vì nghề cũ không còn hợp thời; người sinh viên kỹ-thuật có thể chờ đợi làm những nghề chưa từng được phát minh khi mình còn đi học. Đời người không còn được chia làm hai phần: một phần để học tập và phần kia để áp dụng thi hành, vì hầu hết các bằng cấp đều trở nên lạc hậu. Một người lớn ngày nay ra đời đủ điều kiện thì cũ g có thể học trong ba tháng nhưng vì trẻ con phải khó nhọc trong ba năm ở nhà trường mới thu nhận hết.

Khi mà giữa giáo-dục và văn-hóa không còn có ranh giới nữa thì giáo dục phải nhằm hai chiều hướng song hành: Một là phải tổ chức thế nào để giúp con người có thể tham dự vào những biến chuyển, thích nghi theo đó trong một tiến trình dài suốt đời người và kết hợp được các yếu tố để tự lập thân: Đó là mục đích của một hệ-tống giáo-dục thường trực. Hai là xây dựng hoàn cảnh văn-hóa xã-hội để cung ứng cho con người một môi trường phấn khởi và dồi dào giúp họ tự phát triển, hòa đồng với xã-hội và tạo lập được nhân phẩm: Đó là mục đích của tổ chức phát triển văn hóa (Marcel Hic-ter trích trong quyết-định của hai

mười nước hội viên Nghị-hội Văn-hóa trong cuộc họp vừa qua ở Âu-châu).

Như vậy giáo dục thường-trực và phát-triển Văn-hóa là hai mặt của một tiến trình.

Bên ngoài nhà trường, trong khi ở các nước đang mở-mang, văn-hóa và giáo-dục ít được chiếu cố như đã nói trên, thì ở các nước tiền tiến đã có nhiều vấn-đề được đặt ra do sự bành trướng mạnh-mẽ của các phương-tiện truyền-thông thính-thị, số giờ mà trẻ em đối diện với máy truyền hình ngày một nhiều hơn số giờ chúng gặp mặt thầy giáo. Các kiến-thức phổ-biến trên màn điện-ảnh thường là vụn-vặt, vá-víu, không theo một hệ-thống nào. Các tổ-chức phát hình lại nằm trong tay những thế-lực tiền tài chỉ vụ lợi nên thường nhắm một trình độ khách hàng thấp kém để thu hút được đại-chúng. Rồi đây, những phương-tiện viễn-thông liên-lục-địa phát triển đến mức độ thương-mại thì không còn đáp ứng được nhu-cầu độc-đáo của mỗi địa-phương cho những nước nghèo không thành lập nổi những trung-tâm phát thanh và phát hình riêng cho họ. Và khi con người đã có thói quen « tai nghe mắt thấy » mọi sự thì chữ viết còn đóng vai trò nào trong việc truyền dạy văn-hóa giáo-dục nữa không? Việc đọc sách công-cộng có thể dụng bành đến mức độ nào? Cách đây không lâu, ở Thụy-sĩ đã có tổ chức một cuộc hội-thảo rộng rãi với đề-tài: « Sách còn có triển-vọng gì không? » (Le livre

a-t-il un avenir) không ngoài ưu-tư ấy, trước sự lan tràn của các phương-tiện truyền-thông thính-thị. Có những nước cách đây hai mươi năm chưa có một máy truyền hình nào, bây giờ thì đã có đến vài triệu. Rồi đây, trong lĩnh-vực này còn có gì bất ngờ xảy ra nữa?

Bên trong học-đường, cũng vì đó mà phải có nhiều đổi thay. Việc học ở lớp không thể không biết đến những gì mà người sinh-viên, học-sinh được thấy trên các chương-trình phát hình mà họ không thể không theo dõi trong đêm trước. Trái lại, phải có sự điều-hòa, bổ-túc, phối hợp ở học-đường để họ tiếp nhận được một nền giáo-dục nhất trí và dồi dào giúp họ chóng trưởng thành hơn trước. Trong bản Phúc-trình của Marcel Hicier, Chủ-tịch Liên-hiệp Quốc-tế các Trung-tâm Huấn-luyện Phương-pháp Giáo-dục Hoạt-động (Fédération internationale des Centres d'entraînement aux méthodes d'éducation active), phổ-biến sau cuộc hội-thảo mùa Hè năm 1972 tại Beyrouth, có nhắc lại rằng: « Văn-hóa không phải là kiến-thức, hay học-vấn uyên-thâm. Đó là một thái độ một ý-chí vươn lên toàn diện của nhân cách trong thân xác, trong tâm trí, để nhận định tình thế và uốn nắn được thân phận mình. Nó nhằm thăng tiến cái hiện-sinh hơn là cái hiện-hữu. Đó là ý-thức về những trách nhiệm của mình trong lòng các cộng-đồng, gia đình, học đường, xã hội, đất nước và cả nhân loại. Văn-hóa ấy phải phá vỡ tháp ngà, đòi hỏi một thái

độ cởi mở, đối thoại. Cái nhân bản của chúng ta phải là nhân-bản sát cánh nhau, của những con người bắt đầu nhân-cách mình từ kẻ khác, đó là tham dự, là hành động, là ý-thức được nhu-cầu bộc lộ tâm-tư ý chí và nắm vững phương tiện của sự bộc lộ ấy. Đó là con người dự cuộc ở đấu-trường chứ không phải kẻ ngồi xem trên khán-đài, con người dẫn thân chứ không phải kẻ đề-cho-người-khác-làm. Cho nên văn-hóa không hành động là văn hóa chết... »

« Thân phận con người không phải là làm nô lệ cho những gì mình ham muốn, nô lệ cho máy móc hay cho những tay nhà nghề chuyên tiền chế ra các thích thú cho mình. Thân phận ấy là tự lập thân, tự chọn lựa và chiến đấu để thể hiện ý-chí của mình. Trên ngưỡng cửa của xã-hội hậu-kỹ-nghệ, ta phải khẩn cấp chọn giữa sự tự do trong trách-nhiệm và cái chết của con người bị kỹ-thuật đè bẹp. Chắc-chắn là phải tự tái tạo, tự tái tạo trước đã (1); Theo tôi (Marcel Hicter) quan niệm thì sau những giờ làm việc là lúc ta hành động, ta học hỏi hơn bao giờ hết. »

« Cho nên tất cả vấn đề là làm cho người sinh viên sớm được trưởng thành và là n cho người trưởng thành trở nên sinh viên mãi mãi... »

« Người sinh-viên sớm được trưởng-thành » có nghĩa là cần rút ngắn thời-gian đèn sách của họ ở trường-học, tạo cơ-hội cho họ tham dự sớm hơn vào đời sống thực-tế, một nhu-cầu mà giới sinh-viên ngày

nay đã biểu lộ không ngừng từ hình thức này sang hình-thức khác qua nhiều trào lưu dị-động (2). Các trào lưu này chỉ có ở giới sinh-viên trong những xã-hội tiêu-thụ và đã không hề có ở lứa tuổi đó trong các giới sản-xuất như công-nhân, nông dân..., mà nhu-cầu được có trách-nhiệm tham-dự đã được thỏa-mãn qua nghề-nghiep. Ở các nước đang mở-mang, nếu có một chế-độ học lý-thuyết ngắn hạn hơn cho giới trẻ sớm được vào nghề thì cái họa trí-thức khoa-bảng tảo-nghiep (3) có mời bành-trướng như hiện nay, sẽ được giảm thiểu nhiều lắm. Điều đó không có nghĩa là người ta muốn hạn-cắt trình-độ học-vấn con người, vì đã có giáo-dục trường-trực nhằm mục-tiêu giúp người trưởng-thành trở nên những sinh-viên thường-trực. Và chính cái học-vấn thú-đặc khi đã vào đời mới trực-tiếp hữu-dụng cho cá-nhân và xã-hội; giáo-dục quan-niệm như trên mới thích-ứng hoàn-toàn với tình-thế hiện tại.

Khi mà giáo-dục cũng rộng rãi để bao trùm cả văn-hóa như thế, chiều

(1) Người Việt chúng ta, vốn dòng trăm tư mặc-tướng, lại còn quá xa cái ngưỡng cửa xã-hội hậu-kỹ-nghệ, những kinh-nghệm lập thân này tuy có khác trên hình-thức, nhưng trên căn-bản tinh-thần thì đâu đâu con người lại không giống nhau ?

(2) Mà hình-thức mới sau cùng là « chực trưởng ».

(3) Về mặt đầu tư, phải kể như thất-nghiep cả những người có bằng cấp ở ngành này mà phải làm một nghề ở ngành khác, khiến cái học ở trường của họ không đạt được hiệu-năng.

hướng hành nghề của các thầy giáo ở các giảng đường hay lớp học tất phải đổi thay: không còn có chuyện truyền đạt kiến thức nữa; nếu họ vẫn giữ lối thao thao bất tuyệt bất chấp thính giả như cái máy giảng bài thì rồi đây người ta sẽ thay các thầy bằng những máy thính thị hết. Quan hệ thầy-trò phải là một quan hệ sát cánh và đối thoại; nếu không, chữ nghĩa học được của thầy chẳng còn có ích gì cho trò nữa. Khả-năng tìm hiểu, tự học hỏi trong thực tế, trong công-đồng mới thực sự cần cho họ khi tốt nghiệp ra đời. Họ phải được học cách học (*apprendre à apprendre*), học trong tìm tòi, trong đoàn toán (*travail en équipes*) trong sự tích cực tham dự vào xã-hội từ tuổi ấu thơ. Tuy việc kiểm soát trắc lượng còn có thể nhằm

vào cá nhân vì ở đời vẫn có nhiều trường hợp mà chính cá nhân phải đủ tự tin vào riêng mình để ứng phó, nhưng học thì phải học ở tập thể: lối cá nhân ganh đua học tập nên được thay thế bằng sinh-hoạt hợp tác.

Bởi vậy, thời đại giảng dạy của các thầy giáo đã chấm dứt, bây giờ đang bắt đầu thời đại cổ xúy. Người cổ xúy (*animateur*) là người biết làm, biết làm cho kẻ khác làm, biết hiện-hữu (*Marcel Hicter*). Họ thúc đẩy mà không còn chỉ giáo nữa vì chúng ta tin ở sức tự tiến tự tu của người học sinh hơn trước. Và có tin cái gì thì mới có thể có cái ấy.

ĐOÀN NHẬT TẤN

VII-1974

Đã phát hành :

CÔ GÁI XÀ NIÊNG

Truyện dài của Vũ Hạnh
Nhà xuất bản Anh Vũ

Một câu chuyện tình kỳ lạ mang đầy ý nghĩa xã hội.
Một cuộc phiêu lưu đường rừng đậm đà tình chất
phổ phường. Một truyện quái đản nhưng rất thực.

HOA-LƯ, 311 Thành Thái Saigon 5 —

sẽ phát hành 9-74.

TỬ BÌNH THUYẾT MINH

của ĐỖ-ĐÌNH-TUAN

Môn thuật số cao siêu

huyền diệu hơn Tử-vi, đẩu, cẩu Tàu Nhật hăm dọa. Dễ học, dễ dạy,
giản dị.

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 24-6-74

Arh Ch.

Đi vừa về, bây giờ muốn tả oán cho các anh thương hại thì phải nói rằng : Minh Đức vừa lặn lội, 700 cây số xe từ bảy giờ tối đến hai giờ sáng mới tới, và bản về phải lặc lư gần 10 tiếng đồng hồ xe hỏa để về viết thư này kể chuyện cho các anh nghe thì liệu các anh có tin và có thương hại không ?

Nói đùa vậy chứ, sự thật là đi làm như mọi khi nhưng có điểm đặc biệt là người ta đình công. Nhóm kỹ thuật đình công thế là đạo diễn hay ký giả gì cũng đành chịu, không ai thu hình, không ai thu tiếng, còn làm ăn chi.

Ai bán khoán lo lắng thì lo, chị mình tôi là phây phây, muốn đình công bao nhiêu thì đình. Nhờ sự đình công này tôi được coi như đi nghỉ xả hơi luôn. Chẳng phải chạy ngược chạy xuôi gì mấy, ngoại trừ điện thoại lên xuống để biết tin tức và hoãn tất cả những cuộc gặp gỡ, phỏng vấn với những người mà ông đạo diễn đã đi liên lạc từ mấy hôm trước.

Hôm qua nhân tiện có cuộc chợ phiên bán bò, tôi vác máy ảnh chạy đi chụp mấy con bò, vui ghê. Nghìn năm một thuở. Độ này những cuộc chợ bò ấy thưa dần và ngắn dần. Ngày xưa bò đi bộ, phải đi hằng hai ngày trời mới đến nơi chợ phiên' ngày nay bò toàn đi bằng xe, loại xe lớn, có chia ra hai phòng để cho bò đực và bò cái. Vì vậy mà sự buồn bán quá nhanh nên mất vui rất nhiều.

Hằng trăm con bò mẹ, bò con, bò bố, đứng chờ khách mua, la lối ầm

ĩ, chúng nghĩ gì ? Và có biết những gì đang chờ chúng sau đó không ?

Trở lại Paris vào lối mười giờ đêm, may có ông chuyên viên hình ảnh cũng về thăm vợ, ông ta giúp tôi vác mấy cái va-li lên nếu không thì cũng nguy. Cái nạn say mê nhiều thứ thật tai hại.

Mấy hôm nay nhờ có một người bạn ở nước láng giềng sang, tôi phải đóng vai hướng dẫn, cũng nhân dịp đi xem lại những Viện Bảo tàng trong Paris. Có những nơi mà từ cả hai chục năm chưa trở lại, chẳng hạn như Invalides là nơi đặt cái cổ hòm của Napoléon. Dân Đức có vẽ phục Napoléon lắm, người nào cũng phải đến viếng cổ hòm của ông ta, nếu không thì lúc trở về quê hương kể chuyện lại cho bà con nghe sẽ bị thiếu mất một hình ảnh.

Tuy nhiên họ cũng mĩa mai khi nhìn thấy những phụ đề các chiến trận ngài đã đánh thắng như Alma, Iéna, Austerlitz v.v... Có cả Moscou,

cố nhiên là các du khách đã chế diễu bảo rằng ông đâu có vào tới Moscou, và chỉ ghi những trận ông thắng mà sao không ghi Waterloo là trận ông bại thử coi.

Ngài bảo rằng Hitler lúc đặt chân vào Paris, việc trước nhất là đi thăm ngôi mộ của Napoléon. Cố nhiên là ngày nay các sử gia hay nói đến những điều tương đồng của hai người, cả hai đều thích làm bá chủ Âu-châu xây vinh-quang cho mình và cho xứ mình trên xác chết của người khác. Một vài sử gia còn nêu vấn đề; biết đâu rồi sau này Hitler cũng lại chẳng được đặt lên một chỗ ngồi cao như ông đồng chí này vì thuở v Napoléon cũng từng bị thiên hạ chỉ trích dữ dội vì tính hiếu thắng độc tài hiếu chiến, mà rồi có 19 năm sau, người Pháp lại tổ chức « Le retour des cendres », mang hài cốt ông về đặt vào trung tâm Invalides. Ngày nay ngôi mộ chẳng trở nên một địa điểm cho người đến tham bái đó sao?

Tuần vừa rồi quận năm Paris có tổ chức mấy ngày cấm xe hơi trong vài con đường thôi, hồ hào khẩu hiệu là trả lại cho người đi bộ những vùng ấy. Ban đêm người ta đến múa hay nhảy nhót ai có tài gì thì đưa ra, rất nhiều ban nhạc không chuyên môn, đến đánh nhạc cho người ta nhảy và sau đó thì đưa mũ ra quyền tị tiền.

Cũng vui, vắng xe hơi đường sá dễ chịu hẳn đi, không ngột ngạt nữa, tha hồ nghênh ngang giữa đường, cảm tưởng như sống lùi lại nửa thế kỷ trước.

Mấy tên đồng nghiệp của tôi đang đề nghị bảo tội mình mang đàn ra ngồi ngoài đường, kiếm tiền chơi. Chúng biết tôi có cái đàn tranh nên mới đưa ý kiến ấy nhưng chúng đã bị tôi hết cho, bảo không mang cái đàn tranh quốc hồn quốc túy ra mà « prostitute » như vậy.

Sáng nay anh biết tôi đi đâu không, nói ra chắc các bà mê lắm, đi viếng bốn hiệu bán và làm các thứ trang sức ngọc ngà. Bốn hiệu mà nói lên là nhà giàu thế giới đều biết đến: Boucheron, Chaumet, Mauboussin, và Van cleef et Arpels. Cả bốn hiệu đều ở ngay « place Vendôme. » Người ta cho chúng tôi vọc vào tất cả các thứ nữ trang, kim cương từ hai ba chục carat. Cái nhẫn nào cũng cả trăm triệu bạc nhà mình. Ngán không? Người ta còn lấy cả mũ vương miện bà vua xưa đội thử lên đầu tôi xem có nặng bằng cái mũ sắt của anh lính chiến nhà ta không. Chỗ nào người ta cũng để chúng tôi gặp ngay ông Giám-đốc, toàn là con cháu từ mấy đời vì hiệu nào cũng làm tiệc trà mở champagne để mời chúng tôi với bao nhiêu thứ bánh mận bánh ngọt. Họ cho đi xem khắp nhà trên nhà dưới, tôi đòi hôm nào đưa tôi đi xem riêng cách thức họ gọt đồ kim cương để còn kể cho bà con mình nghe. Họ vui lòng ngay bất cứ lúc nào cứ gọi đến họ sẽ xếp giờ giấc cho.

Anh biết là bây giờ thời trang mới, người ta làm bằng vàng dưới kim cương chứ không làm bằng bạch kim hoặc vàng trắng nữa. Lý do ư?

Người ta cho rằng vàng gọi cảm hơn. Những chuỗi hạt kim cương mà dưới bằng vàng trắng hoặc platine là xưa rồi. Mỗi một món trang sức họ chỉ làm một lần thôi và có những mẫu cần tới năm trăm giờ mới làm xong hoặc hơn nữa. Ngày nay chỉ có kim cương và các thứ đá quý như lục bảo thạch (emeraude) hồng bảo thạch (ruby) lam bảo thạch (saphir) san hô (corail) v.v... sẽ càng ngày càng lên giá và lên hơn vàng. Họ đưa cho chúng tôi xem một hộp có sáu hạt kim cương từ chưa đến một carat tới hai carat với giá hiện tại là 333.680 F, mà ngày xưa cách mười năm trước do họ bán ra với giá 83.040 F. Tức là người mua đã có lãi 302 phần trăm.

Nói cho các anh chị nghe, nếu có tiền dư thì đừng có dại mà mua vàng chỉ nên mua các thứ mà tôi vừa kể trên thôi.

Bây giờ theo với thời trang người ta làm những thứ kiểu rẻ hơn — nói rẻ những cái nào cũng trên mấy trăm nghìn đồng bạc ta cả. Tôi hỏi thăm xem ngày nay nước nào là khách hàng giàu có nhất, đồ anh, chắc anh không biết đâu; đây là mấy ông vua dầu hỏa Á-rập. Vì tiền đẻ chẳng lợi ích gì thế là các ông nhào vào mấy nơi này mua các món trang sức về cho mình và cho cả chục bà vợ. Hỏi họ rằng các món nữ trang giá rất thịnh hành ngày nay có làm hại cho công việc bán buôn của họ chăng. Trả lời: trái lại, đây là một sự tập luyện cho các cô các bà yêu thích nữ trang và người nào mang

thứ giá rồi cũng mơ một lần mang thứ thật. Theo các nhà nghiên cứu tâm lý thì đây lại là nguồn kiêu hãnh của mấy ông chồng, đúng vậy không?

Ngoài ra còn cho anh biết thêm là hạt trai bị loại rồi, xưa rồi, không chơi với hạt trai nữa, chỉ có bà già mới mang chúng nó.

Thôi, ngừng không kể chuyện vàng ngọc nữa, có thể kết thúc một câu rằng đây là nguồn gốc của bao nhiêu sự ngoại tình chém giết tranh dành nhau chứ có gì đâu. Quên là xứ Tàu của ông họ Mao cũng đến và đến đâu hai anh chàng cũng đòi champagne trong khi tại "tư bản" này chỉ uống nước cam mà thôi.

Mấy hôm nay nước Pháp đang lo tiếu đón hai ông bà vua Iran rất nồng hậu, chắc anh cũng biết lý do tại sao. Chỉ tại hai ông bà này là một trong những chủ nhân của kho dầu hỏa. Ngày nào xứ ta cũng có dầu hỏa thì ông nào làm chủ đi đến đâu cũng lại được tiếp đón không phải là tam nhật tiểu yến như Tào Tháo tiếp Quan Vân Trường thôi đâu. Đây người ta là bán nhật tiểu yến và mỗi nhật đại yến cơ. Ăn chết thôi, đi xem múa hát cũng chết thôi.

Hai ông bà vua này thuộc về loại được nhắc đến nhiều trên thế giới vì có những kẻ mà báo chí ít nói đến. Người ta kể rằng thời trước, ông vua cha Riza chah Pahlavi rất gât, ai cũng biết chuyện có một con đường bị ô gà, ông Vua bắt chặt đầu ông Tổng-trưởng coi về công lộ đặt cái đầu xuống ô gà và xe ông đi ngang cán lên.

Anh sợ không, tôi chỉ muốn bật cười mỗi khi nghĩ tới câu chuyện vì nghĩ tới xứ mình đường sá đầy ò gà mà may quá xứ ta nhân đạo, không chơi cái trò ghê tay ấy! Nói vậy chứ mấy hôm Tết Mậu Thân đi nhìn thấy mấy ngôi mộ chôn chung không ghê à. Xứ mình cũng chẳng thua chi, hơn nữa ấy chứ. Tôi nhớ lại mà còn sợ, mấy lần đứng cạnh mấy cái xác chết để chụp ảnh mang về kỷ niệm chơi, kỷ niệm cuộc đời đi làm báo, nhưng mùi xác chết chôn từ cả tháng xông lên quá nồng nặc, rồi cuộc chẳng có tấm ảnh nào đứng với xác chết cả.

Buồn ngủ quá, tại cả đêm người ta không cho uống nước, vì sáng nay phải đi chiếu điện cái gan, vì vậy mà không ngủ được lại phải dậy sớm để khỏi chờ đợi thế là khỏi ngủ. Ban ngày thì chịu, điện thoại réo cứ nheo nhéo ngoài ra còn phải viết thư cho các anh. Gnet nhất là thấy bức thư đang dở nằm chờ trên máy chữ, bao nhiêu việc khác nữa chứ.

Trời đang mưa bên ngoài, tôi phải viết cho xong bức thư để còn hạ sơn đi bỏ, nếu không là phải thêm một ngày chờ đợi khác, tí nữa có ông đồng nghiệp Tàu đến than thở. Mãi đến hôm nay anh chàng vẫn chưa được gia nhập vào hội, hơn một năm rồi, chỉ vì mấy ông Tàu Cộng đàn áp không cho. Cũng một phần vì trong Ủy-ban của Hội

có một số khuyển tả nên phản đối. Hình như tôi đã có lần nói qua với anh câu chuyện này rồi. Tệ nhất là có một bà ký giả đồng hương mà bà ta ganh nên nhất định không chịu nói vào tiếng nào. Chỉ vì anh chàng này sang thành bà ta mất chỗ, mất xe, mất một số tiền mỗi tháng, mặc dầu bà cũng đã kiếm được chỗ khác nhưng vẫn cứ ôm mỗi hận. Thế mới biết đàn bà mà giận thì dai lắm.

Anh chàng đến bàn với tôi định kỳ này nếu hội còn từ chối thì anh chàng sẽ gia nhập hội của đảng phía Anglo— American và sẽ làm to chuyện bằng cách đưa tin cho hết các hãng thông tấn nói lên vấn đề kỳ thị này.

Kể cũng vô lý vì anh chàng hoạt động rất gắt, ký giả chuyên nghiệp mà bị chặn cửa thành những buổi lễ lạc không được mời, chẳng ai cho tin tức gì cả, tự đi kiếm lấy thì chỉ được một phần nào.

Chắc anh sẽ chế diễu là tôi hay đi lo chuyện cho thiên hạ nhưng thấy ai bị bắt nạt thì tức. Đáng lẽ công việc này là chị chàng Tàu kia phải lo mới đúng, nhưng tại chị chàng xấu quá, tôi đành phải chịu mất thì giờ vậy.

Anh có thấy là tôi đáng phê bình không, nhưng kệ, ai phê cứ phê tôi làm đề sau này Việt Nam ta đi đâu có gặp những sự dễ ghét thì cũng sẽ có những người họ giúp lại. Tương lai còn dài anh đồng ý vậy không, và sự tranh chấp cũng sẽ còn dài. Thật ra thì không phải tôi chỉ bênh vực anh chàng này thôi, nếu ở một

hoàn cảnh ngược lại thì tôi cũng làm hết như vậy.

Tôi vẫn cho sự phân chia là phi nhân, phân chia gì cũng phi hết, từ chủng tộc, đến tôn giáo, đến giai cấp đến học thuyết, chủ nghĩa... Con người vẫn chỉ là con người, và chỉ có hai hạng, một hạng quân tử, một hạng tiểu nhân mà thôi. Đã là tiểu nhân thì dẫu dẫu có đội vương miện cũng tiểu nhân, mà đã quân tử thì có đi nhặt thùng rác để sống vẫn là

quân tử.

Chắc anh đang nhắm mắt chờ rồi triết lý vụn. Buồn cười hôm qua tôi mang cái ý kiến, nữ trang là người gốc của trộm cắp chém giết ra nó với hai ông đồng nghiệp Trung Cộng Các ông ấy thăm thì với nhau rồi.. Không có ý kiến.

Thôi thư dài rồi phải ngừng, sắp có khách. Thăm cả tòa soạn.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH



Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

tình chúng mình sẽ được vẽ lên tranh

*Chết đi anh cho em được ngồi bên mộ
Cho nước mắt hồng chảy thấm xuống thịt xương
Xin hãy chết đi, trong một chiều bão tố
Cho suốt đời vũ trụ khoác thê lương*

*Nếu anh chết em sẽ ở gần anh mãi
Mỗi chiều về sẽ đốt nén hương xanh
Nghĩa trang tím bước hoàng hôn chậm rãi
Em sẽ gục đầu và sẽ gọi tên anh*

*Anh còn sống là mình còn xa cách
Vì cuộc đời hay ghét kẻ yêu nhau
Vì hạnh phúc phải xây trên nhiều thử thách
Xã hội điên cuồng, nhân loại ngợp thương đau*

*Anh chết đi để cho mình gặp lại
Trong giấc mơ anh sẽ đến tìm em
Em sẽ siết anh trong vòng tay và mãi mãi
Ngạo với thời gian, ánh sáng với hương đêm*

*Nếu anh chết em sẽ là màu trắng
Vành khăn tang buộc mở tóc mong manh
Ta sẽ yêu nhau, yêu nhau trong hoang vắng
TÌNH CHÚNG MÌNH SẼ ĐƯỢC VẼ LÊN TRANH*

Kỷ niệm, kỷ niệm

Kỷ niệm đến trong ta
Chiều nay mang màu tím
Nhớ nhung làm xót xa
Khi hoàng hôn chết lịm

Hôm xưa lần thứ nhất
Hai đứa mình gặp nhau
Chưa quen mà đã mất
Nói gì đến mai sau

Tim ai mang xiềng xích
Lòng ta bầm vết thương
Cuộc đời như vở kịch
Hạ màn còn vấn vương

GỖ ĐÁ

Xin cho ta làm gỗ
Ngự trên nền cỏ xanh
Chưa biết màu đau khổ
Chưa nghe câu ân tình

Đừng đẩy ta xuống núi
Đưa vào nơi phồn hoa
Đừng thương ta thui thủi
Đơn côi là mái nhà

Xin cho ta làm đá
Áo rêu diễm sắc hồng
Mơ chi chân trời lạ
Hẹn ai mà ngóng trông

Từ thuở mình quen nhau
Hoàng hôn buống vời vợi
Gỗ đá nghe buồn đau
Tình yêu lắm lỗi thời

Sao người không là gỗ
Đề suốt đời lằng lằng
Đón trăng về trước ngõ
Nghe nhịp nắng ngoài sân

Sao người không là đá
Vui cuộc sống vô tình
Cây rừng thay sắc lá
Hồn đá vẫn nguyên trinh

Đã không còn là gỗ
Đêm ghen tiếng thở dài
Vì yêu đương... tự cổ
Chỉ gieo buồn cho ai!

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Người láng diềng phía sau

Người đàn ông ở phía sau nhà nàng là một người nhỏ vóc, cận thị, trông qua đã thấy ngay vẻ hiền lành. Kỳ thực ông ta còn hiền lành hơn cái vẻ bề ngoài.

Hồi ông ta còn trai trẻ, mới ra làm việc tại một quán lý nhỏ, Triêm đã không giao du với ai. Hồi đó trường học chưa mấy phát triển, ở chỗ quán hẻo lánh chỉ mình Triêm có bằng tú tài, cái bằng cấp cao như thế đã khiến ông lúng túng giữa bà con trong phố quận; ngoài ra ông lại vụng về, ít lời lẽ, không biết uống rượu, không biết bài bạc gì, thậm chí chơi cờ tướng cũng không.

Người vợ lúc còn con gái có trông nom một sạp hàng xén của bà mẹ ở ngoài chợ, khi sinh đứa con đầu lòng, thiếu phụ nghỉ bán hàng. Từ đó dần dần ít xuất hiện, rồi cuộc người ta có cảm tưởng bà nhất định cố thủ trong nhà, xa lánh trần ai.

Cái mái nhà có sức thu hút giữ liết cặp vợ chồng ấy vào trong hẳn là một tổ ấm êm đềm. Từ trong tổ ấm, mỗi chiều sau buổi làm về, ông chồng bồng đứa con đầu lòng ra, đi lơ ngơ dạo mát. Ông ta bồng đứa trẻ úp vào mình, như ôm giữ chặt cái hạnh phúc trước ngực. Và một người đàn ông quá sạch sẽ, mới tắm rửa xong, mới thay đồ đạc xong, đầu tóc chải láng ướt, mắt hấp háy sau cặp kính cận dày cộm, một

người thường thức cái thú nhàn rỗi của mình giữa đường phố như thế trông có gì lạ loài, bơ vơ.

Bây giờ Triêm đã chuyển chuyển đến một thị trấn đông đảo, đã có đến sáu đứa con, và lốm đốm tóc bạc trên đầu. Trong nếp sinh hoạt của ông có nhiều thay đổi, nhưng chung qui ông vẫn là người lành.

Từ trước, Triêm đã có những bận rộn trong gia đình ít ai biết đến: nấu ăn, chế rau, kho thịt, tắm con, cắt may áo quần v.v... Người thanh niên ấy học hỏi, tìm hiểu những món ấy hồi nào? Không ai rõ. Triêm không có tính phô trương, không thích nhắc nhở đến sự hiểu biết riêng của mình trước mặt kẻ khác. Nhưng càng ngày ông ta càng đi sâu, đi xa.

Đến bây giờ thì người đàn ông ấy gần như căng đáng mọi việc trong nhà. Ông nhớ vanh vách từng cái quần cái áo của mỗi đứa con lớn bé, ông nhắc «Lâu lắm không thấy con Lan nó mặc cái rốp vải sọc xanh?» Người vợ thú nhận «Ờ, tí nữa thì quên luôn. Lan, lấy cái áo đầm ra má coi mặc còn vừa không? Ờ dưới đáy va-li, trên nóc tủ. Soạn cho tử tế, đừng làm nhàu nhò hết áo xống của má».

Chiếc Honda của ông chở bốn người, thường thường: vợ đi chợ, đi phố, chồng đi làm, con đi học, đi

bác sĩ khám bệnh v.v.. Ngày nay ông Triêm xuất hiện ra ngoài không còn nhân hạ đỉnh đặc như xưa. Ông không còn điều kiện để giữ vẻ dĩ h đặc, mà cuộc sống ở một thị trấn lớn cũng không đòi hỏi phải giữ: ông được phép luộm thuộm, bèo nhèo, tự hòa lẫn vào đám đông vô danh.

Ở sở thỉnh thoảng ông ta này ra sáng kiến: vào khoảng chín mười giờ, hôm nào rảnh việc ông chạy ra chợ gần đấy mua một ít thịt cá mả n muối tiêu ớt, mười một giờ sẵn điện sẵn nước, ông lại có đem theo mấy ngăn ga-men, ông tìm một chỗ kín đáo nấu vài món ăn. Mười hai giờ, ông từ sở về nhà với đủ cá kho, thịt xào v.v.. Như thế suốt bảy tám tháng liền. Sau đó, trong sở có sự thay đổi, ông không gặp điều kiện thuận tiện nữa nên bỏ qua mục nấu nướng tại buya rô.

Nhưng về nhà, phần đóng góp của ông rất quan trọng. Nhờ những cuộc truyền chuyển từ địa phương này đến địa phương khác trong cuộc đời công chức, nhờ có dịp tiếp xúc với nhiều hạng người, tình ý quan sát nhiều cách nấu nướng, ông tham bác kinh nghiệm từ phương, mỗi ngày mỗi canh cải kỹ thuật của mình. Cái vốn hiểu biết phong phú đó khiến ông luôn luôn can thiệp vào công việc bếp núc.

Lại cũng chính ông mạng những lỗ thủng trên các áo quần bằng hàng đắt giá trong gia đình: chỉ có ông là biết cách mạng khéo nhất nhà. Rồi lại cũng chính ông phải ra tay mỗi khi người vợ làm dính bùn, dính

dầu xe vào quần trắng, vào vạt áo dài chẳng hạn. Kẹo chewing-gum tầy bằng thứ gì? rí sét, dầu xe, bút chì nguyên tử, mù chuối v.v... mỗi thứ phải tầy bằng chất gì? Ông Triêm biết tất.

Ông Triêm vừa làm vừa nói vừa giải thích, cho vợ, cho con. Thành thử Lộc nghe bên nhà láng diềng suốt ngày lúc nào tưởng như cũng có cái giọng khàn khàn ấy tiếp diễn đều đều. Và chỉ có một giọng ấy mà thôi: vợ con ông không hiểu sao chẳng nghe nói năng thóc thách gì cả.

Lộc tò mò. Một nếp sinh hoạt lạ lùng như thế diễn ra sát cạnh nhà mẹ nàng, từ tháng này sang tháng nọ, rốt cuộc khiến nàng thắc mắc. Tự dưng nàng muốn biết cái người đàn ông, muốn xem mặt người đàn ông láng diềng phía sau.

oOo

Sự thực cả người đàn ông lẫn người đàn bà láng diềng phía sau, khi gặp mặt chắc chắn nàng không thể nhận ra. Họ không gọi lên một liên hệ gì với nếp sống cách tường do nàng tưởng tượng cả.

Người đàn bà vẫn có mặt thường ngày ở các quán ăn trong xóm. Và ở các hàng quà, bà Triêm là một người vui vẻ, cười mở.

Ông Triêm thấp bé đã cố ý chọn một người vợ không cao hơn mình, nhưng ông không giấu được bà phát đẩy ra khi có tuổi. Bây giờ bà mập ú, khuôn mặt tròn vun lên và đỏ mọng.

Hồi còn trẻ bà cấm cung trong trong nhà, sau này thì trái lại. Một phần tuổi tác khiến bà hết e lệ, được phép tự do; một phần các cô con gái lớn và người chồng đã làm hết việc nhà: bà Triêm thành thoi, thích ngồi quán, ăn quà vặt. Gặp người quen biết trong xóm bà cười nghe hăng hắc, bày ra hai hàm răng thật đều thật xinh. Và trước mặt người đàn bà đơn đả vui chuyện ấy, không ai ngờ rằng trong gia đình bà ít lời đến thế.

Còn ông Triêm, ra khỏi nhà tự đứng ông như ngưng ngừng, nhá sợ Văn giống hồi xưa, ông không dám nói thẳng vào ai, tránh mọi gặp gỡ chào hỏi ngoài đường. Ra khỏi nhà, tự đứng "tặc" một cái, chliếc "máy nói" ấy nín bặt. Chỉ khi trở về, bước vào khỏi cửa, người đàn ông mới trở lại linh hoạt, sống động, và nói liên hồi, và làm mọi việc "bzo vầy" cả vợ lẫn con. Thậm chí việc tụng kinh niệm Phật, ông ta cũng giành làm lấy, không để cho ai khác xen vào.

Theo Phật là một chuyện mới đây thôi. Hồi còn làm thư ký trưởng ở quận, Triêm không để ý tới vấn đề tôn giáo. Thế rồi vào khoảng 64-65 gì đó, ông gần một người bạn cùng sở có kiến thức Phật học. Rồi ông đọc sách, nghiên cứu; rồi ông thờ Phật.

Ông Triêm có quan niệm riêng của ông về lễ bái. Ông tụng kinh, đốt hương vào những giờ giấc có hơi khác thường. Do đó, Lộc nghe tiếng chuông của nhà láng giềng phía

sau vào những lúc thật bất ngờ và bất thường.

oOo

Ông Triêm đã gặp đao trong sách. Ông còn gặp ở đó nhiều thứ khác, bởi vì mặc dù hay nói hay làm, người đàn ông đó vẫn có thì giờ xem sách, và thích xem.

Ông Triêm xem sách cũng bất thường như tụng niệm, có hôm vào buổi trưa, có khi vào lúc rảnh việc ở sở, có hôm vào đêm khuya, có lúc vừa ngồi quạt cho đứa con cảm sốt vừa đọc sách v.v..

Trên trang sách, ông Triêm có thể bắt chợt tìm thấy một phong tục của dân Esquimaux: những người đàn ông đi săn bắn xa nhà nhiều tháng, nay đây mai đó, lặn lội trong tuyết giá chết người, họ cần có một bạn đường để chăm nom săn sóc, sớm tối có nhau. Người bạn đường nữ phái ấy là vợ họ. Nhưng khi mùa săn đến mà vợ nhà lại đau ốm, hay đang bận con mọn, hay đang mang thai? Trong trường hợp ấy, tục lệ buộc bạn bè phải giúp đỡ, nghĩa là cho mượn vợ trong một thời gian.

Ông Triêm dừng lại giữa trang sách, mắt ông mờ lạng sau cặp kính cận dày cộm. Rồi trang sách, ông lao vào những suy tưởng mỗi lúc một xa. Người đàn bà được cho mượn, nàng gặp người đàn ông mới trong đêm đầu tiên ra làm sao? trong khung cảnh nào? bên cạnh đồng lửa? trong một hang động? trong tiếng gió hú hải hùng? Cảm giác của nàng và của người đàn ông,

cái cảm giác của những cuộc phiêu lưu sinh lý, cái cảm giác của người đàn ông lần đầu tiên cúi xuống trên người bạn đường ngẫu nhiên của mình...

Giọng nói khàn khàn của ông Triêm bắt tai, ông ta lặn sâu vào cái thế giới do trang sách bắt thần gọi ra. Ông đang phiêu diêu chơi với ở một nơi nào đó, ông không còn có mặt trong gia đình nữa.

Lần khác, trên một trang *Lạnh lùng* của Nhất Linh chẳng hạn, tình cờ ông Triêm gặp lại Nhung trong căn nhà thuê của Nghĩa, hai người tình vốn đã âm thầm nén giữ những ao ước thềm muộn từ lâu, hôm ấy trời mưa bên ngoài, nhà vắng vẻ, Nghĩa đẩy cánh cửa đóng kín lại, Nhung dề mề nuốt nước bọt...

Đôi mắt ông Triêm dờ dẩn sau cặp kính cận. Hồi lâu, ông mới xếp sách, lẩm yên, ngủ một giấc ngắn, rồi đứng dậy xuống bếp pha một tách cà-phê, rồi lấy xe đi đón con ở trường về, chờ vợ đi Chợ lớn tìm mua mấy món đồ, trở về lại hí hục chữa cái ống nước bị nghẹt v.v.

Bấy nhiêu công việc xô đẩy nhau, xóa lấp câu chuyện trong trang sách. Tuy nhiên trang sách không hề bị bỏ qua. Đêm hôm, nửa khuya, khi đèn đuốc đã tắt hết, trẻ con đã ngủ hết, ông Triêm làm người đàn ông Esquimaux: *Bên đồng lửa reo vui lách tách trong một hang đá miền Bắc cực, ông nghiêng xuống người đàn bà bạn đường:*

— *Hôm nay, biết tôi « mượn »... có*

thích không?

— *Hm!*

— *Gớm. Tôi vẫn ao ước « mượn » được... mình.*

— *Láo.*

— *Kia! tôi vẫn thích cái ngực nè, cái cồ này nè...*

— *Sao nắm ngoái không hỏi « mượn »?*

— *Có chứ. Nhưng chồng mình bảo đã hứa với người khác.*

— *Hm?*

— *Thích tôi không?*

— *Hm!*

— *Tôi khoái cái ngực nè...*

Ông Triêm đặt một bàn tay lên người vợ. Bà tỉnh giấc, nghe ngóng, rồi nhoèn cười trong bóng tối...

Đêm nay ông Triêm làm người Esquimaux, đêm sau ông làm chàng Nghĩa trong căn nhà vắng. Từ đêm này sang đêm khác, ông Triêm luôn luôn sống những cuộc phiêu lưu mới lạ. Sự chung chạ với vợ, đối với ông ta không bao giờ là một sự lặp lại.

oOo

Sách kể phụ nữ Amazone sống với nhau trong một cộng đồng không có nam phái; trong các đội nữ binh tất cả con gái đều đồng trinh cho đến một tuổi nào đó, hay cho đến khi đã lập được chiến công. Mỗi năm một lần, tập thể phụ nữ Amazone ở Thermodon kéo lên núi Gargara — căn cứ của bộ lạc láng giềng — để gặp đàn ông ở đó: trời ơi, đám nữ binh sung sức với đám đàn ông khao khát, họ làm ăn long trời lở núi luôn

mấy ngày đêm... Làm sao ông không hưởng ứng được? Trong cuộc ái ân với vợ mình đêm ấy, ông Triêm sống lại cái cuồng nhiệt dâm loạn của người đàn ông xa lạ với đoàn nữ dũng sĩ Amazone hùng hực sinh lực.

Một người nào đó thuật chuyện những phạm nhân khỏe mạnh trai trẻ ở ngoài hải đảo nọ thường được các bà vợ giám thị chọn đem về ân ái. Ông Triêm lấy làm ngẫm nghĩ về cái cảm xúc của những người tù may mắn trông những cuộc tiếp xúc vụng trộm mạo hiểm... Và dĩ nhiên, đó cũng là cuộc tiếp xúc của chính ông ta với... vợ, đêm hôm ấy. Ông ghi chặt người vợ giữa vòng tay, trong đầu hiện rõ hình ảnh cặp tình nhân tội lỗi, hỗn hển và hồi hộp lo sợ.

Đêm khác, ông Triêm làm hoàng đế Napoléon, chiếu cố một cô vợ lính ngộ nghĩnh xinh đẹp trong chuyến hành quân Phi Châu.

Lại đêm khác nữa, ông là anh chàng Vronski đẹp trai lúc nghiêng xuống thì thảo vào tai nàng Karénine « Anna Anna! anh van em », rồi chồm lên tấm thân lồ lộ v.v...

Bà Triêm, người đàn bà tròn trĩnh đầy đà, má hây hây đỏ và đầy vուն lên, đón nhận sự cuồng nhiệt mê mẩn của chồng. Ban ngày ở các hàng quà, ban đêm trên giường, người đàn bà ấy đều hài lòng mãn ý. Một người đàn bà phây phây, sung sướng...

oOo

Từ những chuyện trong sách, trên báo, đến những chuyện nghe người này người kia thuật lại, ông Triêm dần dần đi xa hơn. Ông đi vào thực tại, ông đi ra ngoài đời: đối tượng mơ ước không phải là những đàn bà con gái trừu tượng nữa, mà là những con người thực, từ mắt ông trông thấy.

Thực vậy, hồi xế chiều lúc dừng xe ở góc đường chờ vợ vào tiệm mua mấy viên pin, ông Triêm có dịp để ý đến một người con gái mặc quần gin áo thun trắng, trông chắc nịch ngon lành. Đêm ấy, ông và người con gái ấy..., trong tưởng tượng...

Ban sáng, lúc chờ con đến trường, ông sắp quay xe ra về thì gặp hai cô giáo cùng đi vào cổng trường. Họ vừa đi vừa nói cười với nhau, một cô có tiếng cười trong trẻo làm ông chú ý: cô ta mặc chiếc áo đỏ thật vul, nét mặt thanh tú lạ. Đêm ấy...

Ông Triêm vẫn là người đàn ông nhút nhát, không dám nhìn ai sẵn sò ngoài đường. Trông ông lơ đãng với cặp kính cận, như chỉ tưởng thấy con đường đi trước mặt. Tuy vậy, biết bao nhiêu người đẹp trong ngày đã được thu vào đôi mắt hấp háy ấy, vợ người hàng xóm này, em gái người láng giềng ở tiệm gạo kia, con gái bà chủ tiệm tạp hóa nọ v.v... Kể ra người vào trong phòng, trong khu phố, nếu vừa mắt ông, trước sau đều lần lượt bị ông vầy vò.

Người đàn ông có tuổi, hơi bèo nhèo, hiền lành, vô vị ấy, đi đi về về không ai chú ý, ông ta không hề

làm gì để được chú ý. Đàn bà con gái không quan tâm đến ông ta, phái nam phái cái không quan tâm: ai nấy gần như không trông thấy ông ta, không biết đến sự có mặt ông ta trong xóm sau nhiều năm tháng chung sống. Ấy là một lầm lỗi lớn về phía phái nam: trong chừng ấy thời gian, hầu hết vợ con họ, những kẻ có nhan sắc đều lần lượt sa vào giường ông ta, theo cách riêng.

Ông Trêm không phải thuộc hạng người mơ màng, vơ vẩn, trí óc bị ám ảnh vì những chuyện tình dục bệnh hoạn. Không có vậy đâu. Suốt ngày ông hoạt động đều đều: lau nhà, nấu canh, giặt áo quần, giải quyết công việc, ký giấy tờ ở sở, giảng bài cho con, vẽ mẫu thêu cho vợ v.v... Nhưng ai tránh khỏi: trong khi tay lau sàn gạch, trí ông có thể loáng thoáng nghĩ đến cánh tay trần thật đẹp của chị vợ ông láng diềng vừa chợt thấy hôm qua chẳng hạn. Nghĩ loáng thoáng một tí thôi, rồi bỏ qua. Ám ảnh gì đâu? Và tối đến, sau khi tụng kinh xong, từ trên gác bước xuống, tay lải vịn cầu thang bằng gỗ, óc ông Trêm mơ hồ kiểm điểm qua loa: đêm qua vợ ông láng diềng nọ, đêm nay tới lượt ai đây? Có thể rồi rồi sau đó, ý nghĩ lại bị ông gạt đi, bỏ qua: Không có gì gọi là mơ mộng, vơ vẩn.

Nhưng về khuya, ông Trêm lại trở lại với những hình ảnh nọ, trở lại với sự háo hức nhấp nhóm; rồi ông ghi chặt người vợ, trong trí hiện hiện hình ảnh cô nọ bà kia trong xóm, hay trong trí thầm vang

lên những tiếng nài nỉ thiết tha: « Anna! Anna! anh van em, anh xin em! » Từ trên toa tàu mà nàng cùng ngồi với bà mẹ của Vronski bước xuống, Anna trông hơi đầy người, nhưng dáng đi nhanh nhẹn, và cổ nàng thì khỏe mạnh, rắn chắc, trông như bằng ngà. Trong đêm tối, bà Trêm nung nịu ấm ứ. Còn ông, thì ông mừng rỡ, nhiệt liệt mừng rỡ trông thiếu phụ tình nhân hơi đầy đà, với cái cổ khỏe mạnh, ông vòng tay ôm chặt cái cổ ấy. « Anna! Anna... anh xin em! »

oOo

« Anna, Anna! », Lộc không nghe, không hay biết gì về những tiếng kêu van tha thiết ấy. Nàng chỉ nghe từ ngày nọ sang ngày kia cái giọng khàn khàn đều đều của một người đàn ông—khi thì nói về việc học hành bài vở, khi thì về chuyện nội trợ tiền nong, giặt giũ, nấu nướng—một người đàn ông quá dỗi chí li trong sự chăm sóc gia đình, một gia đình mà vợ con hoàn toàn thụ động, không có một dấu hiệu phản ứng, một dấu hiệu sinh hoạt gì.

— Lê! con thay ngay bộ đồ đi. Ba nhắc lần này là ba lần rồi- Con gái không được dơ dáy.

— Đừng nghịch bao diêm, Đức ơi- Ba cấm con chơi lửa- Hiểu chưa?

— Lan, con mua thịt phải không? Lần này con lầm rồi, lại đây ba chỉ cho, để đề phòng lần sau...

Một người đàn ông « Con ơi con ơi » suốt ngày, dạy dỗ suốt ngày

có gì bất thường, khác lạ, nhất là với một giọng nói chưa có gì già nua.

Trái với mọi người khác trong xóm, nàng chú ý đến ông Triêm, nàng tò mò về người đàn ông này. Nàng chưa biết ông ta; có lẽ nàng đã gặp, đã đối mặt với ông ta nhiều lần ở đâu đó mà không hay cũng nên, bởi vì ra khỏi nhà người đàn ông ấy biến đổi hẳn, nhưng về phần Lộc, nàng có thể đã lọt vào mắt ông Triêm, có thể đã cung ứng cho ông nhiều cảm xúc để mê trong đêm tối. Bết đâu? Ông Triêm, về một phương diện, là người rất nhạy cảm: một giọng đàn bà cách tường, nghe âm áp, gọi cảm, như giọng nàng, đủ gọi lên trong trí ông sự suy diễn đầy hứng thú.

oOo

Nhiều hôm, hoặc giữa trưa, hoặc xế chiều, đang lui húi với công việc, Lộc để ý đến mấy tiếng chuông

bong bong, thỉnh thoảng nổi lên, rồi lan rộng, rồi tan biến, như những giọt mưa bụi lất phất rơi vu vơ trên một mặt ao phẳng lặng. Tiếng chuông không khuấy động mảy may cuộc sống trong xóm, nhưng đã khơi dậy trong lòng người con gái những cảm xúc bồi hồi, gọi lại những xúc cảm của buổi trưa hôm nào cùng người yêu thao thức. (1)

oOo

Và sau này, khi cuộc tình đã hoàn toàn tan vỡ, hoặc những buổi xế chiều, hoặc giữa nắng trưa rực rỡ, thỉnh thoảng mấy tiếng chuông bong bong sau vườn lại rơi xuống như mấy giọt mưa nhẹ, làm loang rộng những gợn buồn thấm thiết trong lòng nàng, như những gợn ba động lầu tầu trên một mặt ao hoang vắng.

VÔ PHIẾN

(1) « Trưa đơn giản » — *Bách Khoa số* ra ngày 18-5-74.

BỐN ĐỌC

HÀM NGHI và PHONG TRÀO CĂN VƯƠNG của ĐÔNG TÙNG và HỒNG LIÊN

Căn cứ trên những tài liệu chưa được công bố:

- về những hoạt động tích cực của phong trào Căn Vương tỉnh Nghệ-an
- về niên hiệu Hàm Nghi thứ 5, 6, 7, 8, 9, 10
- về nguyên văn các tờ trình, văn kiện trong nội bộ Căn vương; tư văn của Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải gửi các quan Pháp; biên bản khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng v.v... Tất cả đều được chụp in lại nguyên bản.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Thơ Nguyễn Huy Chương

Nghe hòa bình tưởng tượng ngày giải ngũ.

Nghĩa về đập bóng tà dương
Áo ta phơ phất nghe dương nhạc reo
Tay cầm chặt áo chiến bào
Ném trên giòng suối xin chào về quê
Ta về ta về ta về...

Chiều thu ngồi lại nơi hiên nhà xưa.

Trở về lá rụng đầy sân
Cỏ xưa đã phủ dấu chân mất rồi
Chợt trăng run rẩy trên môi
Và heo may đã từng hồi trong tim
Nắng chiều nhân nhợt ngoài hiên
Mới hay thu đã trăm miền lá bay
Trở về như ánh trăng say
Trở về bóng đổ theo ngày hai hín

Chống nạng trở lại vườn xưa

Ngày đi sông núi trong lòng
Mắt ngời cờ bay phất phới
Ngày đi đập sóng ta cười
Nhạc reo trong hồn lồng lộng

Ngày về chim bồ vườn xưa
Mây cao buồn im soi bóng
Ngày về khói sương ảo-mộng
Chinh phu ngồi khóc theo mưa

Ngần ngơ bước vào vườn cũ
Ta nghe muối xát trong lòng
Dậu xưa chum hoa ủ rữ
Chỉ thấy mưa mờ bến sông

Mẹ già tóc trắng như bông
Chống gậy nhìn ta ngơ ngác
Dưới chân lá buồn xơ xác
Có phải con về đó không

Ta quý như thời trẻ dại
Con về từ chốn ngàn dâu
Lần đi tưởng không trở lại
Tử sinh cũng bạc mái đầu.

Sương ngọc

Thơ TƯỜNG LINH

Tặng Trần Công Nghi

Biệt Sài-Gòn, ta lui về Định-Quán
Xa bạn bè, xa sách vở, xa Thơ
Hồi một lúa cùng bên trời lặn-đạn
Rượu chia tay không sấm nôi bấy giờ !

Này hun-hút vườn dài thân quốc-lộ
Chiều Phương-Lâm mỗi cánh gió La-Ngà
Xóm tân-lập tựa bìa rừng lỗ-nhổ
Cổ chưa mòn trên những lối đi qua.

Này cái cuốc, này lưỡi liềm, chiếc rựa
Thuở đầu xanh ta đã sớm quen nghề
Hai-mươi năm, ruộng vườn đầu thấy nữa
Cơm vẫn dùng nhưng vẫn lánh đồng quê !

Ông cha xưa, chẳng ai làm khanh tướng
Không ai khuyên ta mua kiếm, dựng cờ
Bỏ rựa, cầm gươm, lăn mò lạc hướng
Nên bên lề hoạn-lộ cứ ngu-ngơ !

Cây rừng ơi, xin nhận là thù-nghịch
Đề ta ôn những thế rựa gia-truyền
Ta thù thật cũng đau lòng không ít
Khi đứng nhìn cây đứt đoạn, ngã nghiêng !

Xuất thế khai-sơn, hồi chiêu phá thạch,
Tả phạt cổ bưng, hữu diệt gai rừng...
Giữa khàn-địa bỗng thấy mình hiền-hách
Thếp rựa ngồi cơn nắng xé rung rung.

Mưa đã thấm, hạt bắp nằm trong đất
Dưới đất-tro, kỹ-thác nỗi mong chờ
Trên vách trại, ta sẽ ghi sinh-nhật
Lúa đầu tiên phò râu đỏ, trượng cờ.

Sáng hôm nay đứng nhìn ruộng rẫy mới
Đã nhớ lên vô số những mầm xanh
Ta thấy lại giọt mồ-hôi đã tưới
Hóa-thân về trên chót lá long-lanh...

Anh không phải là thi sĩ

Thơ GI KHANH

nhạc-sĩ Debussy, Ravel là THI SĨ
họa sĩ Monet, Renoir là THI SĨ
với tiếng nhạc
với muôn sắc màu
tuyệt mỹ
điểm tô cuộc đời êm đẹp hoan ca
và còn nhiều nữa, còn nhiều nữa
nào Musset, Shelley, những nhà thơ thời lãng mạn yêu đương
nào Lý-Bạch, Thôi-Hiệu của những buổi thịnh Đường
dân cư thái bình lạc nghiệp
hay Huy-Cận, Xuân-Diệu của ba mươi năm thêm thiếp
đã xa rồi
tôi
hôm nay
muốn nói tới anh
anh, người « thi-sĩ » suốt ngày làm thơ trong những quán cà-phê
có máy lạnh và không khí Paris
anh không phải là THI SĨ
anh, người « thi-sĩ » có đôi mắt to mộng, có mái tóc bằng bành
có xuất bản những cuốn thơ tình điểm lệ sau bi
anh không phải là THI SĨ
anh, người « thi-sĩ » hao hoa với ba mươi chiếc cà-vạt thay đổi
cho ba mươi ngày trong tháng, với áo quần đúng thời trang
với xe hơi bóng loang
anh không phải là THI SĨ
trăm lần không, ngàn lần không
vì anh không biết rung động

đã hơn một lần anh làm thơ khóc cho cuộc tình đã mất
cho một người con gái ra đi
nhưng có bao giờ anh hỏi đồng bào còn lại những gì
ôi! đất nước
ôi! phân ly
đời bở
chờ vơ
mà sao anh nhớ làm thơ
mà sao anh nhớ làm thơ
mộng mơ

●

anh không phải là THI SĨ

Tôi về thăm

Thơ TẠ TỰ

Tặng L.V.

Tôi về thăm thành phố
Trong một ngày mưa rơi
Mưa rơi sâu đan lưới
Phủ kín linh hồn tôi

Tôi về thăm nhà cũ
Thấy ngôi lầu tường xiêu
Cây soan trồng lối ngõ
Hoa tím ngát hương chiều

Tôi về thăm người yêu
Nhìn nhau, buồn vời vợi
Tay gầy ngón xanh rêu
Ôi tháng năm chờ đợi..

Tôi về thăm bè bạn
Ngồi uống cà-phê đen
Nơi quán nghèo hôm trước
Đêm xuống chẳng lên đèn

Tôi về thăm, về thăm
Những gì hằng mơ ước
Trong mắt buồn đăm đăm
Từ lâu không nói được

Từng ngày phép qua mau
Như nước chảy chân cầu
Gió cuồng xô mái tóc
Thành phố bỏ đằng sau.

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

sách mới xuất bản trong tháng 7 và 8 / 74

MÃ TỖ BÁCH TRƯỢNG ngũ lục

Trần Tuấn Mẫn dịch chú

« Trong suốt cả mạch Thiền khởi nguyên từ đức Phật, Mã Tổ được xem là cái trục phát triển trọng yếu nhất sau Đạt Ma và Huệ Năng... »

NỤ CƯỜI DƯỚI CHÂN THANG

của Henry Miller

« Có lẽ đây là câu chuyện lạ lùng nhất trong những câu chuyện tôi đã viết... »

Henry Miller

TƯ TƯỞNG LÃO TRANG TRONG Y THUẬT ĐÔNG PHƯƠNG

của Trần văn Tích

« Thông qua lẽ lối lý luận khoa học, tác giả đã đào kỹ bới sâu khu nhà y lý cổ truyền để chỉ rõ những viên đá tảng xây nền đặt móng cho hệ thống lý luận của Đông y là do Lão học đặt và đồng thời, dựa vào chính hệ thống lý luận ấy, chứng minh những tính chất nhân bản, hòa đồng, tổng hợp, cũng như nhấn mạnh các đường hướng lý luận, nhìn bệnh, dùng thuốc của y lý phương Đông cùng với lẽ lối xử thế của người lương y lý tưởng... »

SỨ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI

của Albert Camus

gồm 2 bài: diễn thuyết đọc tại Viện Đại học Upsal, Thụy Điển, và diễn văn đọc nhận dịp lãnh giải thưởng Nobel văn chương tại Stockholm, Thụy Điển. Có in nguyên văn Pháp ngữ.

THỜI TẬP *giới thiệu :*

MẢNH Vụn VĂN-HỌC SỬ **Biên khảo của BẰNG-GIANG**

« Cuốn sách góp công vào việc soạn một bộ văn học sử V.N. đưa ra rất nhiều bổ túc cần phải có cho rất nhiều tài liệu đã được trích dẫn sai lầm. Ông Bằng-Giang — vốn là tác giả cuốn *Từ thơ mới đến thơ tự do*, cuốn sách thật vô tư xuất hiện cách đây 5 năm — lần này làm công việc diễn khuyết và sửa sai thật quan trọng, nhờ vào việc xét lại các tài liệu văn học đã xuất hiện. Đọc *Mảnh vụn văn học sử* sẽ thấy những cái xác đúng mà từ trước đến nay ta vẫn tưởng lầm : có những bài thơ không phải của Cao Bá Quát, Tú Xương mà ta vẫn tưởng là của CBQ, TX và nhiều trường hợp khác. »

THỜI TẬP, tập san văn học, VI-1974

Sóng Mới phát hành

VĂN PHÒNG KINH LÝ VÀ CỔ VẤN ĐIỀN ĐỊA

NGUYỄN XUÂN KHƯƠNG

Giám-định Trắc Địa Sư

Giám-định Tòa-án

Tốt nghiệp Institut Géographique National Paris

Nguyên Tổng Giám đốc Điền Địa

40 Nguyễn văn Trương Gia-Định

(trước Viện Ung Thư) Đ.T. (mới đổi) : 97.244

Có nhận: Kỹ sư, Cán sự tập sự

và Huấn luyện Họa viên, Trắc lượng viên

Có thể liên lạc: 160 Phan đình Phùng Saigon. Đ.T : 25.539

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**

**NÔTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS**

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nguyễn Đức Quỳnh dưới
ống kính Nguyễn Cao Đàm



Trên đây là chân dung Nguyễn Đức Quỳnh, ảnh của Nguyễn Cao Đàm mà nhiếp ảnh gia cho biết là lần đầu công bố cùng bạn đọc Bách Khoa. Khi thực hiện chân dung trên, không biết nhà nhiếp ảnh nổi danh có nghĩ đến cái tiếng « Phù thủy văn nghệ » mà một số nhà văn trẻ đã gán cho người chủ xưởng nhóm « Đàm Trường Viễn Kiến » không ?

Thiên-sư buồn

Dưới mắt nhà thơ Phạm Thiên Thư, người được giải Văn học Nghệ thuật về Thơ năm 1973, thì nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh lại là một « Thiên sư buồn » và khi Thiên sư của nhà thơ viên tịch thì anh đã viết mấy câu sau đây :

Kính tặng THIÊN SƯ BUỒN NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Ngàn xưa như thẻ ngàn sau
Trăm năm — thời ! một nhịp cầu
bấp bênh

Xá chi giả huyễn phù vân
Còn riêng Một Nét Tinh Thần mà
thời

Đóa Hoa đã xuống giòng, rồi
Vườn Nam lại nảy bao Chồi Tâm
Xuân

Y khoa và Văn-chương

Khi nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh lâm bệnh và phải vào nằm Bệnh-viện để giải phẫu thì được Giáo-sư Phạm Biều Tâm săn sóc. G.S. Phạm với tác giả *Thăng Cư Sơ nguyên* là chỗ cố-trì, từ thời Hàn-Thuyên và đặc-

biệt là từ sau khi Trương Tửu được mở ở Nhà thương Phú Doãn, và Nguyễn Đức Quỳnh thì bị yếu gan và được khuyên ra nằm ở vùng biển. Sau đó Nguyễn ôm sách đi Sầm Sơn và ở đó, đã viết hai quyển đầu của bộ *Thế-giới-sử* với *Thăng Cu So*.

Mở cho Nguyễn Đức Quỳnh lần đầu (năm 1970) thì giữa bác-sĩ với bệnh-nhân chỉ có một mối quan-hệ bình-thường mặc dầu cũng có chút tình cố-cựu.

Nhưng khi mở lại lần thứ hai, bác-sĩ thì biết rằng chỉ có được một kết quả tạm-bợ, nhưng bệnh-nhân thì hoàn-toàn tin-tưởng và tràn ngập ý-chí phấn đấu. Trong cái khung cảnh tâm-lí đặc-biệt ấy, đã nở ra vài giai thoại văn-chương biếm cớ và thú-vị.

Một vị lão-nho lại thăm nhà văn đang dưỡng bệnh và đề tặng đôi câu đối (viết chữ nôm):

*Trời sinh đất dưỡng, người cứu người
Nghệ điểm văn tô, thánh phà thánh*

và nhà văn đã tặng lại đôi câu đối đó cho vị bác-sĩ của mình là Giáo sư Phạm Biều Tâm. Giáo-sư Phạm nhận câu đối và đề nghị sửa lại là:

*Đất dưỡng trời sinh, người góp sức
Văn tô nghệ điểm, gấm thêm hoa*

Chúng ta thấy rõ ngay: Đôi câu đối trong nguyên-bản, nêu ra hai bộ tam tài là thiên-tịa-nhân và nghệ-văn-thánh. Một vế thì nói về sự chữa bệnh và coi người bệnh cũng như ông thầy chữa bệnh đều chỉ là người, với một cơ-thể và một tài-năng có căn-bản vật-chất. Một vế thì nói về

việc sáng tác và coi văn-nghệ-sĩ là toàn tinh-thần, ở bậc thánh.

Đôi câu đối được sửa lại, trước hết là vì sự khiêm-tốn của người thầy thuốc, cho rằng trong việc chữa bệnh cũng như trong sự sinh-dưỡng, người chỉ « góp sức » mà thôi. Đó là điều mà Ambroise Paré đã nói ra, từ thế-kỉ thứ 16 ở Pháp: « Je le pansay, Dieu le guarit » (Tôi băng bó cho hăn, và Chúa chữa cho hăn khỏi).

Đồng thời, cái thiên-chức của người văn-nghệ-sĩ cũng được nói ra một cách nhân-bản hơn, là làm cho « gấm thêm hoa », tức là làm cho những tư-tưởng cao-quí lại được thêm vẻ đẹp. Tiết-điệu của hai vế câu đối cũng đổi khác: không có vẻ đanh thép nữa, mà thành êm dịu và thanh-thản.

Tuy nhiên, sau đó Nguyễn Đức Quỳnh vẫn đề nghị sửa thêm một chữ: « điểm » thành chữ « chuốt »:

*Đất dưỡng trời sinh, người góp sức
Văn tô nghệ chuốt, gấm thêm hoa*

Buổi sáng ngày 18-4-1974 ông Nguyễn Đức Quỳnh rời khỏi Bệnh-viện, Giáo sư Phạm Biều Tâm đến bên giường thăm, và ngày đó, viết một bài tứ-tuyệt lời rất giản-dị, như một lời nói thường:

*Chữa bệnh hôm nay đã tới nơi
Mừng anh xuất viện nhẹ như chơi
Bà con quen biết đều vui vẻ
Vạn sự xara nay đã có Trời!*

Bài thơ này đã được nhiều vị nội điều khi thấy treo ở đầu giường của bệnh nhân.

Điều đáng nói ở đây không phải

là thơ hay hay dở, mà là xuất xứ của bài thơ, từ ở một bậc thầy của Y-khoa Việt-nam mà ra. Đó là điểm kỉ diệu của con người Việt-nam, lên đến tột bậc trong khoa-học, mà vẫn giữ tính cách nhân-bản và vẫn giữ

lòng yêu văn.

Trước khi nhắm mắt, nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh đã đọc câu kết của bài thơ và nói, «thì ra anh Tâm anh ấy biết rồi».

TRẦN NGỌC NINH

Sau đây là bài thơ nói trên, do chính Giáo sư Phạm Biều Tâm viết :

*Kính tặng
anh Nguyễn Đức Quỳnh*

*Chưa bệnh hôm nay đã tới rồi
Mừng anh vượt vên nhẹ như chơi
Bà con quen biết đều vui vẻ
Vạn sự vừa nay đã có rồi!*

Phạm Biều Tâm

18-4-74.

Những truyện ngắn hay nhất

Nhà xuất bản «Sống» đã cho ra một tác phẩm dày ngót 800 trang, in rất đẹp gồm 45 truyện ngắn của 45 tác giả mỗi truyện do chính tác giả lựa chọn như 1 truyện hay của mình và cũng chính tác giả ghi tiểu sử và quan niệm về truyện ngắn cùng giới thiệu vài hàng về truyện mà mình đã lựa chọn cho Tuyển tập của nhà xuất bản. Cũng do đó mà có cái tựa của cuốn

sách: «*Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*». Đặc biệt còn một tập 45 chân dung các tác giả qua ống kính của nhiếp ảnh gia danh tiếng Trần-cao-Linh lựa ra từ sưu tập «*Những khuôn mặt văn nghệ Miền Nam*» của ông. Người ta đọc thấy tên những tác giả đủ mọi lứa tuổi đã đóng góp vào văn nghệ Miền Nam từ 20 năm qua : Bình-Nguyên-Lộc, Mai-Thảo, Sơn Nam, Vũ-Khắc-Khoan

Võ-Phiến, Mặc Đỗ, Lê-Tất-Điều, Nhà Ca, Nhật-Tiến, Duy-Lam, Nguyễn-Đức-Sơn v.v...

Tất nhiên những nhà văn viết truyện ngắn ở Miền Nam không phải chỉ có chừng đó. Nguyễn-Đông-Ngạc, người chủ trương nhà xuất bản "Sóng", cũng công nhận có thiếu sót và anh cho biết một phần tại công việc thì nhiều và nặng nề mà người chạy có mình anh, một phần cũng tại có khi nhà văn ở xa như ngoài Trung, liên lạc khó khăn, mà nhiếp ảnh gia Trần-cao-Linh lại không có dịp tới tận nơi mà chụp hình được, nên anh có nhớ ra mà đành phải đợi dịp tái bản mới bổ túc được. Tác quyền, công in, giấy v.v... tốn kém mất chừng hai triệu sáu và vì tự phát hành nên chưa lấy lại được 1/3 số vốn trên đây. Tuy nhiên theo anh Nguyễn-Đông-Ngạc vì quá mến các nhà văn của quê hương mình mà anh đã ấn hành tác phẩm này, nên dù có khó nhọc, có thiệt thòi, có bị trách cứ điều gì, anh cũng vui lòng chịu đựng.

Tủ sách sáng tác Trẻ

Nhà Xuất bản TRẺ do Lê-Thanh Hoàng-Dân chủ trương — Nhà giáo thường xuất hiện trên Đài Truyền hình, hàng tuần, trong chương trình "Quê hương mến yêu" — đã ấn hành được một số khá lớn sách trong các tủ sách Giáo dục, tủ sách Tâm lý và Sư phạm, Tủ sách Khoa học Nhân văn, Tủ sách Văn học Thế giới. Nay nhà xuất bản Trẻ lại dự định giới thiệu với độc giả vào đầu tháng 11/74

này các tác phẩm đặc ý nhất của những nhà văn trẻ đã từng xuất hiện từ nhiều năm nay trên các tạp chí văn học, nghệ thuật ở Miền Nam và đặt tên là Tủ sách sáng tác trẻ.

Trong lúc giấy báo từ đầu tháng 7 lại tăng lên ngo. 2.000đ mỗi rame 65x100 thì sự hanh say hoạt động của Giáo sư Lê-Thanh Hoàng-Dân và nhà xuất bản Trẻ quả là một việc rất đáng hoan nghênh.

Hai mươi năm thi ca Việt Nam

Nhà xuất bản thơ Nhập Cuộc dự định sẽ ấn hành tuyển tập thơ "Hai mươi năm thi ca Việt Nam". Tuyển tập này gồm một số thơ tiêu biểu của các thi sĩ miền Nam Việt Nam từ năm 1954 đến nay.

Nhập Cuộc cũng đã ấn hành đến 23 tập thơ, mà tập mới nhất là "Đi qua đời tôi" của Xuân Hữu (tái bản); trước đó là các tập "Người bên dòng Hương" của Xuân Hữu, "Cuộc tình người" của Trần Hữu Nghiễm và tuyển tập "Những vầng trời có thực" của 12 tác giả trẻ mà Bách Khoa đã giới thiệu trước đây. Nhập Cuộc sẽ ấn hành nhiều tập thơ khác nữa.

Về Nhập Cuộc, Bách Khoa đã nhiều lần giới thiệu, là một nhà xuất bản chỉ in thơ là loại khó bán nhất. Văn cũng đã viết: "Hiện nay, chỉ có Nhập Cuộc là nhà xuất bản duy nhất chỉ in thơ".

Giới sáng tác thơ và đọc thơ muốn chấp nhận những khó khăn đề cộng tác với Nhập Cuộc xin thư về: Trần Hữu Nghiễm, Hộp thư 77 Huế.

THU THỦY

● TỪ DẠP

Đối với mọi người tại Bắc bán cầu, Kohoutek — ngôi sao chổi của thế kỷ — quả thật không có gì đáng chú ý cả chỉ giống như ai đó tình nghịch quệt một vệt sơn trắng lên bầu trời. Nhưng đối với các khoa học gia thì lại khác, trong vòng hơn mười tháng nay, từ thiên văn đài Kitt Peak national observatory tại Arizona với viễn vọng kính không lồ Mc Math, từ các phi hành gia trên trạm không gian Skylab đến những chuyên viên về vô tuyến viễn vọng kính, ngay cả phi thuyền Mariner 10 đều làm việc liên tục — giúp tìm ra được những điều mọi người không thể « thấy » được trên sao chổi Kohoutek.

Tại sao Kohoutek lại không sáng chói như mong đợi?

Ta phải quay lại từ đầu, sao chổi Kohoutek được tìm thấy lần đầu khi cách xa trái đất hơn ba trăm bảy mươi triệu dặm, lúc đó Kohoutek chỉ là một điểm sáng bằng một phần mười ngàn đối với một vật mờ nhất mắt trần thấy được. Các thiên văn gia chỉ phỏng đoán — thật là khó ở một khoảng cách quá xa như vậy — rằng nếu không có gì trở ngại, khi đến gần trái đất, Kohoutek sẽ sáng như sao chổi Bennet 1970, nghĩa là bằng độ sáng của trăng thượng huyền.

Nhưng sau đó, các thiên văn gia nhận thấy nhân (nucleus) của Kohoutek

không phát sinh ra nhiều bụi như mong đợi, mà vẻ đẹp chói lọi của các sao chổi lại do chính đám bụi này tạo ra khi phản chiếu ánh sáng mặt trời. Nên Kohoutek vào lúc sáng nhất trên đường đi của nó, nghĩa là vào lúc gần mặt trời nhất vào ngày hai mươi tám tháng mười hai (28-12) chỉ bằng sao hôm (Venus) mà thôi. Nhưng tiếc thay đó cũng chỉ là độ sáng mà các thiên văn gia thấy được trên giấy tờ vì lúc đó Kohoutek đã hoàn toàn chìm vào ánh sáng mặt trời.

Nguồn gốc của sao chổi

Trong việc tìm kiếm nguồn gốc của sao chổi, các nhà thiên văn vô tuyến (radio astronomers) đã đóng góp nhiều cho sự tiến bộ của khoa học khi tìm ra 2 chất methyl cyanide và hydrogen cyanide trong sao chổi Kohoutek; 2 chất này chưa bao giờ được tìm thấy trong các sao chổi trước đây, mà chỉ có trong khoảng không gian nơi phát sinh ra những ngôi sao mới. Về nguồn gốc của sao chổi, hầu hết các thiên văn gia đều đồng ý rằng sao chổi là những mảnh vụn từ sự thành lập của thái-dương hệ, nhưng nơi phát sinh của nó — giữa Neptune và Jupiter hay xa hơn nữa ở khoảng không gian giữa các vì sao — vẫn còn là đề tài tranh luận. Nếu sao chổi phát sinh giữa 2 hành tinh Jupiter và Neptune, sao chổi sẽ không chứa những chất gì phức tạp hơn là ammoniac và

methan. Việc tìm ra methyl cyanide và hydrogen cyanide đã giúp các thiên văn gia đưa ra một giả thuyết mới :

Sao chổi được thành lập trong những quỹ đạo ở một độ xa là một phần năm khoảng cách từ mặt trời đến ngôi sao gần nhất. Nhưng vì các ngôi sao của dãy ngân hà luôn luôn thay đổi vị trí, tới một lúc nào đó một ngôi sao sẽ đi quá gần, sức hút của ngôi sao này sẽ đẩy một ngôi sao chổi vào trung tâm của thái dương hệ.

Ngoài ra các cuộc nghiên cứu về sao chổi Kohoutek giúp chúng ta biết thêm về các luồng gió mặt trời — tức là các trận bão nguyên tử phát sinh từ mặt trời với vận tốc thật lớn — các phi hành gia trên trạm không gian Skylab, không bị bầu khí quyển của trái đất ngăn chặn, đã chụp được các hình ảnh quĩ báu về sao chổi như là các bức hình chụp bằng tia tử ngoại cho thấy bao quanh sao chổi có một đám mây khinh khí khổng lồ (hydrogencloud). Phi thuyền Mariner 10 trên đường tới Kim tinh và Thủy Tinh đã đo chiều dài của coma : 60 lần rộng hơn đầu của sao chổi.

Chỉ trong một thời gian xuất hiện ngắn ngủi, sao chổi Kohoutek đã

giúp cho các khoa học gia biết thêm nhiều điều mới lạ. Vì chu kỳ của sao chổi Kohoutek là 75 ngàn năm nên đối với chúng ta đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng thấy được nó.

TỬ DIỆP

Thuốc ngừa sốt rét rừng

Mỗi năm tại Á châu, Phi châu mà Nam Mỹ đã có chừng 4 triệu người mắc phải bệnh sốt rét rừng và có chừng 1 triệu người chết vì bệnh này. Bệnh hay lây dễ dàng vì chỉ do muỗi truyền bệnh, bằng những mảnh vụn hồng huyết cầu bị vỡ. Khảo sát về những người chống lại được bệnh rét rừng, bác sĩ Sidney Cohen, ở Luân-đôn đã nhận ra rằng trên mặt hồng huyết cầu có một loại kháng thể chống lại vi trùng rét rừng và do đó có thể kích thích sự miễn dịch tự nhiên của người ta đối với bệnh này. Nhờ vậy mà Bác sĩ Cohen đã tìm ra được thuốc chích ngừa bệnh rét rừng đã thử nghiệm vào loài khỉ và dương xúc tiến thử nghiệm với loài người. Việc này cần làm gấp vì người ta nhận thấy loài muỗi mang bệnh rét rừng nhiều vùng đã dần dần chống lại được cả với các thuốc trừ muỗi và trở nên rất mạnh. Và như thế nên thuốc ký-nhân vẫn trị bệnh này đôi khi cũng vô hiệu.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngô-Lao — SAIGON

Dãy số : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

SINH HOẠT

Nói chuyện về Nhất Linh tại Huế

Vào lúc 17 giờ 30 chiều ngày 9-7-1974, tại Trung tâm Sinh hoạt Văn hóa Xã hội Huế, số 01 Trương Định, nhà văn Duy Lam đã nói chuyện về đề tài « *Nghĩ về cái chết của Văn-hào Nhất Linh* » trước một số cử tọa trên 350 người gồm nhân sĩ, giáo sư và đa số sinh viên học sinh.

Trong suốt thời gian gần 2 tiếng đồng hồ, diễn giả đã dẫn người nghe đi gần với con người Nhất Linh qua đời sống của ông, của các nhân vật được xem là chuyên chở phần nào tư tưởng và cuộc đời của ông từ đó người nghe có thể thấy được con người Nhất Linh nhiều mặt. Cũng trong dịp này, nhà văn Duy Lam khẳng quyết, sau 11 năm cái chết của Văn hào Nhất Linh (7-7-1963), những bài viết về ông từ trước đến đều vô đoán, thiếu sót bởi các người viết đã vấp một sai lầm căn bản giống nhau là đã viết về Nhất Linh từng phương diện một, Nhất Linh nhà cách mạng, nhà chính trị, nhà văn, lãnh tụ chính trị v.v.. Đích thật Nhất Linh là con người tập hợp của tất cả con người Nhất Linh đã được nhắc đến sau cái chết của ông.

Nói về cái chết của nhà văn hào, người nghe cũng được diễn giả cho biết là Nhất Linh đã chuẩn bị cho cái chết của mình trong lòng rã suốt hơn hai năm trời. Chính cái chết đó, Nhất Linh đã để lại cho những thế hệ sau ông một tác phẩm sống động

nhất bất thành văn mà mọi người đang muốn tìm hiểu.

Nhà văn Duy Lam, ngoài liên hệ gia đình (thân mẫu của anh là em ruột của Nhất Linh, Hoàng Đạo và chị ruột của Thạch Lam) anh còn có cái may mắn cộng tác với Nhất Linh cho đến giai đoạn cuối cùng cuộc đời ông. Chính ở điểm này cử tọa đã được diễn giả dẫn vào những chi tiết hào hùng đến mơ mộng, điên đảo của Nhất Linh.

Ngay sau khi cuộc nói chuyện kết thúc, ông Phó tỉnh trưởng Thừa Thiên đã cùng nhà văn Duy Lam đồng cất băng khánh thành phòng triển lãm hình ảnh, bút tích, bản thảo... của Nhất Linh. Qua phòng triển lãm này người ta thấy được Nhất Linh từ 20 tuổi đến Nhất Linh cuối đời khi đám tang đông đảo người tiễn đưa. Cũng trong dịp này, người ta thấy tận mắt nét bút của Nhất Linh trên các bản thảo của tác phẩm ông, những mẫu bìa Văn Hóa Ngày Nay do chính tay ông tỉ mỉ trình bày v.v... Những tập báo do Tự Lực Văn Đoàn chủ trương xuất bản ở Hà Nội cũng được thấy trình bày để người xem nhìn lại tờ báo của gần nửa thế kỷ trước. Triển lãm mở cửa từ 9-7 đến 14-7-1974.

Được biết đây là một trong những sinh hoạt thường kỳ của Trung-tâm Sinh-hoạt Văn-hóa Xã hội Huế. Trung tâm này mở cửa sinh hoạt được hơn một năm nay, là nơi

gặp gỡ và qui tụ những người làm nghệ thuật và ham thích hoạt động xã hội tại đất Thần kinh. Nhóm chủ trương cho biết Trung tâm này là của mọi người hoạt động trong môi trường Văn hóa Xã-hội.

Trung tâm đã qui tụ đông đảo anh em, với một chương trình hoạt động rộng lớn. Tuy nhiên, trong hơn một

năm hoạt động Trung tâm Sinh hoạt Văn-hóa Xã-hội Huế gặp phải một trở ngại duy nhất là tài chánh, nhưng mọi người đều lạc quan tin tưởng vào những thành quả ngày một khích lệ dựa và quyết tâm của những người đóng góp.

NGUYỄN KINH CHÂU

Huế 12-7-74

Sinh hoạt văn hóa ở Qui-Nhơn.

Từ mấy tháng nay, Qui nhơn đang cố gắng phục hồi chỗ đứng của mình trong văn học: quê hương của rất nhiều nhà thơ. Sáng kiến do Sở Học Chánh. Cơ quan văn hóa địa phương này tổ chức đều đặn các cuộc diễn thuyết về văn học, kích thích phát huy một bộ môn nghệ thuật đang bị thời cuộc đẩy sang bên lề. Đầu tiên là cuộc diễn thuyết của Quách Tấn với đề tài: *Thi ca Bình Định thời hán học*. Sau đó là cuộc diễn thuyết của Lam Giang, đề tài sử học: *Châu Vijaya và các danh tướng Tây Sơn*. Cuối cùng đến lượt Võ Phiến bàn về *Việt Ngữ và thi ca hiện đại*. Buổi diễn thuyết tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Qui nhơn, lúc 9 giờ ngày 21-7-1974, với hơn 400 thính giả đủ mọi giới, đa số là giới văn nghệ trẻ với một giọng nói trầm

tĩnh và dí dỏm, Võ Phiến đã tạo hào hứng cho cử tọa suốt 2 giờ đồng hồ. Sau phần diễn thuyết, nhiều bạn trẻ có lên diễn đàn thảo luận, góp ý với Võ Phiến về nhiều vấn đề văn học. Không khí chung: thân mật và vui vẻ, có lẽ nhờ diễn giả lẫn thính giả đều là những người thiết tha với quê hương và văn nghệ.

Tuy buổi diễn thuyết tổ chức hơi vội, nhưng nhiều bạn văn quen thuộc đã cố gắng tới dự, như: Lữ Quỳnh, Hoàng Ngọc Tuấn, Đặng Tấn Tới, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Chí Kham, Lương Trọng Minh, Đặng Quí Định, Nguyễn Hoài Văn, Hồ Nặc Ngữ, Phan Sĩ Hòe, Hồ Thế Phát, Mang Viên Long, Trần Trúc Vũ, Vũ Phan Long, Mịch La Phong, Như Anh, Trần Nhâm Thân...

Hiện tượng Trương Vĩnh Ký

Đề tài trên đây đã được Ô. Hồ Hữu Tường nói chuyện vào buổi sáng chủ nhật 28-7-74 tại Trụ sở Trung Tâm Văn Bút V.N. ở Saigon

Theo diễn giả, Trương Vĩnh Ký đến 22 tuổi, đã được công nhận là 1 trong 18 học giả lừng danh thế giới, nhưng lại là cán bộ thông ngôn

cho đạo quân thực dân Pháp xâm lăng đất nước ta. Từ cái thế bó buộc phải hợp tác với địch, dần dần ông hướng về được con đường « sáng tác văn hóa ». Đó là dạy cho người Pháp biết ngôn ngữ và phong tục An-nam, đồng thời dạy cho mọi người trong nước biết tiếng Pháp, để hiểu nền văn minh Pháp, nhất là mở mang trình độ và địa hạt hiểu biết của người Việt đối với văn hóa của mình.

Từ một trí thức hợp tác với ngoại bang, Trương Vĩnh Ký đã hóa thành một bậc sĩ phu đối với thời đại mình. Đó là lý do tại sao diễn

giả đặt ra danh từ « Hóa trình » để ghi thêm vào đề tài cuộc nói chuyện là « Hóa trình từ người trí thức đến bậc sĩ-phu »

Có người đi qua cây cầu từ bên này sang bên kia mà không thay đổi gì cả. Nhưng có người đi từ khỏi điểm A đến cứu cánh B mà thay đổi hoàn toàn thì hiện tượng đó theo diễn giả nên gọi là « Hóa trình ». Và ông đã minh họa danh từ này bằng hiện tượng Trương Vĩnh Ký.

Bài nói chuyện trên sẽ được đăng lại nguyên văn trên Bách-Khoa số tới đây.

Nói chuyện về Truyền thông

Vào hồi 16 giờ 30 chiều 23 tháng 7 vừa qua, Giáo sư William Maxwell¹ đã nói chuyện thân mật với sinh viên trường Truyền Thông tại giảng đường Viện Đại học Cửu Long, Sài Gòn.

Tiến sĩ Maxwell là trưởng ban Báo chí học tại Đại học California State University at Fullerton. Đây là lần thứ hai ông sang thăm Việt Nam. Đáng lẽ ông rời Sài Gòn sáng 23/7, nhưng theo ông, vì mến các giáo sư cũng như anh chị em sinh viên trường Truyền Thông Cửu Long mà ông đã xin gia hạn giấy thông hành để nán lại một bữa.

Bằng một giọng nói chậm rãi, rõ ràng, với nụ cười thân thiện luôn nở trên môi, Giáo sư Maxwell đã chiếm được cảm tình của toàn thể cử tọa.

Theo G.s. Maxwell, 14 năm về trước, ông là sinh viên duy nhất, theo học môn Truyền Thông với một giáo sư duy nhất. Tiểu bang California cũng không công nhận văn bằng Truyền Thông. Ấy thế mà giờ đây, Đại học California có trên tám trăm sinh viên theo học ban Truyền Thông. Và nền giáo dục Hoa kỳ đã coi môn Truyền thông Đại chúng như một khoa học. Theo Gs. Maxwell, sinh viên có những khuynh hướng như sau : 1) Giao tế nhân sự (public relations); 2) Truyền hình (television); 3) Nghề làm báo (Journalism); 4) Nhiếp ảnh (photo-graphy); 5) Điện ảnh (motion picture), chuyên làm phim tài liệu chứ không dạy và học làm phim thương mại. Các khuynh hướng trên biểu thị rõ sự kiện để tìm kiếm việc làm sau khi có văn

bằng tốt nghiệp.

Sau hơn 30 phút nói chuyện, tới phần đặt câu hỏi. Các sinh viên đã nêu ra nhiều câu hỏi xoay quanh các môn học chuyên nghiệp; về hoàn cảnh kinh tế đặc biệt của VNCH khác hẳn nền kinh tế của Hoa kỳ... Trong phần trả lời, Gs Maxwell đặc biệt nhấn mạnh là môn Truyền Thông nay đi vào thời đại của điện toán nên dễ bùng phát (communications explosion) và có thể tạo thành cách mạng (communications revolution). Theo Gs Maxwell hiện có 3 vệ tinh truyền thông sẵn sàng chuyển các tín hiệu tới bất cứ nơi nào trên trái đất. Gs được biết là VNCH đang nghiên cứu lập đài tiếp vận, và ông ước mong việc lập đài tiếp vận này sẽ sớm hoàn thành để giúp cho dân VN biết ngay các biến cố khi vừa xảy ra trên khắp hoàn vũ.

Giáo sư Maxwell cho biết ông có ý định nghiên cứu việc trao đổi sinh viên môn Truyền thông với VNCH. Tại Hoa kỳ, sinh viên học trung bình trong 4 năm (có nghỉ hè) để thi lấy bằng Bachelor. Tại VNCH, Viện Đại học Cửu Long không cho sinh viên

nghỉ hè, nên chỉ học 3 năm, kể cả thời gian thực tập, sinh viên có thể thi bằng Cử nhân. Sau khi tốt nghiệp Bachelor, nếu sinh viên xuất sắc và học tập chuyên cần, có thể thi lấy bằng Master sau một năm học tập. Nhưng, cho tới nay, chưa có sinh viên nào chỉ học 1 năm mà lấy được bằng Master cả. G.s. Maxwell hi vọng sẽ tiếp nhận những sinh viên VN xuất sắc có đủ tài thâu ngắn thời gian lấy bằng Master tại Đại-học California, nơi ông sẽ rất vui mừng đón chờ và giảng dạy.

Được hỏi về cảm tưởng về VN, G.s. Maxwell cho biết



Ông tin tưởng là tình hình kinh tế VNCH sẽ mỗi ngày một sáng sủa dần, đi tới chỗ thịnh vượng và do đó, môn Truyền thông Đại chúng sẽ trở thành một môn học đặc dụng...

THẾ NHÂN

Đề biếu rõ về Thế giới Chính trị và Ngoại giao — những bí ẩn của trận đệ nhị Thế chiến, tâm tư ray rết của De Gaulle, người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

Hãy đọc

HỒI KÝ DE GAULLE

dịch giả VŨ ĐÌNH LƯU

Đồng Nai tổng phát hành vào ngày 6-7-74

Phát hành ngày 17-8-74 — Số lượng 1.000.

KD số 450/74 BDVCH/KSALP/GP — 13-8-1974.

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

2.300đ.

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v. .) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn,

Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngô-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.